



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Ass.Viet Nam Fraternité, 37 rue du Clos de l'Erable, 77400 Saint Thibault des Vignes, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Xã luận :

Tình dân tộc nghĩa đồng bào

Đầu tháng 11 vừa qua, một trận bão lụt kinh khủng đã tàn phá miền Trung, gây tang tóc cho gần bảy triệu đồng bào. Gần một triệu nhà ở bị hư hại, gần 2.000 nhà thương và trạm y tế bị phá hủy cùng với trên 5.000 lớp học. Gần một ngàn đồng bào đã thiệt mạng. Khoảng một triệu người thiếu lương thực. Thiệt hại vật chất lên đến 300 triệu USD.

Chúng ta đều đau lòng trước một thiên tai tàn khốc đã xảy đến cho vùng nghèo khổ nhất đất nước. Nhưng trong nỗi đau xót đó, chúng ta được một an ủi là thấy tình dân tộc nghĩa đồng bào đã được thể hiện một cách nồng nàn như chưa bao giờ thấy. Đồng bào cả nước đã lập tức sốt sắng tham gia cứu trợ, biểu lộ tình liên đới một cách đáng ngạc nhiên. Khắp nơi sôi nổi quyên góp. Mọi chùa, mọi nhà thờ đều trở thành những trung tâm cứu trợ.

Tại họa này đã gây cho chúng ta nhiều thiệt hại, nhưng mặt khác nó cũng đã đem người Việt lại gần nhau, và sự kiện này đáng được coi là quan trọng hơn nhiều. Nỗi đau chung đã đoàn kết những người Việt với nhau.

Người Việt hải ngoại cũng đã tỏ ra xứng đáng với làn sóng liên đới trong nước. Phản ứng của cộng đồng người Việt hải ngoại đã tức khắc và đồng tình. Khắp nơi quyên góp, mọi tổ chức thiện nguyện, mọi giáo hội đều tham gia cứu trợ. Các tổ chức chính trị đã cổ vũ và khuyến khích. Kết quả đã rất đáng tự hào. Riêng một mình Trung Tâm Công Giáo tại Orange County đã quyên được 250.000 USD, riêng một mình chùa Liên Hoa cũng đã quyên được hơn 300.000 USD. Còn biết bao cố gắng cứu trợ ở các nơi khác. Có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ

tổng kết hết được mọi kết quả.

Cộng đồng người Việt vừa chứng tỏ một chuyển biến tâm lý rất đáng mừng. Cách đây 11 năm, vào mùa Xuân 1988 khi một nạn đói kinh khủng xảy ra tại miền Bắc làm hơn hai mươi triệu đồng bào lâm vào cảnh thiếu đói và nhiều người chết đói, Thông Luận đã là tổ chức đối lập duy nhất tại hải ngoại lên tiếng kêu gọi cứu đói, và đã gặp những chống đối rất gay gắt tại khắp nơi. Nhắc lại sự kiện này chỉ để nhận định rằng chúng ta đã tiến một bước rất dài, chúng ta đã hiểu rằng lòng tốt và tình liên đới dân tộc là sức mạnh chính của cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ. Điều này chẳng có gì mới. Sáu thế kỷ trước, Nguyễn Trãi đã từng nói phải lấy nhân nghĩa để thắng hung tàn, lấy trái tim để thắng bạo lực, nhưng như mọi giá trị cơ bản, chân lý này cần liên tục được khám phá.

Đồng bào trong nước và ngoài nước đã phản ứng một cách rất đẹp đẽ. Tuy nhiên, những hậu quả của trận lụt lớn này sẽ còn kéo dài, vì vậy cố gắng liên đới sẽ còn phải được tiếp tục dưới nhiều hình thức khác trong một thời gian khá lâu.

Dù không phải là lúc lên án, nhưng trước những thiệt hại về nhân mạng và tài sản đến mức độ vừa xảy ra thì không thể không đặt vấn đề trách nhiệm. Lũ lụt đã không thể tàn phá như thế nếu môi trường đã không bị hủy hoại trong nhiều năm qua. Cây rừng không còn khả năng giữ nước từ từ cho canh tác trong mùa nắng. Có thể dự đoán mà không sợ sai lầm là sau cơn lũ lụt này đồng bào miền Trung sẽ bị tai họa ngược lại, nghĩa là hạn hán, trong vài tháng nữa.

Nhà cầm quyền cộng sản gần đây tuy

đã tỏ ra phần nào ý thức được tình trạng xuống cấp của môi trường, nhưng quan tâm tới môi trường, dù sâu xa tới đâu đi nữa cũng chưa đủ và cũng vẫn chỉ là nước đến chân mới nhảy, mất trộm rồi mới rào dậu. Chúng ta cần một cái nhìn bao quát hơn. Đất nước còn nhiều nguy cơ khác: trật tự an ninh đang xuống cấp một cách đáng sợ, buôn lậu và tham nhũng đã rất trầm trọng nhưng vẫn còn tiếp tục gia tăng, bệnh liệt kháng (AIDS) lan rộng, hệ thống giáo dục và y tế suy thoái nặng. Trong khi đó thì kinh tế bế tắc, mọi hoạt động ngừng trệ và thất nghiệp gia tăng.

Điều mà chúng ta thực sự cần là một ý thức trách nhiệm và một lo âu sâu đậm cho tương lai đất nước. Nếu ý thức được như vậy thì nhà cầm quyền đã không dồn hết cố gắng để đương đầu với những người dân chủ đứng đắn và yêu nước, đã không phí phạm tài nguyên cho những cơ quan tình báo, công an tư tưởng, kiểm soát điện thoại, lập tường lửa trên Internet, v.v... và đã biết trân trọng những người quan tâm tới đất nước để cùng với họ tìm giải pháp đưa đất nước ra khỏi bế tắc.

Chúng ta không thể chờ đợi chính quyền này một thiện chí nào, nhưng ý thức quốc gia dân tộc lên cao trong dân chúng sẽ là một sức ép buộc nhà cầm quyền phải thức tỉnh và hành xử một cách có trách nhiệm. Dấu hiệu đầu tiên là nhà cầm quyền đã không cấm cản những hoạt động cứu trợ từ mọi phía, kể cả từ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Nếu đợt thiên tai vừa qua giúp cho mọi người Việt ý thức được những thử thách đang đặt ra cho đất nước thì ít nhất những đồng bào vừa thiệt mạng cũng đã không chết một cách quá tước.

Thông Luận

Thiên niên kỷ Thiên Chúa hóa Châu Á ?

Ngày 5-11-1999, đức Giáo hoàng Jean Paul II đặt chân xuống New Delhi, bắt đầu một cuộc viếng thăm ba ngày tại Ấn Độ. Cuộc viếng thăm này có mục tiêu tuyên bố văn kiện *Giáo hội Châu Á*, tổng kết Hội nghị Công giáo quy tụ các giám mục vào hai tháng tư và năm 1998 tại La Mã.

Sở dĩ Ấn Độ được chọn làm nơi để công bố văn kiện *Giáo hội Châu Á* vì các cuộc vận động để đức Giáo hoàng Jean Paul II thăm viếng Việt Nam hoặc Hồng Kông đã không đem lại những kết quả mong muốn.

Việt Nam với bảy triệu tín đồ Công giáo trên một dân số 77 triệu là nước Châu Á có nhiều tín đồ đứng hàng thứ nhì sau Phi Luật Tân. Việt Nam lại là nước thứ ba trên thế giới cùng với Trung Quốc và Arabia Saoudite không có liên lạc ngoại giao với Vatican. Trước những tố cáo của thế giới Tây phương vì chính sách chà đạp nhân quyền, vi phạm tự do tôn giáo... Hà Nội đặt rất nhiều hy vọng vào việc thiết lập liên hệ ngoại giao với tòa thánh Vatican cũng như một cuộc viếng thăm của đức Giáo hoàng tại Việt Nam. Nếu hai việc này thực hiện được, Hà Nội sẽ có một đồng minh uy tín trên toàn cầu để làm lá chắn trước những kết án vi phạm nhân quyền, vi phạm tự do tôn giáo. Một cuộc thiết lập bang giao giữa Việt Nam và Vatican có nghĩa là hai nước không còn tranh chấp nữa, nghĩa là giáo dân và giáo sĩ Công giáo được tự do hành đạo và giảng đạo. Một cuộc viếng thăm của đức Giáo hoàng tại Việt Nam, cũng như các cuộc công du từ xưa đến nay của đức Giáo hoàng Jean Paul II, là một biến cố vĩ đại, mang nặng tính mê-đi-a-tích, sẽ được báo chí, và các phương tiện truyền thông trên thế giới phổ biến rộng rãi. Chính quyền Hà Nội sẽ hưởng những thành quả tốt của cuộc công du này. Nhưng Hà Nội gặp khó khăn vì Tòa thánh đưa ra điều kiện tiên quyết phải cởi trói những ràng buộc đối với giáo dân và giáo phẩm Công giáo tại Việt Nam. Các cuộc hành lễ vẫn bị dòm ngó, kiểm soát. Tuy sáu chủng viện đã được phép mở từ năm 1990, các cuộc tấn phong giám mục vẫn là đối tượng bàn cãi rất gay gắt giữa Vatican và Hà Nội.

Không giống như Việt Nam, thái độ

của Vatican đối với Trung Quốc có phần mềm mỏng hơn. Bắc Kinh đòi hỏi Vatican bãi bỏ liên hệ ngoại giao với Đài Loan và về nhân quyền cũng như tự do tôn giáo, yêu cầu đừng xen lấn vào nội bộ Trung Hoa. Trong khi đó, Vatican tuyên bố sẵn sàng chuyển tòa Khâm mạng Tòa thánh từ Đài Loan đến Bắc Kinh. Việc chuyển này không có nghĩa là muốn cắt đứt liên hệ ngoại giao với Đài Loan, Vatican chỉ muốn đem tòa Khâm mạng về nơi tọa lạc cũ của nó. Nhưng Bắc Kinh không chấp nhận việc chuyển này vì sợ mất độc quyền tấn phong giám mục của Hội Công giáo yêu nước, một công cụ mà chính quyền đã dựng lên để kiểm soát và tuyển chọn hàng ngũ giáo phẩm. Cuộc đoàn giao giữa Vatican và Bắc Kinh bùng nổ vào năm 1957 khi một linh mục đầu tiên được Hội Công giáo yêu nước tấn phong. Nhưng khoảng một nửa giáo dân vẫn không chịu thần phục Hội Công giáo yêu nước. Giáo hội thầm lặng này, với khoảng 8 triệu giáo dân, đã bị đàn áp một cách thường xuyên.

Đức Giáo hoàng Jean Paul II đã đưa ra tại Ấn Độ những kết luận của văn kiện "Giáo hội Châu Á", nhấn mạnh về những khó khăn mà người Công giáo tại Châu Á - vốn thiểu số, khoảng 93 triệu giáo dân, 2.8% dân số Châu Á -, phải đương đầu, chịu đựng. Nói chung, chỉ trừ Đại Hàn và Nhật Bản, tại các nước khác, Trung Quốc, Việt Nam, Népal, Birmanie, Pakistan thiểu số dân Công giáo đã bị nhiều ràng buộc khắt khe.

Trong chuyến công du cuối cùng của thiên niên thứ hai, tại sân vận động Nehru, đức Giáo hoàng đã mạnh dạn vạch lại lịch sử truyền giáo của Giáo hội La Mã. Thiên niên kỷ thứ nhất dành cho công trình truyền giảng phúc âm (*évangélisation*) tại Châu Âu, thiên niên kỷ thứ hai tại Châu Mỹ và Châu Phi, thiên niên kỷ thứ ba sắp tới là công trình Thiên Chúa hóa (*christianisation*) Châu Á, và đức Giáo hoàng tiên đoán "một mùa gặt đức tin" tốt sẽ được nảy nở tại đây.

Cha Michael Amaladoss, một linh mục dòng Tên (*jesuite*) người Ấn Độ, giáo sư đại học, cho rằng trong thế giới đa nguyên Châu Á trong đó nhiều luồng tín ngưỡng được luân lưu như Ấn Độ giáo,

Hồi giáo, Phật giáo..., Công giáo chiếm thiểu số, "Thiên Chúa hóa" Châu Á có nghĩa là Châu Á chờ đợi một sự hoàn tất tôn giáo, và cuộc hoàn tất này chỉ có thể đến từ Thiên Chúa giáo. Đại đa số dân Châu Á sẽ khó chấp nhận biểu văn này.

Những khó khăn của cuộc truyền giảng phúc âm tại Châu Á không phải thuần túy chính trị. Những khó khăn này mang tính nội tại. Trong Giáo hội có hai luồng tư duy khác nhau về nội dung lẫn hình thức. Một số nhà thần học Công giáo gốc Châu Á như Michael Amaladoss, Raymondo Panikar người Ấn Độ, Aloisius Pieris người Sri Lanka dẫn đầu trường phái cấp tiến, chủ trương xét lại giáo lý cũng như cách tổ chức Giáo hội Châu Á cho phù hợp với nếp sống truyền thống cũng như nếp suy nghĩ của người Châu Á. Đức Giáo hoàng có một cái nhìn tiến bộ trong việc truyền giảng phúc âm, chủ trương các Giáo hội địa phương tại Châu Á cần phải trình bày các phép lạ của Thiên Chúa theo các tiêu chuẩn văn hóa và cách suy tư của từng dân tộc, khác hẳn những mô hình cổ điển muốn xuất cảng qua Châu Á một chân lý hoàn toàn Tây phương trong các thế kỷ trước đây. Nhưng Vatican hoàn toàn chống lại việc thay đổi các khánh lễ (*liturgies*): "các thánh lễ không thể nào được các Giáo hội địa phương tùy tiện thay đổi, mà không quy chiếu về Công giáo hội". Đây là giới hạn về mặt hình thức.

Về mặt nội dung, các nhà thần học cấp tiến cho rằng Thiên Chúa giáo sẽ không có hy vọng bành trướng tại Châu Á nếu không thừa nhận sự chính đáng của các đường lối tu dưỡng, vượt qua và cải thiện khác. Có lẽ các nhà thần học này nghĩ đến câu sau đây trong kinh Cựu Ước: "Đức Chúa Trời chỉ có một, chỉ được thờ phượng một Đức Chúa Trời, nếu thờ phượng một tượng hình hay một vị thần nào khác thì Ngài sẽ giận dữ". Theo các nhà thần học này, Giáo hội cần phải thay đổi biểu văn và phương pháp truyền giảng phúc âm thích hợp với các truyền thống văn hóa của Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản. Họ chủ trương, không hơn không kém, một "thần học khai phóng" dựa trên những ước vọng về vượt qua, về từ bỏ trong bối cảnh con người Châu Á tìm kiếm cải thiện cá nhân chứ không tìm kiếm "cứu rỗi" linh hồn.

Huỳnh Hùng

Tài liệu: *Le Monde*, nhật báo xuất bản tại Paris, số ra ngày 6, 8 và 9-11-1999.

Châu chấu đá đồ xe, rồi gì nữa?

Bùi Tín

Hội nghị trung ương đảng lần thứ tám, nhạt nhèo. Ký hay không ký thỏa ước buôn bán với Hoa Kỳ? Cấm bàn! Tất cả các chỉ tiêu kinh tế năm 1999 sắp kết thúc đều thấp. Đồng tiền lại hạ giá. Lụt lội miền Trung. Thất nghiệp gia tăng mạnh. Nạn Sida mở rộng. Đất nước bước vào năm 2000 ảm đạm. Không một giải pháp.

Một nét động náo lè ra gây nhiều chú ý và bàn luận sôi nổi rơi tõm vào sự thờ ơ. Người quan tâm đến thời cuộc bất quá nhún vai một cái. Đó là việc phó thủ tướng Ngô Xuân Lộc và nguyên thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước, phó ban kinh tế trung ương đảng Cao Sỹ Kiêm, cả hai là ủy viên trung ương đảng, bị mất chức.

Ai còn có thể nhẹ dạ cả tin rằng cuộc đấu tranh chống tham nhũng đang được đẩy mạnh, rằng cái quốc nạn ấy đang bị chặn đứng và đảng đang gây lại niềm tin của dân chúng! Phóng viên nước ngoài ở Hà Nội nhận định rằng đây có thể là hai con dê tế thần, hai vật hy sinh trên bàn thờ chống tham nhũng. Cần thêm rằng: quá ít ỏi và muộn màng, chỉ có phản tác dụng, gián tiếp thú nhận rằng bệnh dịch tham nhũng-quan liêu đã hết thuốc chữa trị, vì nếu xét xử, bỏ tù hết kẻ tham nhũng thì chế độ này chỉ có giải thể, không đủ tòa án và cũng không đủ nhà tù. Chả vậy mà cơ quan quốc tế chuyên điều tra về tham nhũng dẫn đến rủi ro trong đầu tư đã xếp Việt Nam vào loại "tiên phong", chỉ kém có Indonesia ở Châu Á!

Điều lý thú và bổ ích là xem xét vụ Ngô Xuân Lộc khởi đầu từ đâu. Ngô Xuân Lộc vốn là kỹ sư xây dựng, học ở Liên Xô về, được ông Đỗ Mười khi là phó thủ tướng đặc trách xây dựng các công trình lớn hồi đầu những năm 1980 chọn làm chỉ huy trưởng công trường nhà máy thủy điện Hòa Bình. Dưới trưởng ông Đỗ Mười, ông Lộc lên chức bộ trưởng xây dựng, rồi phó thủ tướng, đặc trách cả khối giao thông, xây dựng công nghiệp... Cuộc đời ông lên như điều... đứt dây. Khởi đầu từ một thư tố

cáo của một kiến trúc sư trẻ mới 28 tuổi tên là Nguyễn Hoàng Phương, đề ngày 10-6-1998, gửi những người lãnh đạo đảng và nhà nước, về quyết định phê duyệt một cách tùy tiện, vô nguyên tắc dự án "Thủy Cung Thăng Long". Kèm theo thư tố cáo là đơn kiện (dự thảo) gửi tòa án nhân dân tối cao, đứng tên công dân Nguyễn Hoàng Phương (kiến trúc sư, giải thưởng kiến trúc quốc tế 1994, ở tại 163 Bà Triệu, Hà Nội), căn cứ Hiến pháp và pháp luật hiện hành, kiện đích danh bảy viên chức nhà nước về tội thiếu tinh thần trách nhiệm, cố ý làm trái trong việc phê duyệt dự án Khu liên hợp du lịch, văn hóa, thể thao Thủy Cung Thăng Long. Đứng đầu danh sách bị cáo là ông Ngô Xuân Lộc, phó thủ tướng, rồi đến các ông bộ trưởng bộ kế hoạch và đầu tư Trần Xuân Giá, phó chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Đinh Hạnh, kiến trúc sư trưởng Hà Nội Nguyễn Lân...

Ông Nguyễn Hoàng Phương, với lối làm việc khoa học, viện dẫn 1.482 trang hồ sơ làm bằng chứng, đưa ra 15 nhân chứng trong cuộc, phần lớn là các chuyên gia am hiểu về kiến trúc, qui hoạch, đất đai, tài chính, kinh doanh, luật pháp. Ông Phương tố cáo bảy viên chức đã ráp tâm cấu kết với nhau "nhằm chiếm dụng 22 vạn mét vuông đất hồ đẹp nhất, thiêng liêng nhất của Hồ Tây để kinh doanh kiếm lợi riêng". Mưu đồ này, ông Phương nhận định, là một vụ cướp ngày tinh vi và trắng trợn, trái với qui hoạch thành phố đã được phê duyệt, trái với nhiều qui định pháp luật hiện hành.

Tám ngày sau đó, ông Nguyễn Hoàng Phương lại gửi những người lãnh đạo đảng và nhà nước bức thư thứ hai, đề ngày 18-7-1998, nhắc lại nội dung bức thư thứ nhất, và nhấn mạnh thêm rằng: có người can ngăn ông làm việc này, cho rằng gửi thư và đưa đơn kiện là ngây thơ, không thực tế; cũng có người phỏng đoán rằng ông bị ai đó xúi giục, vì ông quá trẻ, không thể có hành động tự mình liều lĩnh như vậy. Thế nhưng ông vẫn quả quyết làm việc này theo suy nghĩ,

lương tâm của chính mình, theo gương dân thân của biết bao anh hùng, liệt sĩ trẻ tuổi của đất nước trong lịch sử dân tộc, với trách nhiệm trong sáng và vô tư.

Thái độ dân thân của ông Phương kiên quyết tố cáo cường quyền thói nát được dư luận thủ đô và cả nước hỗ trợ, được một số báo chí hải ngoại, đặc biệt là các bạn trẻ ở Đông Âu tán dương. Một số trí thức, đảng viên hưu trí, văn nghệ sĩ lên tiếng bảo vệ kiên quyết giá trị văn hóa vô giá của không gian Tây Hồ, một di tích văn hóa-lịch sử hàng đầu của đất nước, gắn bó với các triều đại Lý, Lê, Trần... với Nguyễn Trãi, Nguyễn Thị Lộ, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, với làng Bưởi, đền Quan Thánh, chùa Sãi, chùa Trấn Quốc mà tiếng chuông và canh gà Thọ Xương còn vang vọng mãi đến nay... Họ chỉ rõ tội ác của Ngô Xuân Lộc và đồng lõa đã bán mình cho quỷ dữ, rắp tâm biến một trung tâm văn hóa-lịch sử hàng đầu thành một sông bạc và ổ điểm hiện đại, một vết nhơ không bao giờ gột sạch!

Đáng chú ý là cuối năm 1998, nhà văn Dương Thu Hương, nhân kỷ niệm 50 năm ra đời bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, đã gửi ra nước ngoài bài viết tố cáo chế độ độc đoán đang cai trị đất nước, những kẻ cầm quyền đang lợi dụng địa vị để bòn rút của cải, "một cuộc cướp bóc rất lớn để hình thành một giai cấp tư sản dẫm máu, đều giả và tồi tệ nhất trong lịch sử". Dương Thu Hương nhắc đến Ngô Xuân Lộc trong "sự nghiệp Thủy Cung Thăng Long" và tả lại bộ mặt dày, tâm tối của ông Lộc trên màn ảnh tivi Hà Nội khi năm 1999 khởi đầu.

Sau khi vụ Ngô Xuân Lộc vỡ lở, dẫn đến vụ hạ bệ ông ta vào tháng 11 vừa rồi, Hà Nội cố tình tránh nói đến người khai mào vụ án là kiến trúc sư trẻ tài ba và tâm huyết Nguyễn Hoàng Phương. Đảng ta luôn luôn sáng suốt mà! Thế nhưng hàng loạt câu hỏi lập tức xuất hiện: Bao giờ xét xử vụ án này? Công Ty Vạn Thiện mà ông Ngô Xuân Lộc ưu ái làm ăn phi pháp ra sao? Con trai ông là Ngô

Xuân Quang, giám đốc công ty, đã kiểm soát bao nhiêu? Ông Đinh Hạnh tham gia vào vụ này như thế nào? Và, quan trọng hơn là ông Phạm Thế Duyệt, nguyên bí thư thành ủy Hà Nội, đã dứt túi trong vụ này đến đâu? Người ta đã hát ông lên chức chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc nhằm mục đích gì? Các vị trong Mặt Trận Tổ Quốc vẫn không có một phản ứng gì trước màn kịch oái oăm này hay sao? Dương thư Hương tả lại bộ mặt dày, tâm tối của ông Duyệt trên màn ảnh tivi Hà Nội...

Và còn ông Đỗ Mười nữa. Một số đại biểu Quốc Hội và Mặt Trận Tổ Quốc từng chất vấn ông đã nhận bao nhiêu phong bì của các công ty đầu tư trong và ngoài nước, để mà hào phóng kiểu của người phúc ta, "tặng" các trường học một triệu đô la? Ông vẫn im thin thít, tảng lờ như người ngoài cuộc, dù cho luật khiếu nại qui định các quan chức phải trả lời thư khiếu nại, chất vấn của công dân...

Xem ra vụ Ngô Xuân Lộc đang có chiều mở rộng, lây lan đến nhiều vụ án tham nhũng, vô trách nhiệm, phung phí tài sản xã hội đầy rẫy trong bộ máy cầm quyền. Tòa án có nhân danh công lý xét xử công minh đúng người, đúng tội hay không? Để không một ai đứng ngoài, đứng trên pháp luật? Hay vẫn là cái kiểu vài ba người trong bộ chính trị quyết định tất cả! Vẫn là trò thí mạng vài ba người để làm phép, xoa dịu sự phẫn nộ của xã hội? Thế nhưng xã hội Việt Nam đã khác trước khá nhiều rồi. Việc truyền tin, thông tin trong xã hội không ai bưng bít nổi. Vụ điều tra tài sản ông tướng Suharto, cùng vợ, con trai, con gái, cháu, rể, bộ hạ... đang mở rộng, gây bàn tán liên hệ đến các tập đoàn "con cháu các cụ cả" ở nước ta.

Việc hạ bệ nguyên thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước Cao Sỹ Kiêm, việc cất chức tổng cục trưởng hải quan Nguyễn Văn Đĩnh chẳng làm cho hai ngành những lạm, nát bét này được sạch sẽ hơn chút nào! Thảm cảnh lũ lụt miền Trung, thất nghiệp mở rộng, bản cùng hóa khắp nông thôn và thành thị, bất công xã hội lan tràn... đang thúc đẩy những trí tuệ và tâm huyết trẻ như Nguyễn Hoàng Phương bật dậy một cách thông minh và quả đoán, vì quyền sống của cả một dân tộc khao khát tự do và hạnh phúc.

Đất nước sắp bước vào năm 2000 với biết bao thách thức lớn lao. Hãy vinh danh tất cả những tấm lòng ngay thật vì dân, vì nước, đòi công bằng xã hội, đòi dân sinh, dân chủ. Hãy vinh danh bạn trẻ Nguyễn Hoàng Phương và nhân lên rộng rãi tấm gương sáng của anh. Hãy đánh động dư luận trong nước để cuộc đấu tranh chống tham nhũng mở rộng mạnh mẽ và quyết liệt với khí thế ngày càng cao. Có người từng cho việc làm của bạn trẻ Nguyễn Hoàng Phương là trò châu chấu đá xe! Một chiếc xe tội lỗi và tội ác đã bị đá đổ. Hãy tự tin, phấn chấn, đấu tranh bền bỉ, để xuất hiện dần, vững chắc, một chế độ có luật pháp nghiêm minh, mọi công dân ngay thật và tâm huyết được quyền cất lên tiếng nói khẳng khái và có hiệu quả thuyết phục của mình.

Bùi Tín

Paris, tháng 12-1999.

Gới thiệu sách

"*Gà cùng một mẹ...*", tác phẩm thứ ba của nhà báo Bùi Tín ở hải ngoại, sau "Hoa Xuyên Tuyết" và "Mặt Thật", do nhà xuất bản Thiện Chí ở Đức phát hành. Sách dày 180 trang, khổ A4, bìa giấy láng trắng đen, 25 ảnh.

Nội dung quyển sách gồm những câu trả lời của các cựu chiến binh Việt Nam, Hoa Kỳ, Canada, Úc... về cuộc chiến tranh Việt Nam; những suy tư về hiện tình đất nước, về thế và lực đấu tranh giành tự do dân chủ, về hòa giải và hòa hợp dân tộc, về vai trò của người Việt ở hải ngoại...

Một quyển sách gợi lên nhiều suy nghĩ mới mẻ, mở ra những cuộc thảo luận đi tới lẽ phải và đồng thuận. Một cuốn sách không thể thiếu đối với những tấm lòng Việt Nam còn nặng tình với đất nước. Một quà tặng quý cho bạn bè.

Giá bán tại Pháp: 80 FRF (đã kể bưu phí gửi). Tại Châu Âu: 90 FRF (đã kể bưu phí gửi). Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité, ghi bằng tiền Francs Pháp hoặc tương đương, và gửi về tòa soạn Thông Luận: 37 rue du Clos de l'Erable, 77400 Saint Thibault des Vignes, France.

Gới thiệu sách

Người Trung Quốc Xấu Xí

Nguyên tác: "*Sửu Lậu Địch Trung Quốc Nhân*" của Bá Dương, Nguyễn Hồi Thủ dịch, do nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời, Paris, 1999, phát hành.

Sách dày 300 trang, bìa cứng màu cá hồi, khổ A5.

Một cuốn sách tuy viết về người Trung Quốc nhưng lại còn đúng hơn đối với người Việt Nam.

Một cuốn sách không thể thiếu cho những người quan tâm tới tương lai đất nước.

Giá bán, đã tính cước phí, tại Pháp và Châu Âu: 90 F hoặc tương đương; tại Hoa Kỳ: 20 USD; tại Úc: 25 AUD.

Chi phiếu xin đề Mr NGUYEN và gửi về địa chỉ: Mr Nguyễn Khôi Minh, 106 avenue Jean Jaurès, 94110 Arceuil, France.

Những Mảnh Đời Rách Nát

Tuyển tập đầu tiên ghi lại cuộc sống của anh em thương phế binh và quả phụ trong nước sau ngày 30-4-1975.

Tác giả Nguyễn Văn Huy và Phan Minh Hiến.

Sách dày 350 trang, tranh bìa giấy láng do Đinh Cường vẽ, khổ A5.

Một đóng góp hữu ích cho những người nghiên cứu đời sống xã hội miền Nam sau ngày 30-4-1975.

Một món quà đáng quý, một cuốn sách không thể thiếu trong tủ sách của mọi gia đình.

Liên lạc: Nguyễn Văn Huy, 9 rue Jehan Scarron, 77185 Lognes, France. Giá bán 120 Francs (đã kể bưu phí), ngân phiếu xin đề: Mr NGUYEN.

Dân chủ: Con đường đổi mới duy nhất

Tôn Thất Long

1. Thực chất của thời kỳ đổi mới. 2. Thực chất về các đổi mới kinh tế. 3. Một bài học thực tiễn.

Nhân loại đang nóng lòng bước qua ngưỡng cửa của một thời đại mới với mọi hy vọng tràn đầy nhưng thâm tâm của mọi người Việt Nam chắc chắn đang chứa chất nhiều uẩn khúc và không khỏi đặt nhiều nghi vấn về tương lai của dân tộc. Đứng trước hiện tình này, điều quan trọng là tìm cách xác định và tìm cách trao đổi với người khác một vài quan điểm.

1. Thực chất của thời kỳ đổi mới

Nếu phải tìm một thời điểm mốc để có thể diễn tả một cách chính xác và đơn giản các chính sách mà chế độ hiện tại đang áp dụng ở Việt Nam thì hiển nhiên ta có thể chọn lúc Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) tổ chức Đại hội VI vào tháng 12/1986. Thời điểm này chấm dứt một thời kỳ lâu dài xây dựng thất bại xã hội chủ nghĩa, mở đầu cho "thời kỳ đổi mới", và đã có thể mang đến cho ĐCSVN một cơ hội để thực hiện các thay đổi sâu rộng. Nhưng thực chất của các sự đổi mới này là gì, chúng ta sẽ lần lượt xét lại vài nét chính yếu.

Trước tiên đó là một sự đổi mới bên ngoài về nhân sự tối cao trong cấp lãnh đạo với sự rút lui tạm thời vào hậu trường của tầng lớp lãnh đạo bảo thủ, già nua, tượng trưng cho các thất bại trong quá khứ, ... nhường chỗ cho một nhóm người linh động hơn, thực tiễn hơn và... tương đối chưa bị dính líu trực tiếp vào các thất bại trong quá khứ cũng như còn trung lập trong cuộc tranh chấp đương thời Nga-Hoa. Điều này không có nghĩa là nhóm bảo thủ từ bỏ quyền lực cho nhóm người "đổi mới". Ngược lại khuynh hướng bảo thủ đã mau chóng trở lại nắm quyền trước khi Đại hội VII được tổ chức vào tháng 6-1991 và, cho đến nay, vẫn luôn luôn khống chế bộ máy điều hành Đảng. Sự đổi mới nhân sự giữa hai khuynh hướng cạnh tranh và bảo thủ ở Đại hội VI chỉ là một giải pháp tạm thời. Tuy nhiên ta cũng phải nhận rõ là thực chất của khuynh hướng bảo thủ trong ĐCSVN đã hoàn toàn thay đổi:

Nếu trước đây khuynh hướng này có mục tiêu bảo vệ một chế độ và một ý thức hệ chính trị thì ngày nay khuynh hướng này chỉ còn một mục tiêu duy nhất là bảo vệ quyền lực của Đảng, khía cạnh ý thức hệ đã hoàn toàn không còn nữa.

Trên phương diện ý thức hệ, ta có thể khẳng định rằng thời kỳ đổi mới đã là một thời điểm từ đó ĐCSVN dứt khoát từ bỏ lý thuyết cộng sản không tưởng. Nếu trước đây còn có nhiều người theo Đảng vì lý tưởng thì hiện nay không còn ai trong Đảng để bảo vệ lý tưởng này, chỉ còn lại những người theo Đảng để bảo vệ các quyền lợi cá nhân và tìm cách vơ vét tài nguyên của đất nước. Các khẩu hiệu "*Đổi mới triệt để*", "*Đổi mới toàn diện*", "*Đổi mới về tư duy, ngay cả trong các quan niệm về bản chất của xã hội chủ nghĩa*", v.v. tung ra ở Đại hội VI chỉ có một cuộc sống ngắn hạn. Các tranh luận tiếp diễn sau đó trên các vấn đề này ở hạ tầng cơ sở và ở trong các cơ cấu tổ chức của Đảng đã mau chóng trở thành những đòi hỏi cụ thể về sự phân quyền giữa Đảng và Nhà nước, về sự từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và thay đổi thể chế chính trị trong chiều hướng dân chủ.

Ngay từ năm 1988, để chặn đứng các sự xói mòn này đến quyền lực của Đảng, tân Tổng bí thư, người được mệnh danh là lãnh đạo nhóm cạnh tranh trong Đảng, đã phải lên tiếng điều chỉnh, tái xác nhận sự trung thành tuyệt đối đối với xã hội chủ nghĩa Marx-Lénin và nhấn mạnh ưu tiên của chế độ là duy trì sự ổn định tuyệt đối về chính trị, trong tình trạng hiện tại, để thực hiện đổi mới trong lãnh vực kinh tế. Bởi vì chỉ có quan niệm quyền lực bằng bạo lực của Lénin mới thuyết minh được vai trò độc quyền và sự hiện hữu của Đảng. Và, mặc dầu không còn ai tin tưởng vào lý thuyết cộng sản, chỉ có lý thuyết không tưởng này của Marx mới đưa lại cho Đảng một lớp sơn hào nhoáng bên ngoài, tiếp tục che đậy thực chất của chế độ.

Chế độ chính trị ở Việt Nam hiện nay chỉ là một chế độ độc quyền toàn trị, khống chế bởi một đảng, không còn có một nền tảng văn hóa đạo đức nào cả. Trên lãnh vực quyền lực chính trị, sự đổi mới hoàn toàn không có chỗ đứng.

Trong lãnh vực đối ngoại, thời kỳ đổi mới được thể hiện qua việc thiết lập các quan hệ ngoại giao bình thường với hầu hết các quốc gia trên thế giới, không còn các phân biệt về ý thức hệ như trước nhưng điều này vẫn không đem lại một cải thiện nào có ý nghĩa cho Việt Nam, ngoại trừ trường hợp của Trung quốc. Trong suốt quá trình lịch sử của mình, ĐCSVN luôn luôn tìm kiếm một điểm tựa về ý thức hệ trong thế giới cộng sản để chống lại các đòi hỏi về dân chủ tự do ở trong nước. Vì vậy, ngay từ đầu, khi xảy ra các biến cố ở Đông Âu và ở Liên Xô vào cuối thập niên 80, ĐCSVN đã công khai bày tỏ thiện cảm của mình đối với Trung quốc, tuy là kẻ thù số một của ĐCSVN trong gần hai thập niên trước đây nhưng nay trở thành điểm tựa ý thức hệ, trên lý thuyết, đáng tin cậy duy nhất còn lại trong thế giới cộng sản ngày nay.

Đứng trước các thất bại liên tiếp trong quá khứ, ĐCSVN hoàn toàn bị cô lập với dư luận trong nước cũng như với thế giới bên ngoài, Việt Nam trở thành một trong những nước nghèo đói nhất trên thế giới, ĐCSVN chỉ còn một giải pháp duy nhất nói lỏng các chính sách trong lãnh vực kinh tế, miễn là không làm phương hại đến an ninh của chế độ và uy quyền của Đảng. Chúng ta sẽ đề cập đến thực chất các đổi mới kinh tế trong phần sau.

Thực chất về các đổi mới kinh tế

Nếu phải công nhận rằng các chính sách kinh tế mới, cho phép có nhiều thành phần hoạt động, trong đó có cả khu vực tư nhân và các tập đoàn tư bản ngoại quốc, đã đưa đến một vài cải thiện cho đời sống vật chất của người dân trong nước, nạn đói được chặn đứng kể từ đầu thập niên 90, ... thì ta cũng phải

nói rằng tuyệt đại đa số người dân vẫn còn đang ở trong mức sống cùng cực. Các quyền tư hữu cá nhân vẫn chưa được chính thức công nhận, nông dân vẫn chưa thật sự làm chủ ruộng đất mà họ khai thác. Trong khi đó, các biện pháp mới về kinh tế lại làm tăng sự phân hóa trong xã hội, làm tăng sự cách biệt đời sống ở các thành thị và nông thôn, đào thêm hố sâu ngăn cách mức sống vật chất giữa các thành phần lao động khác nhau. Trầm trọng hơn cả là tài nguyên quốc gia được tập trung vào tay một tầng lớp thiểu số cán bộ cao cấp. Các tầng lớp cán bộ trong guồng máy của Đảng được tư sản hóa và được ban cho những đặc ân đặc quyền thao túng thị trường kinh tế.

Trên lý thuyết, để cứu vãn các thất bại về kinh tế trong quá khứ, mô hình hiện đại hóa kinh tế của Trung quốc được chọn như là mục tiêu của ĐCSVN, chấp nhận nguyên tắc kinh tế thị trường để lôi cuốn đầu tư của tư bản ngoại quốc. Ta có thể tìm thấy trong quá trình xây dựng nền kinh tế mới nhiều đặc điểm sẽ lần lượt nêu ra sau đây.

Trước tiên, thay vì ban hành những cải tổ sâu rộng trong nước, chấp nhận hoàn toàn quyền tư hữu cá nhân của người dân trong nước và kêu gọi sự hợp tác của mọi tầng lớp trong dân tộc, ĐCSVN đặt trọng tâm vào việc phân tán các tài nguyên quốc gia, biến các công ty quốc doanh cũ thành những xí nghiệp tư nhân hay công ty hợp doanh, đưa các đảng viên trung kiên vào nắm giữ các xí nghiệp mới, tạo ra một tầng lớp tư sản mới trong nước, thay mặt Đảng để điều hành và lũng đoạn như cũ các xí nghiệp. Sự dung túng và bành trướng các tệ đoàn xã hội sau thời kỳ đổi mới có thể xem như là một phương thức hợp pháp giúp cho tầng lớp cán bộ tạo dựng một cách mau chóng các cơ sở kinh tài cho Đảng. Theo sự nhận xét của các chuyên viên, gần như mọi hoạt động kinh tế hiện nay ở Việt Nam đều được tập trung xung quanh khoảng chừng 50 công ty hợp doanh lớn, dưới sự khống chế của Đảng. "Định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường" mà ĐCSVN vẫn thường xác nhận cho phép chính quyền tiếp tục bao che các xí nghiệp này như trước đây, mặc dầu vẫn làm ăn thua lỗ và tiếp tục làm cho nền

kinh tế Việt Nam suy sụp.

Trong tình trạng không có vốn liếng đầu tư và cơ sở vật chất ở hạ tầng thô sơ, trọng tâm của mọi biện pháp mới về kinh tế đều nhằm vào sự đầu tư của giới tư bản ngoại quốc nhưng lại gạt bỏ mọi sự hợp tác với tầng lớp Việt kiều hải ngoại, bao gồm trên hai triệu thành viên có đầy đủ khả năng và lý do chính đáng, về tài chánh cũng như về kỹ thuật và tình cảm, để đem hết tài năng của mình góp phần vào công cuộc xây dựng chung. Vì vậy trong các đạo luật về đầu tư đã ban hành có rất nhiều điều khoản ưu tiên được dành cho các giới tư bản ngoại quốc nhưng trên thực tế lại không áp dụng cho người gốc Việt Nam, cố tình không muốn cộng đồng Việt Nam hải ngoại tạo dựng được các cơ sở ở trong nước, triệt hạ mọi mầm mống chống đối từ ngoài vào. Đó là đặc điểm thứ hai của các chính sách kinh tế hiện tại.

Vào các năm cuối của thập niên 80, ĐCSVN đã mau chóng phục hồi một phần nào nền kinh tế, do sự hợp tác của giới kinh tài người Hoa ở trong miền Đông Nam Á. Trên thực tế, đây chỉ là một nền kinh tế bệnh hoạn. Qua trung gian của tệ nạn tham nhũng, giới người Hoa tìm cách làm tăng hơn nữa sự phân hóa và lũng đoạn guồng máy chính quyền đến tận gốc rễ, phát triển bên ngoài các xí nghiệp làm trung gian để tràn ngập vào thị trường Việt Nam các hàng lậu thuế, hoạt động ngoài vòng pháp luật như là những băng đảng bí mật.

Ngày nay ai ai cũng đều có thể nhận thức được rằng mọi phát triển kinh tế trong mọi xã hội đều đòi hỏi một thể chế chính trị lành mạnh, ổn định... mà giải pháp duy nhất là một sự thay đổi căn bản về nền móng xã hội trong chiều hướng của các thể chế dân chủ tự do. Nhưng hiển nhiên giải pháp này gặp phải sự chống đối mãnh liệt của ĐCSVN. Trên thực tế, không bắt buộc phải chờ đợi một thể chế dân chủ thực sự ở Việt Nam, một số các nhà doanh thương ở các nước phát triển Âu Mỹ cũng đã bắt đầu tìm cách đặt nền móng cho các hợp tác kinh tế kể từ các năm đầu của thập niên 90, ít nhất là khỏi sự làm một số đầu tư để tìm một sự hiện diện tượng trưng ở Việt Nam. Hầu hết họ cũng chỉ mong muốn chính quyền Việt Nam ban hành một bộ

luật đầu tư rõ ràng, cam kết thi hành đúng đắn các luật lệ đặt ra, miễn là dàn xếp được một sự trao đổi có lợi cho cả hai bên, phù hợp với các qui ước thông thường trong các luật lệ thương mại quốc tế. Với sự giúp sức của các chuyên viên ở các nước Tây phương, một bộ luật kinh tế cởi mở trong chiều hướng này đã được ban hành. Nếu được áp dụng đúng đắn thì đó cũng là cơ hội tốt nhất cho chính quyền Việt Nam cải tiến nền kinh tế của mình mà không cần thay đổi thể chế chính trị. Thực tế lại chứng minh ngược lại và cho đến nay, số ít ỏi các người ngoại quốc đầu tư cũng lần lượt rút khỏi Việt Nam.

Đặt ra ngoài lý do về thể chế chính trị, có ba lý do đơn giản giải thích tình trạng suy thoái của nền kinh tế hiện nay. Trước tiên là vì ĐCSVN chưa rút tĩa được các bài học trong quá khứ và tiếp tục duy trì mô hình cũ, kinh tế thị trường theo "định hướng xã hội chủ nghĩa". Điều này cho thấy tương lai cũng không sáng sủa gì hơn trước và làm cho giới đầu tư dè dặt. Sau đó là lý do kỹ thuật về quản lý xã hội. Việt Nam không có được một đội ngũ cán bộ có đầy đủ khả năng kỹ thuật, biết điều hành bộ máy hành chánh nhà nước, biết xác định một mô hình phát triển kinh tế thích hợp mới, biết quản lý các tài nguyên vật chất công cộng, biết soạn thảo các kế hoạch cụ thể phù hợp với tài nguyên của đất nước, biết thúc đẩy các động lực lao động, biết sử dụng thuận lợi khuynh hướng toàn cầu hóa về thương mại và kinh tế của các giới đầu tư ngoại quốc... và biết làm việc trong lợi ích chung của xã hội. Vì vậy, trong hơn một thập niên vừa qua, nền kinh tế và mức sống ở Việt Nam vẫn không được cải thiện thêm, mặc dầu số tiền đầu tư do người ngoại quốc bỏ ra không phải là ít.

Lý do quan trọng hơn cả là tình trạng suy thoái chung về văn hóa xã hội. Nếu đầu tư của người ngoại quốc vào Việt Nam ngày càng suy giảm thì nguyên nhân chính là tình trạng phân hóa về đạo đức của tầng lớp cán bộ ở mọi cấp trong guồng máy hành chánh. Các tệ nạn tham nhũng và biến thủ công quyền đang phá hoại mọi hy vọng cuối cùng để xây dựng một nền kinh tế bình thường. Không những thiếu hẳn các khả năng kỹ thuật để quản trị nền kinh tế thị trường,

các tầng lớp cán bộ chỉ còn tượng trưng cho một tầng lớp người luôn luôn tìm cách đục khoét các tài nguyên của quốc gia, phá hoại các chương trình đầu tư hợp tác với người ngoại quốc, không có một tinh thần trách nhiệm nào, không còn ai có thể đặt tin tưởng vào họ để đi đến các hợp tác bình thường.

Trên hơn một thập niên vừa qua, muốn đầu tư ở Việt Nam, các nhà kinh doanh đều phải trả một giá quá đáng để mua chuộc các thủ tục hành chính vì nạn tham nhũng. Trước tiên, muốn được đầu tư thì phải dự trù một nguồn tài chính gấp đôi với số tiền xây dựng và điều hành bình thường các xí nghiệp để mua chuộc ở cấp trung ương hay cấp tỉnh các giấy phép khởi sự hoạt động. Sau đó, phải tiếp tục cấu kết thường xuyên với các tầng lớp cán bộ ở các địa phương, nếu không sẽ bị quấy phá bởi mọi thủ tục hành chính khác. Mặt khác, hầu hết các hợp tác kinh tế lớn với người ngoại quốc đều phải qua trung gian với các xí nghiệp do Đảng cầm đầu, vừa bị tầng lớp cán bộ đục khoét, vừa làm ăn thua lỗ vì không có biết quản lý, vừa không có khả năng tài chính để góp vốn, vừa dùng áp lực hành chính để thổi phồng giá trị các bất động sản của mình để chiếm đa số cổ phần trong kế hoạch hợp tác. Nhất là khi có các thay đổi về nhân sự trong guồng máy Đảng, hầu như mọi kế hoạch hợp tác đều phải thương lượng trở lại và bị đình trệ vì các thủ tục hành chính mới.

Nạn tham nhũng có hai hậu quả trầm trọng: đục khoét từ từ số vốn của các nhà đầu tư và không cho phép các xí nghiệp đi vào giai đoạn sản xuất bình thường để thu hoạch các kết quả. Trong tình trạng hiện nay, chỉ có một thiểu số người Hoa tiếp tục cấu kết với các tầng lớp cán bộ và tiếp tục làm giàu ở Việt Nam. Tất cả những ai muốn đầu tư một cách lương thiện đều không còn đủ khả năng chịu đựng để vừa thỏa mãn tầng lớp cán bộ tham nhũng, vừa tiếp tục để trang bị và bảo trì các xí nghiệp trong khi vẫn chưa bao giờ thật sự thu hoạch kết quả đầu tư. Nếu cứ tiếp tục ở lại thì sẽ tiếp tục mất thêm vốn mà không tìm thấy một con đường sáng sủa nào cho tương lai. Chỉ còn một con đường duy nhất là chấm dứt vô điều kiện các đầu tư hiện có, để lại cho chính quyền địa

phương tất cả những cơ sở mà họ đã xây dựng được,... để được yên ổn rời khỏi Việt Nam.

Tóm lại, nếu trên lý thuyết, ĐCSVN chỉ mong đợi sự đầu tư của giới tư bản ngoại quốc để cứu vãn nền kinh tế thì, trên thực tế, chính sự phân hóa đạo đức của các tầng lớp cán bộ của Đảng lại là cản trở duy nhất cho mọi hợp tác với các giới đầu tư. Các tầng lớp cán bộ thật sự đã không tìm kiếm sự hợp tác với các nhà kinh doanh mà chỉ tìm cách lường gạt, đưa họ vào những cạm bẫy hành chính và rút tỉa từ từ các vốn đầu tư của họ.

Nếu phải nhắc lại ở đây một điều sơ đẳng về văn hóa con người thì ta đều biết rằng lòng tin cậy, chữ tín,... trong việc thực hiện các điều đã giao ước là điều tiên quyết trong mọi hợp tác bền vững, là một yếu tố căn bản của mọi thành công, phục vụ lợi ích cho cả mọi bên,... thì đó là điều mà ĐCSVN chưa bao giờ nhận thức được trong suốt quá trình hình thành của mình. Trong quá khứ, ĐCSVN đã thành công lường gạt dư luận trong nước và quốc tế để xây dựng quyền lực tuyệt đối. Với thời kỳ đổi mới, ĐCSVN đã thành công một phần nào đưa các nhà kinh doanh vào các cạm bẫy của mình để chiếm đoạt những nguồn lợi bất chính nhất thời,... nhưng chắc chắn sẽ không còn có thể tiếp tục lâu dài con đường này để duy trì sự sống còn của chế độ.

3. Một bài học thực tiễn

Mọi xã hội được hợp thành do sự chung sống theo dòng thời gian của một nhóm người nhất định, trên một môi trường và một không gian nhất định... Nhất là khi tài nguyên cần thiết cho cuộc sống bị giới hạn, khi nhân số đã tăng lên đến mức độ kỷ lục, con người không thể sống cô độc như ở thời tiền sử, sự chung sống trong xã hội là một điều bắt buộc cần thiết và hiển nhiên đưa đến các va chạm về quyền lợi và quyền lực. Vì vậy, muốn xây dựng một xã hội cụ thể, vấn đề trước tiên phải giải quyết là đặt các nguyên tắc căn bản cho việc sử dụng quyền lực. Các nguyên tắc này và sự thực hiện cụ thể của các nguyên tắc đó sẽ xác định bản chất của xã hội, bởi vì đó là yếu tố quyết định cho sự sống còn hay sự tiêu vong, là tiền đề

tạo ra ổn định hay tranh chấp trong cuộc sống, các va chạm đổ vỡ hay sự hòa hợp trong cuộc sống chung, là điều kiện cho các xây dựng phát triển để phục vụ cho lợi ích chung hay là nguyên nhân của các cuộc sống nghèo nàn cùng cực. Đó là khía cạnh Văn hóa, trên mức độ cao nhất của xã hội, mà ta thường gọi chung là thượng tầng kiến trúc của xã hội. Một khi bản chất về việc hành xử quyền lực xã hội đã được quan niệm một cách sai lạc thì các mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, sự tiêu vong của xã hội là tất yếu và chỉ còn là một vấn đề thời gian.

Cho đến một thời điểm gần đây, hầu hết các xã hội đều sống liên miên trong nội chiến để giải quyết các tranh chấp. Quyền lực trong các xã hội được giải quyết thường xuyên bằng sự chiếm đoạt hay áp đặt lên toàn xã hội, bằng vũ lực, bằng bạo động... Trong những khoảng thời gian ngắn, rất có thể trật tự và quyền lực mới chiếm đoạt được biện minh vì chính nghĩa và được đa số tán đồng. Nhưng, với thời gian và với quyền lực tuyệt đối, các tập đoàn cầm quyền thường bị phân hóa mau chóng vì tham vọng, vì quyền lợi cá nhân và dần dần chỉ còn tượng trưng cho một thiểu số phản động. Các mâu thuẫn xã hội lại bùng nổ, văn hóa suy đồi... làm cho ít ai còn có đầy đủ thời gian dùng vào việc xây dựng phát triển để phục vụ cho đời sống chung. Đó là trường hợp điển hình đang được tiếp tục trong xã hội Việt Nam ngày nay.

Ngày nay, mặc dầu các bất đồng về quan điểm và quyền lợi vẫn luôn luôn hiện hữu trong mọi xã hội, nhân loại đã đạt được một tiến bộ vượt bậc để giải quyết việc thay đổi quyền lực một cách thường xuyên mà vẫn thực hiện được xây dựng phát triển tài nguyên, phục vụ lợi ích cho mọi người, trong ổn định, trong hòa bình... Trong các quốc gia tiên tiến, giàu mạnh hiện nay trên thế giới, xã hội không còn được xem như là quyền sở hữu tuyệt đối của một tầng lớp nào dùng bạo lực để chiếm hữu rồi áp đặt lên toàn xã hội như thường xảy ra trước đây. Ngược lại, nhìn một cách đơn giản, bằng đồng thuận và đối thoại thường xuyên, xã hội được quan niệm như là một sự kết hợp trong đó các thành viên chấp nhận một số các giá trị căn bản chung dùng làm nền tảng xây dựng xã hội để cùng nhau chia sẻ một tương

lai chung, trên một lãnh thổ chung,... qua một kế ước chung quy định các nguyên tắc căn bản của sự chung sống tập thể, phân định rõ rệt các chức năng điều hành bộ máy quyền lực xã hội và xác định các nguyên tắc lựa chọn các tầng lớp người sử dụng quyền lực trong những khoảng không gian và thời gian định kỳ nhất định,... Mục tiêu cơ bản trong các xã hội này là sự phân công lao động, sự phân phối tài nguyên,... thích đáng để thỏa mãn và cải thiện các nhu cầu của cuộc sống cụ thể hiện tại, để duy trì và bảo tồn sự sống còn của xã hội cho các thế hệ tương lai.

Trong các giá trị căn bản nhất dùng làm nền tảng cho quy ước sống chung trong trong các xã hội tiên tiến này, trước tiên ta phải kể đến một giá trị mà ta chấp nhận như một nguyên lý chung. Đó là "sự sống chung hòa bình của mọi cá nhân và mọi tầng lớp hiện hữu trong xã hội, trong trạng thái đa nguyên hiện có, chỉ trừ khi sự hiện hữu này đe dọa đến sự sinh tồn chung". Mọi sinh hoạt trong xã hội đều phải lấy con người làm gốc, trong mục tiêu phục vụ các lợi ích và tôn trọng nhân phẩm của mỗi cá nhân cũng như của mọi tầng lớp khác nhau trong xã hội, tạo sự ổn định làm tiền đề cho mọi hợp tác, phát triển,... Từ nguyên lý chung này sẽ nảy sinh ra những khái niệm riêng biệt căn bản khác về Nhân quyền, về dân quyền, về sự phân quyền, tản quyền, về Nhà nước pháp trị và được cụ thể hóa dưới hình thức của luật pháp, thể hiện các giá trị chung đã được chấp nhận, thể hiện các tinh thần công lý, tính bình đẳng,... Luật pháp được xây dựng một cách trong sáng và rõ ràng và được quan niệm như là những tiêu chuẩn cụ thể, có thể giải thích một cách thuần lý và chính xác, có thể đo lường được,... dùng để giải quyết các mâu thuẫn và tranh chấp về quyền lợi trong xã hội.

Không đi sâu hơn nữa vào các phân tích nền móng của các xã hội tiên tiến dân chủ tự do ngày nay, ta chỉ nhắc thêm một tinh thần cụ thể, thường xuyên hiện hữu cho mọi kế ước chung sống. Đó là "Tinh thần thượng tôn pháp luật", xem pháp luật như là biểu hiện của ý muốn tối cao của xã hội, và là bản phận chính yếu của mọi thành viên. Mọi nền dân chủ luôn luôn phải là một nền "dân chủ pháp trị" trong đó luật pháp phải được

áp dụng cho mọi thành viên, ở ngoài cũng như ở trong bộ máy điều hành quyền lực xã hội.

Xã hội Việt Nam hiện nay đang trên đà suy thoái trầm trọng, tuyệt đại đa số các thành phần trong xã hội đang rơi vào cuộc sống bần cùng, trong khi các tầng lớp đảng viên của Đảng đang bị phân hóa với các tề đoan xã hội, đục khoét và vơ vét mọi tài nguyên của đất nước,... quyền lực tuyệt đối của xã hội đang bị ĐCSVN chiếm đoạt và duy trì bằng bạo lực... Hiển nhiên ai ai cũng đều nhận ra điều này và thấy rõ con đường duy nhất đưa dân tộc ra khỏi các tai ương này là một sự thay đổi về bản chất quyền lực xã hội, chấp nhận các giá trị căn bản đã đề cập trên đây trong các xã hội dân chủ tự do. Nếu chấp nhận các giá trị này, chắc chắn ĐCSVN sẽ tìm được một chỗ đứng xứng đáng trong lịch sử tương lai của dân tộc,... và đó cũng là con đường đổi mới duy nhất mà ĐCSVN còn có thể thực hiện được.

Tôn Thất Long

Giới thiệu sách

**Hành Trình Cuối Đông
(Vụ án Langbian)
của Tiêu Dao Bảo Cự
biên Khánh Trường, Văn Nghệ
xuất bản, Hoa Kỳ, 1998.**

Nhà xuất bản Văn Nghệ đã cho ra mắt **Hành Trình Cuối Đông** "để đưa ra ánh sáng một cuộc đấu tranh cho tự do báo chí và tự do xuất bản xảy ra ngay trong lòng chế độ cách đây 10 năm". "Sự ra đời của cuốn sách này sẽ là món quà tặng hết sức khiêm nhường gửi đến những chiến sĩ đang dùng cảm đấu tranh cho dân chủ và cũng đang là nạn nhân của một guồng máy bạo lực phi nhân" (lời nxb, tr.xii).

Đọc **Hành Trình Cuối Đông** để không quên những chiến sĩ đó.

Giá bán tại Pháp: 100 FF (đã kể bưu phí gói). Tại Châu Âu: 110 FF (đã kể bưu phí gói). Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité, ghi bằng tiền Francs Pháp hoặc tương đương, và gửi về tòa soạn Thông Luận : 37 rue du Clos de l'Erable, 77400 Saint-Thibault-des-Vignes, France.

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin dùng đề Thông Luận)
Địa chỉ liên lạc :
THÔNG LUẬN
37 rue du Clos de l'Erable
77400 Saint Thibault des Vignes,
FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:

Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.
Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913
và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr: 00 77 70 82 94
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với Thông Luận qua địa chỉ:
Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN
Ấn bản Hòa Lan

do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam (Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan
Braamlanden 76
7542 CJ Enschede
Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52
Giá báo một năm: 30 Euro,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với đại diện Thông Luận tại Úc:
Mrs. Vuong Bích Ngọc
36 Kallista Road
Springvale Vic 3171

Một thoáng suy tư về Châu Phi

Nguyễn Gia Kiểng

Đối với tôi, Châu Phi trước hết là phần Châu Phi da đen ở miền Nam sa mạc Sahara và không kể nước Nam Phi ở cực Nam. Năm nước miền Bắc, Algérie, Morocco, Tunisia, Libya và Ai Cập là những nước da trắng, Nam Phi cũng là một nước do người da trắng thành lập và do thiểu số da trắng cai trị trong hàng thế kỷ. Sáu quốc gia này tuy cũng thuộc Châu Phi nhưng có những vấn đề của mọi quốc gia bình thường. Họ không giống phần còn lại, phần ở giữa, gồm gần bốn mươi quốc gia toàn người da đen, với hơn 80% dân số Châu Phi và với cùng một thảm kịch.

Châu Phi này đối với tôi có một sức thu hút đặc biệt. Ánh sáng của trí tuệ lần đầu tiên vụt hiện tại đó, tạo nên giống người, rồi tiếp tục soi sáng dẫn dắt con người tiến lên trong hơn một triệu năm. Sau đó loài người tỏa rộng ra Châu Âu và Châu Á. Nhưng sau đó hình như ánh sáng cũng ra đi và bóng đêm trở lại với vùng đất này. Châu Phi da đen không tiến hóa thêm nữa.

Một cảm giác kỳ lạ khác là mặc dù đã bỏ ra một số thì giờ để tìm hiểu, hơn thế nữa còn may mắn có nhiều bạn đã làm việc nhiều năm tại Châu Phi và cũng có nhiều đồng nghiệp da đen, để có thể học hỏi nơi họ, tôi vẫn không sao nhìn thấy được sự khác biệt giữa các nước Châu Phi da đen với nhau. Các nước này đối với tôi vẫn chỉ là một khối lạc hậu, có quá khứ nhưng không có lịch sử và chưa chắc chắn có một tương lai đáng gọi là một tương lai.

Ngày nay, vùng Châu Phi này là một thảm kịch không chỉ riêng cho người da đen mà cho cả nhân loại. Hiện tại đã đen tối, tương lai lại còn đen tối hơn. Đất đai đang khô cằn đi, nạn nhân mãn ngày càng trầm trọng, bệnh AIDS gia tăng kinh khủng, chết đói quanh năm, chiến tranh bộ lạc thường ngày, đôi khi với những cuộc diệt chủng khó tưởng tượng. Tất cả mọi chương trình phát triển Châu Phi da đen với sự tài trợ và yểm trợ của các định chế quốc tế cho tới nay đều đã thất bại.

Lý do chính, nếu không muốn nói là duy nhất, khiến mọi cố gắng đưa Châu Phi ra khỏi bế tắc đều thất bại là các chính quyền đều rất yếu. Chúng chỉ có hình thức mà không có nội dung. Một đám loạn quân ô hợp chừng vài ngàn người, có khi chỉ cần vài trăm người, cũng có thể đánh gục một chính quyền hợp pháp. Một đại úy, có khi một trung sĩ, cũng có thể đảo chính lật đổ chính quyền để tự xưng là tổng thống, kiêm đại tướng tổng tư lệnh tối cao quân lực, để rồi sau đó ít lâu cũng bị lật đổ. Các chính quyền trong đại đa số chỉ là những chính quyền giả tưởng, không đủ sức mạnh để đôn đốc những cố gắng phát triển. Gần đây các phe đảng hình như đã khám phá ra sự thực hiển nhiên này và nội chiến trở thành một phương thức gọn nhẹ nhất để giải quyết tranh chấp quyền lực. Vào lúc này, cuối năm 1999, hiện có khoảng mười cuộc nội chiến đủ tầm vóc để được dư luận thế giới biết đến.

Trong suốt ba thập niên 1960, 1970 và 1980 độc tài đã được coi là giải pháp để giải quyết vấn đề yếu kém của các chính quyền. Nhưng các chế độ độc tài đã không đem lại những nhà nước mạnh mà chỉ đem đến tham nhũng và nghèo khổ, có khi còn làm tan vỡ nhiều quốc gia như Somalia, Ethiopia, Liberia, Sierra Leone, Sudan, v.v... Từ thập niên 1990, dân chủ được dùng làm thuốc chữa. Kết quả tuy có khá hơn nhưng cũng không mấy khả quan.

Các nhà nước Châu Phi yếu vì chúng không phải là những nhà nước - quốc gia, nghĩa là những nhà nước được xây dựng trên một lãnh thổ thực sự và một dân tộc thực sự.

Cho tới nay giải thích thông thường nhất và hình như được mọi người chấp nhận là các biên giới quốc gia tại Châu Phi đều giả tạo, do các chính quyền thực dân Châu Âu vạch ra một cách tùy tiện, dựa trên những vùng chiếm đóng của các nước Châu Âu trước đây chứ không phản ánh một thực tế chủng tộc và văn hóa nào cả. Có những sắc tộc bị ngăn

cách và phân tán trong nhiều quốc gia, ngược lại phần lớn các quốc gia đều bao gồm những sắc tộc thù địch với nhau. Giải thích này có lý. Các biên giới tùy tiện này chắc chắn không đóng góp tạo ra sự ổn định. Tuy nhiên có những điều có lý mà không đúng và đây là một trường hợp.

Nếu những bất ổn tại Châu Phi là do các biên giới do các chính quyền thực dân vạch ra thì phải trả lời thế nào hai câu hỏi sau đây:

1. Tại sao Tổ Chức Đoàn Kết Châu Phi (OAU, Organisation de l'Unité Africaine hay AUO, African Unity Organization) đã nhanh chóng thỏa thuận coi những biên giới này là chính thức và phải được tôn trọng? Cần lưu ý là quyết định này đã là quyết định đầu tiên của các nước Châu Phi và đã được đồng thanh biểu quyết.

2. Tại sao cho tới nay chưa hề có những tranh chấp biên giới? Thực ra cũng có một tranh chấp biên giới nhỏ giữa Libya và Chad, nhưng nguyên nhân chỉ là vì hai nước chiếm đóng trước đây, Pháp và Ý, chưa qui định biên giới rõ ràng. Ngạc nhiên hơn nữa là khi một quốc gia tan rã không còn chính quyền, như trường hợp Somalia, cũng không có nước nào lấn chiếm lãnh thổ.

Như vậy phải kết luận rằng biên giới giả tạo không phải là nguyên nhân đưa đến sự yếu kém của các chính quyền Châu Phi da đen.

Vậy nguyên nhân thực sự là gì? Đó là nguyên nhân nội tại của mỗi quốc gia.

Các quốc gia này đều giả tạo vì đều không dựa trên một nền tảng dân tộc, lịch sử và văn hóa nào cả. Người Mỹ đã mau chóng tự thành lập được một quốc gia từ số không nhưng người Châu Phi lại không làm được với sự trợ giúp của thế giới, bởi vì họ không có nguyên ước sống chung với nhau và xây dựng với nhau một tương lai chung. Họ không nhìn nhau như đồng bào mà như những kẻ thù, hay cùng lắm như những người xa lạ.

Tại sao? Đó là hậu quả của đợt săn bắt và buôn bán nô lệ đã diễn ra một cách man rợ trong ba thế kỷ 17, 18 và 19.

Trong một bộ phim về lịch sử những người da đen tại Hoa Kỳ, một người nô lệ sau khi bị đánh đập tàn nhẫn than thở: "Tôi đang vào rừng đốn khúc cây để làm một cái trống thì chúng ập đến bắt tôi đi, rồi chúng đưa tôi tới đây làm nô lệ. Cha mẹ tôi, anh em tôi ở đâu bây giờ?". Thật là xúc động. Trong trí tưởng tượng tập thể của thế giới, đợt săn bắt và buôn bán nô lệ đã xảy ra tương tự như thế, nghĩa là những người da đen Châu Phi bị bắt cóc, đôn xuống tàu và chở qua Châu Mỹ. Nhưng theo các tài liệu khảo cứu nghiêm túc, sự thực đã không xảy ra như thế. Những người bị đưa sang Mỹ làm nô lệ cũng không phải là những người xấu số nhất, trái lại họ đã rất may mắn so với nhiều đồng bào họ.

Không phải các toán thực dân da trắng đã lùng bắt người da đen. Cũng không phải người da trắng đã chỉ huy các toán quân da đen đi săn bắt nô lệ. Người phương Tây đã chỉ mua nô lệ của các trung tâm cung cấp nô lệ. Việc truy lùng và săn bắt nô lệ hoàn toàn do các tổ chức da đen tại Châu Phi thực hiện. Có thể buộc tội người phương Tây đã có trách nhiệm tạo ra một thị trường tiêu thụ, nhưng cũng phải nhìn nhận ngược lại rằng việc xuất cảng nô lệ đã có từ thế kỷ thứ 10 tại Châu Phi. Người da trắng đã chỉ tìm thấy một thị trường xuất cảng nô lệ vào giữa lúc mà sự phát triển của nông nghiệp Hoa Kỳ đòi hỏi nhiều nhân lực mới. Tục buôn bán nô lệ không biết đã có từ thời nào tại Châu Phi. Các bộ lạc và các gia đình có thế lực đã săn bắt nô lệ phục dịch cho mình và đem buôn bán như một sản phẩm từ rất lâu. Đến thế kỷ thứ 10 bắt đầu có dịch vụ xuất cảng nô lệ sang các nước Ả Rập, đặc biệt là Ai Cập. Việc buôn bán nô lệ giữa khối Ả Rập và Châu Phi vẫn tiếp tục trong thời gian có làn sóng buôn bán sang Châu Mỹ. Theo ước lượng của một số nhà nghiên cứu thì số lượng nô lệ bị bán qua Châu Mỹ trong hơn hai thế kỷ cũng tương đương với số lượng nô lệ bị bán sang khối Ả Rập trong chín thế kỷ.

Việc buôn bán nô lệ sang Châu Mỹ đã làm cho phong trào săn bắt nô lệ gia tăng hẳn lên cả về qui mô lẫn mức độ tàn bạo. Các tổ chức nhà nước đầu tiên ra đời tại Châu Phi đã là những nhà nước "sản xuất nô lệ" (một cụm từ thông dụng thời đó). Các thủ đô của những nhà

nước sản xuất nô lệ được thành lập tại các vùng bờ biển, đó vừa là những trung tâm tập trung nô lệ cuối cùng trước khi xuống tàu vừa là nơi tập trung những hàng hóa được chở tới để trao đổi. Khi nguồn nhân lực vùng bờ biển suy giảm, một số vệ tinh được thành lập trong đất liền để săn bắt sâu hơn trong lục địa. Các nhà nước nô lệ vì vậy còn có những chư hầu trong lục địa làm công tác săn bắt nô lệ và bán lại cho thủ đô. Sau đó còn có một số bộ lạc khác vì muốn sống yên ổn cũng phải đi lùng bắt nô lệ để nộp cho các trung tâm lớn hơn. Nhiều khi các bộ lạc giao chiến với nhau để vừa tự vệ vừa bắt tù binh làm nô lệ.

Nói chung, trong suốt ba thế kỷ 17, 18 và 19, cả Châu Phi tan tác vì một phong trào săn lùng nô lệ rộng khắp và điên cuồng. Số nô lệ tới được bờ biển để xuống tàu chỉ là một tỷ lệ tương đối nhỏ so với số người bị thiệt mạng vì bị giết trong lúc bị truy lùng hay chết vì kiệt sức trên đường áp tải ra bờ biển. Mặc dầu vậy, vào năm 1815, khi nước Anh cấm các nước thuộc ảnh hưởng của mình buôn bán nô lệ, họ đã phải bồi thường thiệt hại cho số lượng 800.000 nô lệ "tồn kho". Con số này tự nó nói lên qui mô và mức độ man rợ của phong trào buôn bán nô lệ.

Bắt đầu từ cuối thế kỷ 18 tại Anh, nước buôn bán nô lệ nhiều nhất, đã có những tiếng nói phản đối. Năm 1807 quốc hội Anh biểu quyết một đạo luật cấm mọi hoạt động buôn bán nô lệ. Tích cực trong việc buôn bán nô lệ trước đó bao nhiêu, nước Anh sau đó tận tình trong cố gắng bài trừ việc buôn bán nô lệ bấy nhiêu. Họ gặp sự chống đối của Tây Ban Nha và sự chần chừ của Pháp. Tuy vậy vào năm 1815, nhờ sức mạnh áp đảo, họ cũng đã áp đặt được một hiệp ước quốc tế cấm buôn bán nô lệ. Từ đó các tàu chiến của Anh ráo riết truy kích các tàu buôn nô lệ trên biển cả. Việc buôn bán nô lệ sau đó tuy vẫn còn tiếp tục một cách lén lút nhưng đã giảm hẳn đi.

Trong nửa sau thế kỷ 19, mặc dầu việc buôn bán nô lệ sang Châu Mỹ đã coi như chấm dứt, việc săn bắt nô lệ tại Châu Phi không giảm đi mà chỉ tăng thêm về mức độ dã man. Số cầu về nô lệ giảm đi càng khiến các nhà nước sản

xuất nô lệ trở nên tàn ác hơn. Những nô lệ yếu đuối bị tàn sát thẳng tay để chỉ giữa lại những nô lệ khỏe mạnh và được giá.

Năm 1885, khi các cường quốc Châu Âu họp tại Berlin đã quyết định chia nhau cai trị trực tiếp Châu Phi, tệ xuất cảng nô lệ mới chấm dứt.

Tới nay lương tâm nhân loại vẫn còn xúc động vì phong trào buôn bán nô lệ, nhưng ngoài một số nhà nghiên cứu ít ai tìm hiểu thực chất của nó. Tập quán buôn bán nô lệ đã là một truyền thống lâu đời của người Châu Phi. Nhưng, như mọi tập quán, nó đã được thời gian bình thường hóa. Người Châu Phi, kể cả những nạn nhân, đều dần dần sống quen với nó. Sự giao dịch với khối Ả Rập đã biến việc buôn bán nô lệ gia tăng và trở thành một hoạt động ngoại thương từ thế kỷ thứ 10, nhưng dần dần với thời gian nó cũng đã thành một điều mà người Châu Phi cam chịu như một định mệnh. Trái lại, chính đợt săn lùng qui mô và man rợ diễn ra từ thế kỷ 17, khi người Châu Âu bắt đầu buôn nô lệ sang Châu Mỹ đã vượt quá mọi sức chịu đựng và làm Châu Phi hoàn toàn tan nát. Sau đó sự cai trị của người Châu Âu đã dần dần khai hóa cho người Châu Phi da đen khiến họ ý thức được sự tàn bạo mà họ đã là nạn nhân, rồi căm thù những thủ phạm. Nhưng các thủ phạm lại không ai khác hơn là những người đang cầm quyền, hay các bộ lạc lân cận. Đó là lý do khiến các nhà nước mới thành lập không thể mạnh vì chúng không được xây dựng trên một nguyên ước sống chung và xây dựng một tương lai chung.

Di sản của cuộc buôn bán nô lệ để lại vẫn còn rất nặng nề. Hơn một nửa thế kỷ dưới trật tự áp đặt của người Châu Âu đã phần nào hàn gắn những đổ vỡ, nhưng gần một nửa thế kỷ độc lập đã chỉ mở lại những vết thương khi các bộ lạc da đen phải trực diện với nhau.

Cần ý thức rằng khi các nước Châu Âu quyết định chia nhau cai trị Châu Phi thì tại lục địa này chỉ có những nhà nước sản xuất nô lệ. Những kháng cự ít ỏi mà họ gặp đã chỉ là những kháng cự của các nhà nước này. Châu Phi lúc đó đã hoàn toàn tan rã và kiệt quệ, những con người duy nhất có chút khôn ngoan đều là những kẻ săn nô lệ. Để cai trị,

người Châu Âu đã phải dùng lại chính những người này. Sau đó đến khi các nước Châu Âu rút ra họ cũng trao lại chính quyền cho con cháu của những trùm săn bắt và buôn bán nô lệ, những kẻ mà với ngôn ngữ ngày nay ta có thể gọi là tội phạm đối với nhân loại. Các chính quyền Châu Phi vì vậy không có căn bản chính đáng nào. Tập đoàn cầm quyền luôn luôn phải dựa trên một sắc tộc trong khi các sắc tộc khác nhìn sắc tộc cầm quyền, và nhìn nhau, như những kẻ thù không thể đội trời chung.

Trong bốn thập niên được độc lập, Châu Phi đã thiếu hẳn một tư tưởng chính trị làm nền tảng để tạo dựng ra những quốc gia. Cũng có một vài cố gắng lẻ tẻ, như Leopold Sedar Senghor, cựu tổng thống Senegal và thành viên Hàn Lâm Viện Pháp, đưa ra thuyết Négritude, nhưng chỉ là những biểu văn hời hợt. Châu Phi vẫn còn thiếu một phân tích lương thiện về chính mình, điều mà các trí thức và các chính khách Châu Phi không thể làm, do chính xuất thân của họ.

Diễn văn thông thường của các chính trị gia Châu Phi cho tới nay vẫn chỉ là đổ tội cho người phương Tây đã bắt và bán người Châu Phi làm nô lệ, rồi sau đó chiếm đóng và vơ vét tài nguyên của Châu Phi. Cáo trạng này không phải là sai, nhưng rất thiếu sót và chắc chắn không đủ để đoàn kết người Châu Phi trong một cầm thù chung đối với người phương Tây. Hận thù lớn nhất vẫn là hận thù giữa người Châu Phi với nhau, mà chỉ có một cố gắng hòa giải tích cực và bền bỉ trong hàng thế kỷ mới có thể xóa bỏ được. Nhưng cho tới nay chưa có chính quyền Châu Phi nào đủ sáng suốt để nhìn thấy sự cần thiết của cố gắng hòa giải này.

Tôi không phải là một nhà nghiên cứu để có thể bỏ thì giờ tìm hiểu những vấn đề tại lục địa rất xa xôi này. Tôi đã chỉ chú ý đến Châu Phi sau khi qua một vài hiểu biết đầu tiên tôi nhận ra là có những vấn đề của Châu Phi rất đáng để người Việt Nam chúng ta suy nghĩ và rút ra những kết luận cho mình.

Trước hết là về chính thẩm kịch buôn bán nô lệ. Yêu cầu nhân lực nô lệ của Châu Mỹ đã tạo ra thẩm kịch săn

lùng man rợ trong hơn hai thế kỷ bởi vì nó đã gặp môi trường thuận lợi tại Châu Phi. Thị trường tiêu thụ nô lệ Châu Mỹ đã không tạo ra mà chỉ biến một tệ nạn có sẵn thành một tai họa khủng khiếp. Trí thức và các nhà chính trị Châu Phi, con cháu những trùm săn bắt nô lệ phải nhận phần trách nhiệm trước hết, phải sám hối và phải nỗ lực hàn gắn những vết thương mà ông cha họ đã gây ra. Thiếu thành tâm ăn năn và hàn gắn này Châu Phi sẽ không có tương lai.

Cũng tương tự, khi chủ nghĩa cộng sản, một chủ nghĩa đặt nền tảng trên căm thù giai cấp được du nhập vào Việt Nam nó đã tìm thấy một mảnh đất màu mỡ: một đại đa số nghèo khổ bị chà đạp từ cả ngàn năm, những hận thù chồng chất do chiến tranh Trịnh - Nguyễn, nội chiến Nguyễn Ánh - Tây Sơn, chính sách cấm đạo, rồi cuộc chiếm đóng của người Pháp với những người theo Pháp và những người chống Pháp v.v... Chủ nghĩa cộng sản vì thế đã thành công tại Việt Nam vì đất nước ta đã chín muồi để chờ đợi một tiếng gọi thù hận. Không nên đổ lỗi cho Pháp, cho Mỹ, cho Lenin, Stalin hay Mao. Cũng không nên đổ lỗi cho Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Bảo Đại hay Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu. Họ chỉ là những sản phẩm của một di sản lịch sử đau buồn và một đất nước bệnh hoạn. Không có họ thì cũng sẽ có những con người khác làm những điều họ đã làm. Thiếu một cái nhìn vượt thoát, chúng ta sẽ không thể hiểu thực trạng của mình và nhìn ra lối thoát.

Sau đó là tình trạng bị đất hiện nay và tương lai bế tắc của Châu Phi. Một thế kỷ sau, vết thương của việc săn bắt và buôn bán nô lệ vẫn như còn nguyên vẹn. Những trí thức Châu Phi, mà tôi đã gặp, đều hẳn học với các sắc tộc khác trong nước họ mà không hề ý thức rằng chính sự hận thù giữa các sắc tộc đã là lý do khiến Châu Phi bế tắc. Những xung đột đẫm máu bao giờ cũng để lại những hậu quả rất dai dẳng. Hận thù không tự nó tan biến với thời gian. Nó vẫn còn đó và làm tê liệt Châu Phi. Ngay cả với một cố gắng hàn gắn thành thực và kiên trì xã hội cũng chỉ có thể tạm lành bệnh sau một thời gian rất dài. Châu Phi bị đất và bế tắc vì di sản của những hận thù do một thẩm kịch cách đây hơn một thế kỷ.

Một mình thời gian không đủ.

Chúng ta cũng thế, chúng ta đã trải qua hơn ba thế kỷ chia cắt, nội chiến, xung đột và ngoại thuộc, kết thúc bởi một cuộc chiến tranh ý thức hệ kéo dài ba thập niên với hàng triệu người thiệt mạng và sau đó là vô số biện pháp phân biệt đối xử. Chúng ta cũng bị thương tích rất nặng. Mỗi lần nghe những người khẳng định dân tộc Việt Nam là một khối thuần nhất, không hận thù nhau và không cần hòa giải, tôi lại sùng sờ vì sự vô tư của họ. Cũng như các nước Châu Phi, chúng ta đã đổ vỡ và tổn hại rất nặng trong thế xác và trong tâm hồn. Hòa giải dân tộc cũng là chuyện đời sống lấp biển đối với chúng ta. Nhưng nếu không thực hiện được hòa giải và hòa hợp dân tộc thì chúng ta sẽ chỉ là một dân tộc bại liệt, và dù dưới chế độ nào đi nữa cũng chỉ có một tương lai thua kém. Trước mắt, nếu không hòa giải được với nhau, nếu mỗi người vẫn khư khư giữ lấy cái lý riêng của mình, chúng ta sẽ vẫn còn tiếp tục chia rẽ người Nam - người Bắc, Phật Giáo - Công Giáo, Quốc Gia - Cộng Sản và tiếp tục quằn quại dưới chế độ độc tài đảng trị.

Một lời sau cùng trước khi chấm dứt. Tôi đã bỏ qua nước Nam Phi vì nó không giống những nước Châu Phi da đen khác. Tuy nhiên cũng có một điều đáng suy nghĩ về quốc gia này. Tại đây thiểu số da trắng trước khi đầu hàng đã áp dụng chính sách phân cách (Apartheid). Họ lừa những người da đen vào những khu tự trị riêng biệt. Đó là một chiến lược để biến những người da đen thành những người ngoại quốc, để biến một vấn đề đối nội thành một vấn đề đối ngoại. Ngày nay cũng có những người Việt Nam nói rằng dân tộc Việt Nam rất thuần nhất, không hận thù nhau và không có nhu cầu hòa giải, chỉ có một thiểu số cộng sản phản bội và chống lại dân tộc (hay chỉ có một thiểu số phản động chống lại tổ quốc xã hội chủ nghĩa) cần phải loại bỏ. Cùng một ngôn ngữ, ngôn ngữ Apartheid, muốn biến những người trong nước thành những người ngoại quốc để khỏi phải hòa giải. Ngôn ngữ này đã bị vứt bỏ tại Nam Phi. Nó cũng sẽ phải bị từ bỏ tại Việt Nam.

Nguyễn Gia Kiểng

Trung Quốc và Tổ chức mậu dịch quốc tế

Nguyễn Phi Phụng

Sau 13 năm thương thuyết để gia nhập vào Tổ chức mậu dịch quốc tế (WTO), Trung Quốc và Mỹ đã đi đến một hiệp định song phương ngày 15.11 ở Bắc Kinh. Ngay sau đó, ông Clinton tuyên bố: "*Hiệp định tốt cho Mỹ, tốt cho Trung Quốc và tốt cho kinh tế thế giới*". Ông Giang Trạch Dân, trái lại, khiêm tốn hơn chỉ nói: "*Với hiệp định, Trung Quốc chọn lựa nguyên tắc mở rộng kinh tế, sự đổi mới và cạnh tranh. Điều này sẽ giúp cải cách và tiến bộ nhà nước pháp quyền ở Trung Quốc*". Việc ký hiệp định Trung-Mỹ không có nghĩa là Bắc Kinh sẽ gia nhập tức khắc WTO vì Trung Quốc còn phải thương lượng với Liên hiệp Âu châu và một số nước khác như Gia Nã Đại, Ba Tây, Na Uy, Thụy Sĩ, v.v. và nhất là phải được quốc hội Mỹ phê chuẩn, nhưng con đường gia nhập vào WTO của Bắc Kinh đã đi được 80%.

Lý do vì sao Bắc Kinh đã đi đến thỏa thuận với Mỹ trước ngày khai mạc hội nghị WTO ở Seattle (Mỹ) vào cuối tháng 11 trong khi một tháng trước đó, hội nghị lần thứ tư khoá 15 của Đảng cộng sản Trung Quốc đã "nhất trí" quyết định cải tổ xí nghiệp quốc doanh chỉ có thể hoàn thành vào năm 2010? Gia nhập vào WTO có nghĩa là các xí nghiệp này phải cải tổ chậm nhất là trước năm 2005 trái với đường hướng đã định cũng như trái với ý muốn của phái bảo thủ. Như thế có phải chăng là phái cạnh tân của thủ tướng Chu Dung Cơ, sau khi bị khó khăn trong sáu tháng, đã thắng thế trở lại? Đây là câu hỏi mà nhiều người cần muốn biết.

Hồ sơ thỏa thuận Trung-Mỹ

Theo sự thỏa thuận song phương, quan thuế sẽ giảm bình quân từ 22,1% xuống 17%. Riêng đối với một số sản phẩm nông nghiệp như lúa mì, bắp, gạo, bông gòn, quan thuế sẽ giảm xuống đến 14,5%. Trung Quốc còn phải cam kết giảm bỏ thương mại quốc doanh về dầu đậu nành cũng như không phụ cấp xuất cảng về bông và gạo.

Về sản phẩm công nghiệp, Bắc Kinh phải hủy bỏ hàng rào quan thuế trong vòng 5 năm, trong nhiều trường hợp từ 2 đến 3 năm. Thuế về xe hơi sẽ giảm xuống còn 25% từ đây tới năm 2006 so với 80-100% hiện nay.

Khu vực tài chính, viễn thông, tín dụng của Trung Quốc sẽ được mở rộng cho nước ngoài. Các ngân hàng nước ngoài, đang bị hạn chế một vài nơi, sẽ được thành lập mọi nơi từ đây tới 2 năm và có thể cung cấp nhân dân tệ (*ren min bi*) cho xí nghiệp Trung Quốc và cho khách hàng tư nhân từ đây đến năm 2005. Về viễn thông, các công ty Mỹ có thể có 49% cổ phần ngay ở các công ty nội địa và 50% 2 năm sau. Về tín dụng, Bắc Kinh còn phải cam kết dần dần hủy bỏ những cô-ta (*quota*) và những môn bài (*licence*) nhập khẩu mà hiện nay còn có tới ngoài cả trăm. Bù lại, Mỹ sẽ hủy bỏ cô-ta về vải chậm nhất vào năm 2004 thay vì 2010, một mặt hàng hằng năm đem lại ngoài 40 tỷ USD cho xuất khẩu Trung Quốc.

Điều mà mọi người để ý là hai bên không nói đến tiêu chuẩn xã hội (tuổi làm việc trẻ con, sản phẩm do tù nhân sản xuất...) cũng như tự do nghiệp đoàn và bãi công.

Nền ngoại thương của thế giới và của Trung Quốc

Từ năm 1950 đến 1994, tổ chức GATT thành lập từ 1947, tiền bối của WTO, đã có tám chu kỳ, đặc biệt là chu kỳ Uruguay dài nhất (1986-1994) nhưng đồng thời cũng là một chu kỳ hữu hiệu nhất vì nó đưa ra nhiều qui luật mới về mậu dịch. Mậu dịch thế giới trong thời gian 1950-1994 được nhân lên 17 lần nhờ thuế hải quan của hơn 1000 mặt hàng được giảm bình quân từ 40% xuống 5%.

Năm 1998, nền ngoại thương thế giới lên đến 10.635 tỷ USD trong đó có 5.225 tỷ xuất khẩu và 5.410 tỷ nhập khẩu. Ba khối chiếm gần 86% là: Âu châu (44,1%), Á châu (22,3%) và Bắc Mỹ (19,2%). Trong ba khối nói trên, chỉ

có nền ngoại thương của Á châu là được thặng dư với 203 tỷ trong khi Âu châu bị thâm hụt 23 tỷ và Bắc Mỹ 259 tỷ. Điều này chứng tỏ thị trường Bắc Mỹ là triển vọng lớn cho Á châu và một phần cho Âu châu.

Nền ngoại thương của Bắc Kinh trong năm 1998 lên đến 323,9 tỷ USD trong đó xuất khẩu có 183,7 tỷ so với 140,2 tỷ nhập khẩu, cán cân thương mại được thặng dư 43,5 tỷ. Bắc Kinh đứng vào hàng thứ 9 với độ 3% mậu dịch thế giới, con số còn quá kém cỡ so với khối người gần một phần tư của nhân loại. Đài Loan với 22 triệu dân cũng đã thực hiện được 215,2 tỷ (2%) trong năm 1998. Tuy vậy, nếu đem so sánh với 20 năm về trước (hàng thứ 32) thì Trung Quốc đã đi được một đoạn đường khá dài. Tám chục phần trăm xuất khẩu của Bắc Kinh tùy thuộc: Mỹ (20,7%), Âu châu (18,2%), Nhật (16,2%), Asean (4%) và Hương Cảng (21,1%). Trái lại, Bắc Kinh nhập 60% từ các nước Á châu so với 31% từ Hoa Kỳ (12,1%) và Âu châu (18,8%). Ngoại trừ bị thâm hụt với khối Asean (-2,6 tỷ) và một số nước khác, cán cân thương mại Bắc Kinh đều được thặng dư với Hương Cảng (+32,1 tỷ), Hoa Kỳ (+21), Âu châu (+7,1), Nhật (+1,5). Riêng về số thặng dư với Hoa Kỳ, phía Mỹ không đồng ý với số thống kê của Bắc Kinh. Theo họ, con số đúng là 57 tỷ USD! Đây cũng là điều làm quan hệ Trung Mỹ căng thẳng.

Những lý do đi đến thỏa ước

Có thể nói, hồ sơ gia nhập WTO của Bắc Kinh được xúc tiến mạnh sau khi thủ tướng Chu Dung Cơ lên cầm quyền từ tháng 3-1998. Trong 10 năm dưới thời Lý Bằng làm thủ tướng, hồ sơ này không được xem là ưu tiên. Vốn là con người bảo thủ, không dám làm cải cách vì lo ngại có hỗn loạn, Lý Bằng vẫn bám víu ám ảnh ổn định xã hội. Ông Chu, trái lại, là con người sáng suốt biết phải làm cải tổ xí nghiệp quốc doanh để đáp ứng với hiện tượng toàn cầu hóa và đồng thời có thể đưa đất nước tiến nhanh hơn.

Do đó, trong chuyến công du ở Mỹ trong tháng 4 năm nay, ông đã đặt hết trọng lực của một tân thủ tướng được cộng đồng quốc tế xem là người coi mở để đi đến một thỏa hiệp với Mỹ. Ông thừa biết nếu xú ông không vào WTO trong chu kỳ thiên niên 2000-2006 thì phải đợi vào chu kỳ sau mà lúc đó ông không còn ở chính quyền nữa. Không may cho ông Chu là chuyến đi của ông vào lúc liên quân Đại Tây Dương do Mỹ cầm đầu đang oanh tạc "người bạn" Nam Tư của Trung Quốc và nhất là ông Clinton không chắc quốc hội Mỹ sẽ phê chuẩn hiệp định vì chủ tịch thượng viện Mỹ, ông Trent Lott đã đe dọa: "*Hiệp ước dự trù là một hiệp ước xấu ký không đúng lúc*" mặc dù phía Bắc Kinh chịu nhượng bộ rất nhiều. Song song, phía Hoa Kỳ đơn phương công bố những điều nhượng bộ vào lúc sứ quán Bắc Kinh ở Nam Tư bị oanh tạc. Tiếp sau đó, nhiều cuộc biểu tình chống Mỹ trong toàn xú và nhất ở sứ quán của Mỹ ở Bắc Kinh. Phía Mỹ còn tố cáo Bắc Kinh cho người làm gián điệp về vũ khí hạt nhân. Bắc Kinh cho ngừng chỉ mọi thương thuyết với Mỹ. Phái bảo thủ lợi dụng quan hệ căng thẳng Trung Mỹ để làm khó khăn ông Chu và đòi ông phải từ chức. Điều nghịch thường là hiệp định vừa ký không lợi cho Mỹ hơn hiệp định dự trù trong tháng tư!

Phải đợi tới tháng 9, hai vị nguyên thủ Giang Trạch Dân và Clinton gặp lại ở hội nghị APEC ở Auckland (Tân Tây Lan), hồ sơ WTO của Bắc Kinh mới được đem ra thương thuyết trở lại. Ông Clinton còn hai lần đích thân điện thoại cho ông Giang ngày 16.10 và ngày 7.11 để thúc đẩy hai bên tiếp tục thương lượng. Có lẽ ông Clinton đã "hối hận" làm ông Chu bị khó khăn cũng như muốn "chuộc lỗi" việc máy bay Mỹ bắn "lầm" sứ quán Bắc Kinh ở Nam Tư. Thực ra ông Clinton có nhiều nguyên nhân để thỏa hiệp với Bắc Kinh. Trước hết là áp lực của các công ty Mỹ và giới canh nông đòi hỏi cần có thị trường nói rộng ở Trung Quốc để xuất khẩu. Kế tiếp là để quan hệ Trung Mỹ căng thẳng không có lợi cho Đảng dân chủ trước một năm có bầu cử tổng thống. Cuối cùng ông Clinton muốn để lại cho hậu thế là người giúp phái canh tân Bắc Kinh thực hiện công cuộc dân chủ hóa

của họ.

Về phía Bắc Kinh, cái lợi trước mắt là được hưởng tức khắc một cách vĩnh viễn qui chế thương mại bình thường (qui chế tối huệ quốc củ) mà không cần phải được gia hạn hàng năm mà mỗi lần đều bị quốc hội Hoa Kỳ đem ra bàn cãi và chỉ trích chính sách chà đạp nhân quyền trong xú.

Những cái giá phải trả

Về phía Mỹ, như trên đã nói, một số lớn hàng hóa nhờ thuế hải quan kém sẽ dần dần vào cạnh tranh thị trường nội địa mà Bắc Kinh bắt buộc phải mở cửa. Các ngành về tín dụng, viễn thông, bảo hiểm, ngân hàng, máy bay, xe hơi, nông nghiệp v.v. chắc chắn sẽ chiếm thế thượng phong với những mặt hàng tin vi và kỹ thuật cao. Ngược lại, Bắc Kinh cũng có lợi là nền ngoại thương sẽ tăng lên hai lần hơn và đầu tư nước ngoài được nhân lên nhiều lần. Theo sự ước tính của hãng Goldman Sachs, nền ngoại thương của Bắc Kinh sẽ lên 600 tỷ USD so với 324 tỷ trong năm 1998 và đầu tư nước ngoài sẽ lên 100 tỷ hàng năm từ đây tới 2005 so với 250 tỷ trong thập niên qua. Những kỹ thuật hiện đại theo đó cũng lan tràn vào nội địa. Trong 20 năm mở cửa, đã có 300.000 xí nghiệp liên doanh (*joint-venture*) nước ngoài xử dụng 11% nhân công ở thành phố, thực hiện 50% xuất cảng và phát triển gần 8 điểm hơn các xí nghiệp quốc doanh. Đây là những con số biện hộ cho sự mở rộng kinh tế.

Nhưng cái giá mà Bắc Kinh phải trả là phải cải tổ lại 118.000 xí nghiệp quốc doanh, phần lớn bị thua lỗ làm tổn hại hàng năm đến 250 tỷ USD cho ngân quỹ nhà nước. Hậu quả tức khắc là sẽ có thêm vài chục triệu nhân công bị sa thải cộng thêm 30 triệu nhân công đã "hạ cảng" (thất nghiệp) như danh từ đã dành cho những người này. Nông nghiệp không được phụ cấp sẽ làm tăng số nông dân lang thang về thành phố lớn với những hậu quả còn khó đo lường. Hệ thống ngân hàng quốc doanh mà nợ nghi ngờ lên đến 200 tỷ cũng được phải cải tổ lại để đáp ứng với tình thế mới vì trong vòng hai năm các ngân hàng ngoại quốc có thể phục vụ xí nghiệp trong xú.

Nguy cơ khủng hoảng xã hội có khả năng xuất hiện nếu chính phủ không

đưa ra những biện pháp trợ cấp để đáp ứng. Lại nữa, sự mở rộng về viễn thông sẽ làm chế độ kiểm duyệt của Bắc Kinh trở nên bấp bênh và đối lập dân chủ sẽ có dịp phát triển mạnh. Hậu quả về chính trị nội bộ là phái canh tân của ông Chu Dung Cơ thắng thế trở lại sau khi bị thất thế và bị tước đoạt hai hồ sơ gia nhập WTO và cải cách xí nghiệp quốc doanh. Vai trò của ông Giang trong việc này không được sáng tỏ. Có thể nói ông là người bênh vực ông Chu trong hồ sơ gia nhập vào WTO chống lại nhóm bảo thủ. Nhưng một tháng trước đó, cũng chính ông Giang cùng nhóm bảo thủ đã đề nghị đưa cải tổ xí nghiệp quốc doanh vào năm 2010 và cho người tước đoạt hai hồ sơ nói trên! Phái bảo thủ chắc chắn chờ đợi sự trượt tuột về kinh tế và hỗn loạn xã hội để trả thù. Các nhà bình luận tây phương cho rằng ông Giang đã đổi ý vì chính quyền Bắc Kinh đã tỏ ra nhiều yếu kém trong việc giải quyết nội bộ như phản ứng quá lộ việc cấm chỉ môn phái Pháp Luân Công và chế độ còn tùy thuộc khối Âu Mỹ Nhật để có thể tồn tại. Lại nữa, kinh tế Á châu đã trở lại hồi sinh trước dự đoán của các chuyên gia quốc tế có thể làm tăng xuất khẩu của Trung Quốc đang bị dậm chân tại chỗ.

Biết đâu ông Giang cũng muốn để lại tên tuổi mình cho hậu thế nếu hồ sơ gia nhập vào WTO có thể đưa đến hiện đại hoá đất nước mau chóng và cuối cùng dân chủ?

Hồ sơ gia nhập vào WTO của Đài Loan

Hồ sơ gia nhập của Đài Loan sẽ ra sao? Đài Loan là một trong những nước có đủ điều kiện về mở rộng kinh tế để gia nhập vào WTO nhưng lại không phải là thành viên của Liên Hiệp Quốc mặc dù còn có 30 nước công nhận. Dù vậy, theo sự "thỏa thuận" từ nhiều năm giữa Bắc Kinh và Đài Bắc, Bắc Kinh sẽ không chống sự gia nhập của Đài Bắc vào WTO với điều kiện là Bắc Kinh gia nhập trước. Nguyên tắc này đã được chính thức thông báo cho WTO từ 1992. Nhưng từ khi Đài Bắc làm tuyên cử tổng thống bằng phổ thông đầu phiếu trong năm 1996 và nhất là khi ông Lý Đăng Huy đưa ra thuyết "luồng quốc luận" trong tháng 7 năm nay, Bắc Kinh hình

như đã đòi ý. Bắc Kinh vừa phản đối thượng viện Mỹ bảo trợ Đài Loan gia nhập vào Tổ chức y tế thế giới (WHO). Như vậy hồ sơ gia nhập của Đài Loan vào WTO còn khá bấp bênh. Chính quyền Clinton vừa ký hiệp định với Bắc Kinh chắc chắn không muốn làm phật lòng ông Giang! Đài Loan chỉ còn hy vọng ở quốc hội Mỹ không phê chuẩn hiệp định với những áp lực còn mạnh trong nhóm cộng hòa. Ông Vương Chí Cường (Wang Zhi Qiang), bộ trưởng kinh tế Đài Loan, vừa tuyên bố là nếu Bắc Kinh ngăn cản, Đài Bắc sẽ chống lại nhưng không nói chống bằng cách nào. Cùng trong lúc đó, người ta để ý ngân quỹ quốc phòng của Đài Loan được tăng thêm 1,3 tỷ USD vào năm tới để lên đến 9,1 tỷ nghĩa là 3,2% tổng sản lượng quốc nội (283 tỷ). Đài Loan còn cho biết sẵn sàng bỏ ra 10 tỷ để tham dự hệ thống tên lửa chống tên lửa trong vùng (TMD) của Mỹ. Ngày nào hồ sơ Đài Loan chưa được giải quyết một cách ổn thỏa, quan hệ Trung Mỹ sẽ không hoàn toàn được cải thiện.

Trung Quốc, một nước đại diện gần một phần tư nhân loại không thể đứng ngoài WTO. Đó là điều hiển nhiên. Nhưng muốn gia nhập vào WTO, các nước đang phát triển phải có ý chí cải tổ toàn diện kinh tế để đáp ứng với hiện tượng toàn cầu hoá vì hàng hóa nước ngoài vào cạnh tranh với thuế hải quan kém. Thế nhưng, còn một số nước trong đó có Việt Nam chưa có ý chí đó vì họ sợ mất quyền, mất lợi. Bắc Kinh, sau khi do dự, cuối cùng bắt buộc phải đi đến thỏa thuận với Mỹ, một bước đầu quyết định để gia nhập vào WTO. Đây là một quyết định sáng suốt trước sau phải lấy vì thế kỷ thứ 21 là thế kỷ của cạnh tranh về kinh tế. Tuy nhiên, việc gia nhập trong tương lai vào WTO của Bắc Kinh có thể nói là một cuộc đánh đố vì như ký giả Frédéric Bobin của nhật báo *Le Monde* ngày 23-11 đã viết: "*Đối với đảng cộng sản Trung Quốc, vấn đề lợi hại được vào WTO sẽ không được bàn cãi mà câu hỏi chính là WTO sẽ hay không phá hoại ngầm ảnh hưởng của Đảng trong xã hội?*"

Nguyễn Phi Phụng

Thư khiếu nại của bà Nguyễn Thanh Giang

LTS : Đây là thư khiếu nại của bà Nguyễn Thị Tuyết Mai, vợ của ông Nguyễn Thanh Giang, về việc công an vô cớ tịch thu dụng cụ làm việc của cả gia đình bà. Thư này được gửi cho nhiều nơi, trong đó có Thủ tướng, Quốc Hội, Ban kiểm tra Trung ương Đảng, v.v

Kính thưa ông,

Tôi là Nguyễn Thị Tuyết Mai, chuyên gia của Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) đang công tác xoá đói giảm nghèo tại tỉnh Hà Giang. Tôi xin báo cáo với ông một việc như sau:

Gia đình tôi ở A13 P9 tập thể Bộ đội phòng không, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Vào 6 giờ 30 sáng ngày 11-10-1999, cán bộ công an của sở công an Hà Nội đã ập đến khám nhà tôi theo lệnh của ông Phạm Văn Ngộ phó phòng điều tra an ninh kỹ. Họ lục soát rồi lấy đi chiếc máy vi tính, công cụ làm việc của cả gia đình tôi.

Tôi đang công tác tại tỉnh Hà Giang, được tin tôi phải bỏ dở công việc để về nhà. Anh Nguyễn Thanh Giang, chồng tôi, kể lại rằng họ khám xét vì nghi chồng tôi là người viết bài viếng bác Hoàng Hữu Nhân. Lần trước, vào ngày 4-3-1999 công an Hà Nội bắt chồng tôi cùng vì nghi rằng anh ấy là tác giả bài viết *Góp ý xây dựng Đảng* được ký tên là Nguyễn Trung Trực. Nhưng cả hai bài viết này chồng tôi đều không phải là tác giả.

Gia đình tôi với gia đình bác Hoàng Hữu Nhân đã quen thân từ mấy chục năm nay. Cha tôi (nhà văn cách mạng Thôi Hữu) là bạn thân với bác Nhân từ những ngày còn hoạt động bí mật. Khi cha tôi hy sinh, bác coi chúng tôi như con và chúng tôi cũng coi bác như người Cha của mình. Những khi gia đình tôi gặp khó khăn, trắc trở, chúng tôi đều đến xin lời chỉ dạy của bác. Khi bác mất chúng tôi vô cùng đau xót. Ngày 11-10 là ngày đưa tang bác Nhân về nơi an nghỉ cuối cùng. Tối hôm trước tôi từ Hà Giang điện về nói chồng tôi phải có vòng hoa đến viếng và đi đưa tang bác vì tôi không thể về được. Thế mà 6 giờ 30 sáng công an Hà Nội đã ập đến khám xét và sau đó chồng tôi bị phỏng vấn mấy buổi liền.

Gia đình tôi là gia đình cán bộ đã làm việc cho nhà nước gần 40 năm nay. Từ khi bắt đầu làm việc cho đến lúc nghỉ hưu chúng tôi chưa hề vi phạm luật pháp, cũng như chưa hề làm điều gì sai trái. Cha tôi là nhà báo cách mạng và là liệt sĩ từ thời chống Pháp. Chúng tôi trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và cũng có những đóng góp nhất định. Thế mà tại sao gia đình tôi bây giờ lại là đối tượng bao vây đàn áp của công an Hà Nội mặc dù chúng tôi là những người lương thiện chưa hề có điều gì trái với đạo lý và pháp lý.

Tôi viết thư này đề nghị ông xem xét và yêu cầu sở công an Hà Nội trả ngay máy vi tính và máy pho-tô-cô-pi của gia đình tôi mà họ đã thu giữ phi pháp. Họ phải bỏ ngay lệnh treo máy điện thoại nhà tôi (bưu điện Hà Nội đã cho chúng tôi biết họ được lệnh như vậy). Hãy để cho gia đình chúng tôi được sống bình thường như mọi công dân lương thiện và truy cứu trách nhiệm những ai đã ra lệnh khám xét vô cớ. Họ có biết việc làm của họ đã gây mất lòng tin và làm hại đến uy tín Đảng và của chế độ ta?

Tôi là một đảng viên. Tôi vẫn có niềm tin vào lý tưởng mà tôi đã nguyện cả đời phấn đấu. Chính vì vậy tôi tha thiết mong ông với cương vị của mình hãy giải quyết công việc này để bảo vệ uy tín của Đảng, bảo vệ sự trong sạch trong đội ngũ cán bộ trong bộ máy nhà nước và giải toả mọi nỗi oan ức mà những người dân lương thiện đang phải chịu.

Kính chúc ông mạnh khoẻ để lo tròn trách nhiệm với Đảng và nhân dân.

Hà Nội ngày 11 tháng 11 năm 1999

Kính thư

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THƯỜNG TIẾT HOÀNG HỮU NHÂN

- MỘT NGƯỜI CỘNG SẢN CHÂN CHÍNH, TẬN TRUNG VỚI NƯỚC, TẬN HIẾU VỚI DÂN -

LTS: Đảng Cộng Sản đã ra lệnh cho công an tịch thu và truy lùng người viết bài dưới đây sau khi bài này được chuyển tay trong thời gian diễn ra đám tang ông Hoàng Hữu Nhân vào ngày 11-10-1999. Đây là một hình thức phản kháng của những người cộng sản lương thiện. Trong bài viết có một tin liên hệ đến việc trì hoãn Hiệp ước thương mại Việt-Mỹ rất đáng chú ý. Xin giới thiệu cùng bạn đọc.

Anh Nhân ơi! Tin Anh mất, tuy biết là khó tránh khỏi, nhưng vẫn làm chúng tôi sững sốt, bàng hoàng. Chúng tôi, những người hiểu Anh, yêu quý Anh, cảm phục Anh, cùng chung một suy nghĩ: tổn thất này to lớn quá!

Lẽ ra anh chưa nên ra đi lúc này. Đất nước đang rất cần Anh. Cuộc sống đang rất cần Anh. Lẽ phải đang rất cần Anh. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đang rất cần Anh.

Đặc biệt giữa cảnh đời nhốn nháo hiện nay, thật giả lẫn lộn, trắng đen không rõ ràng, sự có mặt của Anh, tiếng nói trung thực của Anh quan trọng và có ích biết nhường nào!

Khi cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng không hiểu nổi Trần Độ, huy động mọi phương tiện thông tin đại chúng và cả quyền lực của một Đảng toàn trị để lên án Trần Độ, đối xử với Trần Độ một cách thô bạo thì Anh vẫn đứng sau như một, bảo vệ Trần Độ đến cùng. Bằng giấy trắng mực đen, Anh viết thẳng cho Bộ chính trị: "Trần Độ là một đảng viên cộng sản chân chính, suốt đời chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của Nhân dân".

Khi bộ máy đàn áp của Đảng và Nhà nước theo lệnh của mấy tên hung thần bắt Thanh Giang, một trí thức yêu nước chân chính, chỉ vì Thanh Giang hưởng ứng bài "Góp ý xây dựng Đảng" và tưởng Thanh Giang là tác giả, Anh cùng đã thẳng thắn viết thư cho Bộ Chính trị kịch liệt phản đối việc làm trái pháp luật này: "Tôi khẳng định Thanh Giang là người tốt, thẳng thắn, rất nhiệt tình, sôi nổi, muốn đóng góp ý kiến cho Đảng và Nhà nước một cách chân thành". Anh

không ngại ngần khuyến cáo: "Bắt Thanh Giang, Đảng và Nhà nước ta sẽ mang tiếng là tiếp tục thi hành chính sách đàn áp trí thức có chính kiến khác nhau".

Con người khảng khái, trung thực đáng quý biết bao! Đó là khí tiết của một chiến sỹ cộng sản kiên cường như Dimitorôp, Phu Xích, như Trần Phú, Lê Hồng Phong... trước kẻ thù hung bạo.

Anh không chịu nổi vụ Maphia Thủy Cung Thăng Long, Maphia từ cơ quan hành pháp cao nhất, điển hình là Phó Thủ Tướng Ngô Xuân Lộc; Bộ trưởng Bộ kế hoạch Đầu tư Trần Xuân Giá đến Phó Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà nội Đinh Hạnh. Với tác phong tỉ mỉ, cẩn trọng, sau khi điều tra nắm kỹ tình hình, Anh kết luận Thủy Cung Thăng Long là vụ Maphia lớn nhất Việt Nam, là điển hình của sự tham nhũng quyền lực, một chữ ký có thể bỏ túi hàng tỷ đồng, báo hiệu một nguy cơ không thể lường được, nếu không kịp thời phanh phui và ngăn chặn...

Gần 60 năm hoạt động Cách mạng, Anh đã đem hết sức mình phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, hết sức trong sáng và liêm khiết. Những năm cuối đời, mặc dầu đã nghỉ hưu Anh vẫn canh cánh bên lòng một nỗi niềm: Làm sao cán bộ, Đảng viên thực hiện được lời dạy của bác Hồ: "Cần Kiệm Liêm Chính, Chí công vô tư, giữ gìn Đảng thật trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân".

Trong bản góp ý "Một số kiến nghị về Đảng và Nhà nước ta nên tiếp tục sự nghiệp đổi mới như thế nào?" dài đến 18 trang đánh máy, Anh đã viết những lời

tâm huyết: "Năm 1945, Đảng ta chỉ có 5000 Đảng viên, cơ sở vật chất không có gì đáng kể, không dựa được vào uy thế, uy lực nào mà đã giành được chính quyền. Chỗ dựa lúc đó là hai yếu tố: đội ngũ đảng viên trong sạch và dũng cảm; đường lối chủ trương đúng (trí tuệ). Dựa vào đó, Đảng ta đã đoàn kết, lôi kéo được quảng đại nhân dân đứng lên giành chính quyền. Ngày nay, tuy có lực lượng vũ trang mạnh, có cơ sở vật chất lớn, nhưng điều kiện để Đảng đứng vững, giữ được vai trò lãnh đạo vẫn do hai yếu tố trên là chính - Ngược lại, nếu hai yếu tố đó yếu đi, phạm sai lầm thì dù Hiến pháp có ghi nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, lại có lực lượng vũ trang bảo vệ cũng khó giữ được vai trò đó".

Trên giường bệnh, cho đến phút cuối cùng, những lúc tỉnh lại giữa hai cơn mê, Anh vẫn quan tâm đến tình hình đất nước, Anh hỏi những người bạn đến thăm về Nghị quyết 7, nghị quyết trung ương cuối cùng mà mặc dầu đang bệnh nặng, Anh vẫn viết Kiến nghị tham gia. Anh không thể ngờ rằng, hội nghị Trung ương 7 chỉ là một con số không tròn trĩnh mặc dầu phương án giảm biên chế tổ chức đã được các cấp, các ngành tham gia và hoàn toàn nhất trí. Phải đến nửa tháng sau, báo chí mới đăng bài phát biểu kết luận của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu với những lời lẽ lảng tránh quanh co như gà mắc tóc. Thật là một hiện tượng chưa từng có trong lịch sử Đảng!

Anh dành nhiều thời gian góp ý việc sắp xếp lại bộ máy Đảng và Nhà nước không chỉ mong muốn làm cho cơ quan Đảng và Nhà nước gọn nhẹ hơn, có hiệu quả hơn, tránh một nước mà có đến "hai chính phủ", mà Anh thường bộc lộ đau xót trước sự lãng phí ghê gớm của một

bộ máy Đảng và Nhà nước cồng kềnh, dẫm đạp lên nhau, thực sự là không cần thiết, trong lúc đại đa số nhân dân đang phải sống một cuộc sống quá nghèo khổ.

Anh tâm sự với bạn bè: Một đất nước nghèo, vừa thoát khỏi chiến tranh như đất nước ta mà bộ máy cầm quyền sử dụng đến gần 3 vạn chiếc xe con để chở quan chức đi làm, đi chơi, đi nhà hàng mát-xa... cộng với 10 triệu viên chức ăn lương thì dân chịu sao nổi, thuế bao nhiêu cho vừa.

Những ngày nằm trên giường bệnh, Anh cũng thường xuyên quan tâm đến sự kiện ký hiệp định thương mại Việt-Mỹ. Anh cho rằng đây là thời cơ để đất nước thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế với Quy chế Tối huệ quốc mà bản hiệp định mang lại. Anh phấn khởi được tin bản hiệp định đã được hoàn tất, Bộ chính trị đã thông qua với đa số phiếu áp đảo 17 trên 18 phiếu. Thế mà đến phút cuối cùng hai vị cố vấn già bảo thủ lại ra tay ngăn lại, thậm chí Lê Đức Anh còn đòi phải ký với Trung Quốc trước, sau đó có ký với Mỹ mới được ký (Để trả ơn cứu mạng của Trung Quốc hẳn đã cúi mọp đầu tuân lời phán bảo dù phải bán đứng quyền lợi dân tộc, hay hẳn đã lẩm cẩm lú lẫn đến mức nghe người ta xui ăn cứt gà cũng cúi xuống ăn?!). Thế là lại một lần nữa bỏ lỡ thời cơ! Bộ chính trị, Ban chấp hành trung ương sao cứ đành phải khép nép trước uy lực hai vị cố vấn thực chất đã là những kẻ phản động, phá Đảng, hại dân, hại nước?

Có lẽ đây là bi kịch lớn nhất của dân tộc ta hiện nay. Vận mệnh đất nước nằm trong tay những bộ óc bà đậu nhưng lại có quyền thao túng toàn bộ đất nước, thao túng cả Bộ chính trị, cả Ban chấp hành trung ương. (Nguyên cố vấn Phạm Văn Đồng đã phải thốt lên: "Không ký hiệp định là ngu!").

Những kẻ kiên quyết không ký vin vào cơ bản hiệp định ảnh hưởng đến độc lập, chủ quyền của đất nước. Lúc này hơn lúc nào hết, chúng ta lại văng vẳng bên tai lời dạy của Bác Hồ: "Nước độc lập mà Dân không hưởng hạnh phúc tự

do thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì".

Chúng ta đã giành được Độc lập sau suốt 30 năm trời chiến đấu hy sinh. Bây giờ chính là lúc hiệp định thương mại Việt-Mỹ mang hạnh phúc, tự do đến cho nhân dân. Thực ra hiệp định Thương mại Việt- Mỹ chính là một trong những thành quả của 30 năm đổ máu hy sinh chứ có phải đâu tự nhiên mà có được. Ai cũng hiểu được điều đó. Bộ chính trị, sau bao nhiêu tranh cãi quyết liệt, cuối cùng nhìn ra điều đó. Song, chỉ vì hai kẻ độc tài mà Nghị quyết Bộ chính trị mới trở thành mớ giấy lộn!

Sự kiện Hội nghị trung ương 7, sự kiện hiệp định thương mại bộc lộ rõ cơ chế điều hành của Đảng cầm quyền hiện nay là không thể chấp nhận. Thủ tướng Chính phủ, một ủy viên thường vụ hần hoi, cầm đầu một phái đoàn đi ký hiệp định đã được nhất trí, vừa đặt chân đến Ocolen thì nhận được điện ra lệnh hết sức quái ác: Không được ký! Ôi! nếu cứ kéo dài cái cảnh ông châu bà chuộc này thì tình hình đất nước sẽ đi đến đâu?

Chúng tôi biết câu hỏi lớn này từng làm nhức nhối tâm trí người cộng sản lão thành Hoàng Hữu Nhân. Anh nghĩ hưu đã hơn 10 năm nay, nhưng trái tim nóng bỏng của Anh vẫn luôn hướng về Đảng thân yêu và Nhân dân yêu quý của mình.

Sau mấy chục năm tham gia cách mạng, từng được phân công giữ những chức vụ cao trong Đảng: Bí thư thành uỷ một thành phố lớn, quyền Trưởng ban Công nghiệp Trung ương. Như người ta nói, Anh thuộc loại cộng sản nòi, thế mà trong những năm cuối đời, Anh lại phải ngày đêm trăn trở về vai trò lãnh đạo của Đảng, về cơ chế của Bộ máy cầm quyền, về Đảng trị và Dân chủ trong Đảng. Và Anh đã từng lao tâm khổ tứ: viết nhiều kiến nghị gửi Ban lãnh đạo Đảng với mong muốn Đảng ngày càng mạnh hơn, trong sạch hơn, xứng đáng với vị trí lịch sử và lòng tin yêu của nhân dân.

Cũng như Trần Độ, những ý kiến tâm huyết của Anh được vắt ra từ máu của trái tim cộng sản chân chính của mình. Anh chưa đến mức đa nguyên, vì Anh là

một đảng viên tuyệt đối trung thành với đảng, rất nguyên tắc trong việc làm. Mỗi lần viết kiến nghị, Anh thường gửi bản viết tay của mình cho Văn phòng Trung ương nhờ đánh máy và gửi đến những địa chỉ có trách nhiệm với lòng tin là Ban lãnh đạo Đảng sẽ dành thời gian nghiên cứu kỹ những ý kiến của mình. Anh không thể nào tin rằng, những bản kiến nghị được viết ra từ máu mình lại bị tấp đóng ở văn phòng, hoặc có đến tay lãnh đạo cũng chỉ được đọc qua loa, bởi vì Trung ương bao giờ cũng đúng rồi, Bộ chính trị bao giờ cũng đúng rồi, có cần nghe ý kiến của ai nữa đâu. Chính vì vậy mà Anh đã từng được bạn bè tặng cho danh hiệu "Một người cộng sản ngây thơ". Nhưng có lẽ vì thế mà những ý kiến của Anh, những đóng góp của Anh càng có ý nghĩa và đáng quý biết bao!

Khi Bộ chính trị mời Anh lên gặp phê phán những quan điểm của Anh và tỏ ý răn đe Anh, Anh đã thẳng thắn trả lời Phó Tổng Bí thư Phạm Thế Duyệt: "Đó là ý kiến của các anh, còn tôi, tôi có quyền có những ý kiến riêng của tôi. Ai đúng ai sai, lịch sử sẽ phán xét, nhân dân sẽ phán xét".

Anh Nhân ơi! Chẳng cần đợi thời gian, ngay lúc này đây, khi Anh vừa từ già cuộc đời, lịch sử đã phán xét rồi, nhân dân đã phán xét rồi. Theo tin mới nhất, sau một hồi bàn cãi quyết liệt, Ban lãnh đạo Đảng không thể cưỡng lại xu thế lịch sử, không dám đi ngược lại dư luận quần chúng, đành phải chấp nhận đưa Anh về nơi an nghỉ cuối cùng ở nghĩa trang Mai Dịch, nằm bên cạnh các đảng viên cộng sản chân chính Tôn Đức Thắng, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt, Trần Hữu Dực, Trần Đăng Ninh. Trong niềm thương tiếc mất Anh, chúng tôi có niềm vui sự chiến thắng của chân lý, của lẽ phải, của lòng dân.

Người kiên quyết bảo vệ Trần Độ, một đảng viên bị Đảng khai trừ, người nhiệt thành bảo vệ Nguyễn Thanh Giang, một trí thức yêu nước chân chính bị Đảng bắt giam, cuối cùng vẫn được công nhận là một lão thành cách mạng, một đảng viên cộng sản chân chính, vẫn được đưa về sống với thế giới người

hiền.

Anh Nhân ơi! Bất chấp mọi sự chống phá, lịch sử đang bước đi những bước vững chắc, tới một xã hội dân chủ công bằng. Không thể lực đen tối nào có thể ngăn chặn được bước đi của lịch sử theo đúng quy luật của nó.

Chân lý thuộc về Anh, lẽ phải thuộc về Anh, nhân dân yêu quý ghi nhận công lao to lớn của Anh, đặc biệt là công lao vào những năm cuối đời.

Anh Nhân ơi! Thương tiếc Anh, cảm phục Anh, chúng tôi xin kính cẩn nghiêng mình trước vong linh Anh, chúc Anh yên nghỉ với những giấc mơ đẹp nơi suối vàng. Nơi đó, Anh sẽ được gặp Bác Hồ. Anh có thể tự hào với Bác là Anh đã sống, chiến đấu xứng đáng với tám huân chương Hồ Chí Minh trên ngực.

Chúng tôi nguyện sẽ tiếp tục sự nghiệp và hoài bão của Anh, phấn đấu đến cùng bất chấp mọi thế lực đen tối, xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, như Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ để lại.

Mãi mãi nhớ thương Anh, anh Nhân ơi!

Xin được để lại trên mộ anh hai câu thơ của Đại tá Nhà văn Nguyễn Trần Thiết, người đồng hương của Anh:

Có kẻ sống mà như đã chết

Người nằm đó còn sống mãi trong Dân

Hoàng Hữu Nhân mãi mãi sống trong lòng Tổ quốc, mãi mãi sống với lịch sử vinh quang của dân tộc Việt Nam

**NHỮNG NGƯỜI BẠN THÂN YÊU
CỦA ANH**

*Thông Luận hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp,
mọi ủng hộ tài chính và cảm ơn
quý vị đã cổ động và
phổ biến tờ báo*

Thư độc giả

Sự liên hệ giữa Triệu Khuông Dận và Chu Hy.

Trong bài viết về Khổng tử của ông Võ Xuân Minh ở Thông Luận số 123 có viết một đoạn về sự liên hệ giữa người sáng lập nhà Tống (960-1127) Triệu Khuông Dận và nhà triết học nho giáo Chu Hy và được ông Nguyễn Huy Bảo trích lại trong số 131. Bài viết nói "Triệu Khuông Dận (viết đúng là Dận chứ không phải là Dẫn) khi lên ngôi lại dùng Chu Hy, một người rất am tường Khổng giáo, để củng cố địa vị của mình". Theo tôi điều này khó xảy ra vì lẽ dễ hiểu là Chu Hy sinh sau Triệu Khuông Dận ngoài 200 năm và nhà Tống đã chấm dứt vào năm 1127 trước khi Chu Hy ra đời! Triệu Khuông Dận (927-976), một tướng nhà hậu Châu với sự trợ giúp của người em là Triệu Khuông Nghĩa soạn ngôi vua lập ra nhà Tống. Nhà triết học nho giáo Chu Hy (1130-1200), thuộc trường phái tân Khổng giáo của người sáng lập Chu Đôn Di (1016-1073) và chịu ảnh hưởng lớn của hai anh em Trình Hạo (1032-1085) và Trình Di (1033-1107).

Anh hưởng của Chu Hy, trái lại, rất lớn ở Việt Nam với những bài bình luận về Đại Học và thuyết Trung Dung cũng như những tập bình luận về luận ngữ của Khổng tử và Mạnh tử.

Vương Thuyên (Lille)
một độc giả

Lời tác giả

Trong bộ Lịch sử thế giới, Nguyễn Hiến Lê và Thiên Giang có biên soạn về nhà Tống. Nhà Tống do Triệu Khuông Dận (hay Dận?) lập nên và được chia làm hai thời kỳ: Bắc Tống (960-1131), Nam Tống (1131-1280). Trong chương Nhà Bắc Tống có ghi "*Các học giả Trung Hoa do Chu Hy cầm đầu sửa đổi Khổng giáo làm thành một lợi khí đắc lực của chế độ quân chủ chuyên chế...*" (Cuốn II, trang 123). Nhưng, như ông Vương Thuyên, cũng như cuốn Dictionnaire de la pensée politique, Collection J. Brémond, trang 94, xác nhận Chu Hy sinh vào lúc nhà Bắc Tống chấm dứt, năm 1130 (1130-1200).

Tác giả bài *Khổng giáo* chân thành cảm ơn ông Vương Thuyên đã bỏ tấc cho sự sơ sót trên và thành thật cáo lỗi cùng tất cả các độc giả.

Võ Xuân Minh

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm
11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)
Địa chỉ liên lạc :
THÔNG LUẬN
37 rue du Clos de l'Erable
77400 Saint Thibault des Vignes,
FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:
Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.
Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr : 00 77 70 82 94
Bankleitzahl : 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada
có thể liên lạc và góp ý kiến với
Thông Luận qua địa chỉ:
Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo
(40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam**
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan
Braamlanden 76
7542 CJ Enschede

Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52
Giá báo một năm: 30 Euro,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Úc:
Mrs. Vuong Bich Ngoc
36 Kallista Road
Springvale Vic 3171

55 năm sau nhìn lại: cách mạng hay cướp chính quyền ?

(Phần II, tiếp theo và hết)

Trần Thanh Hiệp

Chính khách họ Trần, thủ tướng đầu tiên của nước Việt Nam - theo nghĩa hiện đại của danh xưng - không phải là người làm chính trị chuyên nghiệp. Ông chỉ là một nhân sĩ có tinh thần yêu nước, thuộc thế hệ những người trí thức Tây học nhưng thấm nhuần tinh thần nho giáo. Vì thế, ông không xu hướng cách mạng bạo động, chỉ muốn ôn hòa thực hiện ngay những cải cách mà thực trạng đất nước cho phép. Khi thấy Việt Minh xách động dân chúng giành chính quyền, đồng thời ông lại thất bại trong mấy lần vận động hợp tác với Việt Minh để thành lập một chính quyền mới trong liên tục quốc gia, ông đã tri tình lùi bước để cho Việt Minh nhận trách nhiệm trước lịch sử. Chẳng những vậy, ông cũng từ khước không nhân lời đề nghị của người Nhật, nếu ông chính thức yêu cầu, họ có thể tiếp tay chính phủ ông chống nổi loạn hầu bảo vệ trật tự. Ứng xử của ông trước chính biến mùa Thu 1945 là ứng xử của một kẻ sĩ, khi thấy làm được việc thì đứng ra gánh vác, khi thấy không làm được việc thì lui về ở ẩn.

Các bộ trưởng trong nội các của ông, nói chung, cũng có thái độ tương tự. Theo hồi ký của Phạm Khắc Hòe, có hai bộ trưởng, Trần Đình Nam và Hồ Tá Khanh đề nghị "*chúng ta rút lui ngay, nhường hẳn quyền bính cho Việt Minh*". Luật sư Vũ Văn Hiến, Bộ trưởng Tài chánh chủ trương Việt Nam phải có một chính quyền hợp pháp bảo đảm được trật tự để, lâm sự, giao thiệp với Đồng Minh, ngăn ngừa trước không cho Đồng Minh lấy lý do trật tự mà giúp cho người Pháp trở lại cầm quyền. Do đó, dù có trao quyền cho Việt Minh thì cũng cứ phải giữ chính thể quân chủ để duy trì căn bản pháp lý của một chính quyền hợp pháp. Các luật gia khác trong nội các như Trần Văn Chương, Trịnh Đình Thảo, Phan Anh v.v... đều tán thành quan điểm của Vũ Văn Hiến. Sau cùng cả nội các đồng ý lấy thái độ như luật sư Hiến đã đề xuất.

Vua Bảo Đại lúc đầu đã chọn lập trường này. Nhưng về sau, trước những biến đổi hàng ngày của tình hình, người vua cuối cùng của dòng họ Nguyễn đã quyết định thoái vị. Nguyên nhân nào đã đưa tới quyết định ấy? Thật ra, từ ba nguồn thông tin hiện có là ba tập hồi ký của Trần Trọng Kim (Một Con Gió Bụi), Phạm Khắc Hòe (Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc), và chính vua Bảo Đại (*Con Rồng Việt Nam*), người đọc cũng đã có thể rút ra được một số kết luận, dù rằng họ đã phải rất dè dặt với Phạm Khắc Hòe vì thái độ của ông tăng bốc quá lộ cộng sản. Trong tương lai, sử học còn có thể mang tới những ánh sáng mới về những động cơ tâm lý đã thúc đẩy vua Bảo Đại từ bỏ ngôi báu. Trong khuôn khổ bài nghiên cứu này, những động cơ ấy không phải là điều chủ yếu. Việc tìm hiểu tại sao vua Bảo Đại thoái vị không quan trọng bằng việc xác định người vua ấy đã thoái vị như thế nào và đã trao quyền cho ai, trên những cơ sở gì, với những hậu quả pháp lý ra sao?

Về điểm này, tưởng phải phục hồi giá trị lịch sử cho "Chiếu thoái vị" ngày 25-8-1945 của vua Bảo Đại, một văn kiện lịch sử đã bị chôn vùi một cách vô ý thức quá sớm, chẳng những bởi những người cộng sản mà cả những người chống cộng sản. Đối với người Việt Nam, không ai nghĩ rằng Chiếu thoái vị này là một loại Đại Hiến Chương (*Magna Carta* hay *Great Charter*) mà ý nghĩa lịch sử cũng như pháp lý cao hơn bản Đại Hiến Chương 1215 của vua Jean-Sans-Terre, một lời cam kết của vị vua này ở Anh quốc chấp nhận nhường một phần vương quyền cho các bá tước người Anh. Vậy mà ngày nay chẳng những riêng người Anh, cả thế giới đều coi nó như một nguồn gốc lịch sử của nhân quyền. Trong khi đó, Chiếu thoái vị 25-8-1945 của vua Bảo Đại là một văn bản chính thức và công khai, qua trung gian các đại diện của dân chúng, nhường không điều kiện toàn bộ vương

quyền cho dân chúng. Những người cộng sản cướp chính quyền, theo âm mưu "la" của Trường Chinh, coi Chiếu thoái vị của vua Bảo Đại chỉ là một văn kiện "đầu hàng cách mạng" là điều hiểu được. Nhưng quả thật rất khó hiểu sự kiện đã có không ít những người tự nhận là chống cộng sản, hoặc vì không biết được nội dung đầy đủ của nó nên coi nó như không có gì đáng kể, hoặc khiếp đảm vì bạo lực của cộng sản cướp chính quyền, không nhận ra được giá trị đích thực của Chiếu thoái vị, thậm chí còn nhập nội và lưu truyền mặc cảm tự ti của những người thất trận!

Đã đến lúc phải tái lập sự thật.

Trên bình diện lịch sử, Chiếu thoái vị ngày 25-8-1945 của vua Bảo Đại là một sử liệu quý giá đánh dấu sự chấm dứt nền quân chủ cổ truyền để chuyển quyền, không đổ máu, từ vua sang dân, trong một tinh thần tự nguyện vì độc lập của đất nước, vì tự do của mỗi người dân và vì đoàn kết của cả dân tộc. Trên bình diện pháp lý, văn kiện này là một bản hợp đồng rất đặc biệt - vừa thành văn vừa không thành văn - ấn định rõ ràng những điều kiện trong đó hành vi trao quyền được thực hiện và những nghĩa vụ mà người nhận quyền phải thi hành. Điều cho đến nay không ai nói tới hoặc không nghĩ tới, là bên nhận quyền, những người cộng sản cướp chính quyền năm 1945, đã long trọng cam kết thi hành những nghĩa vụ ấy. Nhưng cộng sản đã thất ước, nhận quyền để thiết lập chuyên chính còn bạo tàn hơn cả quân chủ.

Cũng như trong trường hợp bản Đại Hiến Chương 1215, luật học ngày nay không cần tìm biết vì sao vua Jean Sans Terre đã nhường quyền mà chỉ cần biết vị vua này đã nhường những quyền gì, nhường cho ai? Vua Bảo Đại, với tư cách người kế thừa vương quyền của dòng họ Nguyễn lưu truyền đã gần 400 năm nay, đã văn kiện hóa hành vi nhường

quyền của mình bằng những lời lẽ không thể minh bạch hơn nữa: "vi hạnh phúc của dân", "vi độc lập của nước", không "ngồi yên mà đợi quốc hội" trước "nhiệt vọng dân chủ" rất cao của dân chúng miền Bắc, đã "qua quyết thoái vị" để tránh nạn "Nam-Bắc phân tranh" đồng thời "nhường quyền điều khiển quốc dân lại cho một chính phủ dân chủ cộng hòa". Một trong đòi hỏi của người trao quyền là chính quyền dân chủ sắp được thiết lập phải "lấy sự ôn hòa xử trí" đối với "các đảng phái đã từng cho nền độc lập quốc gia nhưng không đi sát theo phong trào dân chúng [...] để những phần tử ấy cũng có thể giúp vào việc kiến thiết quốc gia và tỏ rằng chính phủ dân chủ cộng hòa nước ta đã xây đắp trên sự đoàn kết của toàn thể quốc dân". Như vậy là vua Bảo Đại đã sang trang cho lịch sử cả hàng ngàn năm. Và những người nhận quyền từ tay vua Bảo Đại đã giao ước, trước mặt quốc dân, với vua Bảo Đại, sẽ viết những trang sử mới theo đúng lời yêu cầu ghi trong Chiếu thoái vị. Giao ước long trọng nhiều lần. Lần thứ nhất, khi vua Bảo Đại gặp các đại diện của Ủy Ban Nhân Dân Cứu Quốc tự xưng là đại diện cho tất cả mọi đảng phái và tầng lớp dân chúng, sáng ngày 23-8-1945 tới cung điện với giấy ủy quyền nhân danh Việt Nam Độc Lập Đồng Minh (Việt Minh) ở Hà Nội phải vào. Theo tập hồi ký *Con Rồng Việt Nam* thì phái đoàn đại diện gồm có hai người là Trần Huy Liệu, Phó chủ tịch của Ủy ban Nhân dân cứu quốc và Cù Huy Cận, nhưng ký giả Nam Đình Nguyễn Kỳ Nam lại viết trong tập hồi ký của ông là còn có cả Nguyễn Lương Bằng, đại diện cho "cách mạng". Cách thức nhận quyền thuộc phần giao ước không thành văn. Người ta đọc thấy trong tập hồi ký *Con Rồng Việt Nam* rằng Trần Huy Liệu xuất trình giấy ủy quyền và tuyên bố: "Nhân danh dân tộc Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh của Mặt Trận Giải Phóng đất nước cho chúng tôi vinh dự đến gần Hoàng thượng để nhận ấn kiếm". Được vua Bảo Đại trao cho đọc Chiếu thoái vị, sau khi đọc xong và hội ý với Cù Huy Cận, Trần Huy Liệu nói: "Thưa Hoàng thượng, nhân danh dân tộc Việt Nam, chúng tôi nhận hết cả bản văn này [...]. Nhưng chúng tôi kính xin Hoàng thượng cho tổ

chức một buổi lễ vấn tấu, trong đó xin Hoàng thượng công khai tuyên bố cho mọi người biết". Chiều ngày 23-8-1945, vua Bảo Đại bận triều phục, đọc cho hàng ngàn người tụ họp trước cửa Ngọ môn nghe Chiếu thoái vị đề ngày 25-8-1945. Lần đầu tiên nền dân chủ trực tiếp ra đời trên đất nước Việt Nam với một áp âm tươi sáng: "Trăm lạy làm vui được làm dân tự do của một nước độc lập". Lần thứ hai, sự giao ước - lần này gián tiếp - đã được chính quyền thay thế triều đình Huế long trọng tuyên đọc qua bản Tuyên Ngôn Độc Lập ngày 2-9-1945 trong đó có trích dẫn tinh thần dân chủ tự do theo truyền thống phương Tây để được nêu lên như một giá trị quy chiếu. Không biết rằng vô tình hay cố ý, sự giao ước giữa hai bên không được văn kiện hóa để mang hình thức một tài liệu thành văn. Nhưng xét theo tập tục của người Việt Nam vào thời điểm mùa Thu năm 1945, giữa hai bên "Vua" và "Dân" đã có sự kết ước với những điều kiện rõ rệt. Ở các chợ miền quê trong cả nước hồi đó, tập tục mua bán trâu bò chỉ cần thỏa thuận miệng và một cử chỉ hai bên vỗ vào tay nhau là sự kết ước thành tựu. Không lẽ một bản văn trọng đại như Chiếu thoái vị, lại được tăng cường thêm bằng những hình thức trọng thể của việc thoái vị và lời tuyên ngôn ngày 2-9-1945 thành lập chính quyền Cộng Hòa, lại không có giá trị bằng một lời giao ước miệng mua bán trâu bò ở giữa chợ sao?

Những gì đã thực tế xảy ra, sau ngày vua Bảo Đại thoái vị đến nay đã hơn nửa thế kỷ, cho thấy là những người được trao quyền đã bội ước. Không hề có "đoàn kết quốc dân", chỉ có "giai cấp đấu tranh" giữa các "nhân dân" đủ loại. Không hề có "dân chủ", chỉ có "chuyên chính". Không hề có đa nguyên, đa đảng, chỉ có một đảng độc nhất là Đảng Cộng Sản độc chiếm quyền hành. Mọi người nay đã có cơ sở để khách quan đánh giá chính biến mùa Thu 1945, định xem nó là một vụ cướp chính quyền hay là một cuộc cách mạng. Nhờ sự giúp sức của thời gian, mọi người nay thấy rõ được rằng không thể máy móc dựa vào việc bạo động cướp chính quyền để ca ngợi chính biến mùa Thu 1945 là một cuộc cách mạng lật đổ phong kiến, hủy bỏ chế độ quân chủ, thiết lập dân

chủ. Mà phải vạch trần ra rằng nếu thật sự muốn thiết lập dân chủ thì hành vi của vua Bảo Đại nhường toàn bộ vương quyền đã mở rộng đường vào dân chủ và có thể tiết kiệm được cho dân Việt Nam con đường vòng hơn 50 năm áp bức đảng trị gay gắt hơn cả phong kiến. Nhưng mặt khác muốn coi chính biến này là một cuộc cách mạng nếu hiểu chữ cách mạng theo nghĩa của hệ quy chiếu cộng sản. Nhìn dưới độ góc đó, chính biến mùa Thu chỉ mới là một "khâu" cướp chính quyền trong chuỗi dài cách mạng cộng sản, theo con đường "Cách mạng tháng Mười" mà lịch sử từ một thập niên qua đã chứng minh rằng nó đã thất bại ngay từ bước quá độ, không thể và không bao giờ đi tới được thành công.

Trong những năm tới, Việt Nam chắc cũng sẽ có những công trình nghiên cứu sử học vô tư - như trong bộ sử "hậu cộng sản", do giáo sư đại học Nga, Iouri Afanassiev, chủ trì và ấn hành năm 1991 tại Mạc Tư Khoa - để đưa ra trước ánh sáng những thao tác của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong ý đồ cưỡng hiếp để nguy tạo lịch sử. Nhưng ngay từ bây giờ, người ta cũng đã có cơ sở kết luận là cuộc chính biến mùa thu 45 không thể coi là một cuộc cách mạng - dù vô sản hay dân tộc dân chủ nhân dân - mà chỉ là một vụ cướp chính quyền.

Cách mạng: khái niệm hay ý niệm?

Một vài người đã đọc các phần I của bài này không thỏa mãn vì đã không được dẫn nhập ngay từ đầu vào một khái niệm nhất định về cách mạng. Phản ứng này không phải là không có lý. Nhưng người viết đã cố ý để chậm lại vào cuối bài việc bàn luận về khái niệm cách mạng. Trước hết là vì chữ cách mạng có rất nhiều nghĩa, nếu đề cập ngay tới nội dung của nó khi vừa vào bài viết, e người đọc dễ lầm tưởng rằng họ sẽ được đưa dắt đi lang thang trong cõi lý thuyết! Thứ đến, vấn đề "cách mạng tháng Tám", tự bản thân nó không phải là một vấn đề lý thuyết mà là một vấn đề thực tiễn. Nếu chỉ lo bàn về lý thuyết thì sẽ không đi thẳng được vào đối tượng nghiên cứu đã hiện hữu trong thực tế. Sau nữa, chính biến mùa Thu 1945 là do những người cộng sản tạo nên, những người không cộng sản không có phần

tham dự tích cực nào vào đó. Cho nên cần miêu tả chính biến đó dưới nhãn quan cộng sản để rồi về sau trở lại chiếu rọi vào đó những ánh sáng không cộng sản.

Chữ cách mạng có nhiều nghĩa là do nguồn gốc của nó, do những cách khác nhau nó được sử dụng trải qua các thời đại. Đối với người Việt Nam, chữ cách mạng có hai nguồn gốc. Gốc thứ nhất: chữ "cách" là gốc Hán, âm Bắc Kinh đọc là "gé", có nghĩa nguyên thủy là da thú đã thuộc kĩ, sau khi đã cạo hết lông. Nghĩa mở rộng là thay đổi (xem Lý Lạc Nghị, *Tim về cội nguồn chữ Hán*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội 1998). Chữ "mệnh", âm Bắc Kinh đọc là "mệnh", có nghĩa là mệnh lệnh, sinh mệnh, vận mệnh v.v... (sdd). Nhưng từ kép "cách mệnh" lấy từ *Kinh Dịch*, quẻ Cách: "*Thiên địa cách nhi tứ thời hành, Thang Vũ cách mệnh ứng hồ thiên nhi thuận hồ nhân, cách chi thời, đại hi tai!*" nghĩa là: "Trời đất đổi thay mà bốn mùa đi qua, vua Thang vua Vũ làm cách mạng thuận lòng trời, ứng hợp lòng người, lớn đẹp thay thời cách mạng!" Vua Thang, một vua chư hầu đã nổi lên đánh thắng vua Kiệt nhà Hạ lập nên nhà Thương để cứu dân, vua Vũ (Vô Vương), một vua chư hầu hội chư hầu đánh thắng vua Trụ nhà Thương, bạo chúa xa xỉ, đam mê tử sắc, giết oan trung thần v.v... Vua Vũ đã sáng lập ra nhà Chu. Hai vua Thang và Vũ được kể như hai người đã tuân mệnh mệnh trời, tự ý cách bỏ mệnh trời đã trao cho Kiệt, Trụ. Do đó, người ta coi hai người này đã làm "cách mệnh". Trải qua mấy ngàn năm lịch sử ở Việt Nam, ít thấy nói tới "cách mệnh" dù rằng đã có nhiều cuộc thay đổi đột ngột người cầm quyền. Nhân vật độc nhất nói tới "cách mệnh" có lẽ là Cao Bá Quát. Năm 1854, được đổi ra Sơn Tây, phủ Quốc Oai làm Giáo thụ. Ông bí mật giao kết gián tiếp với người đầu mục một nghịch đảng thù Lê là Nguyễn Kim Thanh nuôi ý đồ lật đổ Tự Đức và triều Nguyễn. Năm ấy, lúc khởi nghĩa ở Mỹ Lương, ông đề trên cờ hiệu hai câu:

"*Bình Dương, Bồ Bản vô Nghiêu, Thuấn,*

Mục Dã, Minh Điều hữu Vô, Thang"

Bình Dương là kinh đô của nhà Hạ,

Bồ Bản là kinh đô của nhà Thương. Vua Kiệt bị vua Thang đánh bại tại Minh Điều, vua Trụ mất ngôi cho vua Vũ (Vô) trong trận đánh ở Mục Dã. Hai câu thơ có ý nói ở trong triều, Tự Đức không phải là Nghiêu Thuấn thì trong dân gian đã có Lê Duy Cự để làm cách mệnh như các vua Thang, vua Vũ. Cuối thế kỷ trước đầu thế kỷ này, vấn đề cách mệnh được đặt ra cho những người chống Pháp trong các phong trào Văn Thân, Cần Vương, Duy Tân v.v... Các nhà nho làm cách mệnh Việt Nam phần lớn phải chọn Trung Quốc làm nơi an toàn nên tư tưởng cách mệnh của họ vẫn chưa ra thoát khỏi mẫu "Thang, Vũ".

Tuy nhiên họ đã bắt đầu tiếp thu tư tưởng cách mệnh phương Tây, nhưng phải qua những con kênh Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi, Tôn Trung Sơn v.v... Cũng vì lẽ đó mà sự đổi mới tư tưởng cách mệnh của họ đã rất giới hạn, ngay ở những người đã có dịp xuất ngoại và giao thiệp rộng như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Ở trong nước, đầu thập niên 30, Tự điển tiếng Việt của Hội Khai Trí Tiến Đức định nghĩa cách mệnh là "*dùng cách bạo động mà thay đổi cuộc chính trị*". Các đảng chủ trương tranh đấu bằng vũ lực - trừ Đảng Đại Việt Duy Dân, cũng không thấy đưa ra được một toàn bộ lý thuyết nào về cách mệnh. Đầu những năm 40, tổ chức cách mệnh không cộng sản của người Việt ở hải ngoại (Trung Quốc), Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, có bài hát chào cờ như sau:

"*Cờ Đồng Minh đã nêu cao theo gió bay tung,*

Tranh quang cùng ánh dương rực hồng,

Binh, thương, công, nông,

Chúng ta một lòng,

Ta cùng xung phong,

Đuổi quân thù đòi lại núi sông.

Đứng lên đá đảo Đế quốc!

Dựng lên nền dân chủ tự do nâng đỡ lân bang nô lệ thoát lao lung"

Nói tóm lại, trên đại thể, cơ sở tinh thần của cách mệnh không cộng sản Việt Nam tới gần giữa thế kỷ XX vẫn còn mang nặng dấu vết của tư tưởng cách mệnh Trung Quốc từ những năm 2200 trước Công nguyên truyền lại! Nhưng với cuộc đệ nhị thế chiến, tư

tưởng ấy bắt đầu bột phát. Nhờ có sự tiếp xúc của tư tưởng cách mệnh phương Tây, nội dung của chữ cách mạng thêm phong phú. Gốc mới phương Tây này đã làm lu mờ gốc cũ phương Đông. Và bởi thế, khi dùng chữ cách mệnh để dịch chữ "*révolution*" thì cần nhớ rằng nội dung của chữ cách mạng đã đổi khác và phải hiểu nghĩa mới của chữ cách mệnh là nghĩa của chữ "*révolution*". Chữ này được khai sinh từ thời Trung Cổ, khởi đầu là tiếng chuyên môn dùng trong thiên văn để chỉ sự vận hành của một hành tinh chuyển động trên quỹ đạo của nó, đi hết một vòng rồi quay lại chỗ cũ. Do nguồn gốc này, cách mạng hiểu theo nghĩa phương Tây có hàm nghĩa "chu kỳ", tương tự như nghĩa trong *Kinh Dịch* "*Trời đất đổi thay mà bốn mùa đi qua*". Rồi mỗi thế kỷ lại mang đến cho nó một nghĩa mới, thoát thai từ nghĩa cũ. Giữa thế kỷ thứ XVI, chữ "*révolution*" bắt đầu có nghĩa là sự thay đổi đột ngột và quan trọng trong trật tự xã hội, trật tự tinh thần. Đầu phần nửa sau thế kỷ XVII, chính biến năm 1688 bên ở nước Anh trong đó Guillaume d'Orange truất phế Jacques II mở đường cho nền quân chủ thế tục thay thế nền quân chủ thần quyền, Người Anh gọi chính biến này là cuộc Cách mạng Vinh quang (*Glorious revolution*). Cuối thế kỷ XVIII, có hai biến cố lớn: các thuộc địa của Anh ở Mỹ tuyên bố độc lập đối với chính quốc và tại Pháp dân chúng nổi dậy lật đổ nền quân chủ chuyên chế. Đó là hai cuộc cách mạng nổi tiếng trong lịch sử nhân loại. Thế kỷ XIX, Marx và Engels mang thêm cho nội dung từ "*révolution*" hai nghĩa "giai cấp đấu tranh" và "thay đổi bằng bạo lực". Đến thế kỷ XX, với những cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911), Cách mạng tháng Mười (1917) v.v. chữ "*révolution*" đã rời bỏ hẳn địa hạt tinh thần hay chuyên môn để đi vào đời sống xã hội. Nó được dùng để gọi tên những cuộc nổi dậy thay đổi chính quyền, trật tự chính trị, kinh tế, xã hội v.v...

Ngày nay, chữ "*révolution*" đã có một nội dung khá phức tạp, nhất là người ta lại còn dùng nó vào những nghĩa bóng, đôi khi trái ngược hẳn với nghĩa đen, tí dụ khi nói "cách mạng ôn hòa", "Cách mạng Nhung", "cách mạng Xanh", v.v.

Dù sao, trong tư tưởng phương Tây,

cách mạng vẫn còn giữ hai ý nghĩa nó đã có trải qua các thời đại là thay đổi bằng vận động và thay đổi để quay về điểm khởi hành. Người thời xưa cho rằng xã hội tốt hay xấu là do người cầm quyền. Muốn thay đổi phải chính đốn lòng người. Người thời nay nhờ sự phát triển của các khoa học xã hội đã tìm ra được nhiều nguyên nhân ở nơi các định chế nên còn chủ trương thay đổi định chế để sửa đổi xã hội.

Vì văn hóa nhân loại tích lũy lâu đời nên vấn đề quay về xuất phát điểm trong hành động cách mạng không còn đơn giản như thời xưa. Vì thế, người ta chưa tìm ra được những thuộc tính nhất định của hiện tượng thay đổi xã hội để khái quát nó thành một khái niệm. Cho nên thay vì nhìn nhận một khái niệm về cách mạng duy nhất cho mọi không gian, thời gian, người ta chỉ muốn có nhiều ý niệm nghĩa là khái niệm sơ lược về cách mạng.

Hãy thử lấy trường hợp Việt Nam làm thí dụ. Đối với những người cộng sản thì chính biến mùa Thu 1945 là một cuộc cách mạng vì nó đã mang lại sự thay đổi quan trọng về phía người cầm quyền, trong trật tự xã hội v.v... Đó là một cuộc cách mạng theo hệ quy chiếu của người cộng sản là tư tưởng Mác-Lenin. Ngược lại, đối với những người không chấp nhận hệ quy chiếu ấy thì những sự thay đổi do chính biến mùa Thu mang lại không phải là sự quay trở về xuất phát điểm trong sự vận hành của quỹ đạo dân tộc vốn không đi theo con đường giai cấp đấu tranh như cộng sản lập thuyết. Như vậy, không giải quyết được vấn đề tiến bộ và không thể nói là cách mạng. Làm cách mạng theo tư tưởng Mác-Lê không bao hàm quay trở lại trong một chu kỳ mà là tiến lên theo đường thẳng, làm lại dân tộc, làm lại con người, vì theo cộng sản dân tộc cũng như con người đã hiện hữu khi cách mạng vô sản nổ ra, chỉ là sản phẩm của thời tiền sử. Nói cách khác, lịch sử chỉ thật sự bắt đầu với xã hội cộng sản!

Thời đại đang mang lại cho người Việt Nam kiến thức, kinh nghiệm thành bại quý báu về cách mạng. Đã đến lúc người Việt Nam chấm dứt việc chạy theo tư tưởng cách mạng phương Đông cũng như phương Tây. Cái gọi là Cách mạng tháng Tám đã mở đầu cho một

quá trình sai lầm to lớn như lịch sử đã chứng minh. Thiết tưởng nên đặt vấn đề "Làm lại cuộc cách mạng tháng Tám" mà điểm xuất phát là sự chuyển quyền từ quân chủ sang dân chủ thực sự. Chú không phải là sự thay thế hình thức chuyên chế cũ bằng một hình thức chuyên chế mới, dù chỉ ở trong giới hạn quá độ, một đoạn đường dài vô định và không bao giờ tới đích.

III. Làm lại cuộc cách mạng tháng Tám ?

Đặt vấn đề làm lại cuộc cách mạng tháng Tám là rút ra từ những quan điểm đã trình bày trong hai bài đầu của bài viết này một kết luận luận lý và xây dựng. Người viết hy vọng đã cung cấp cho người đọc một số yếu tố thẩm lượng để phân định phần "cách mạng" và phần "không cách mạng" của chính biến mùa Thu 1945.

Hãy nói về "phần" cách mạng" của chính biến này. Cứ theo cách nói thông thường của dân chúng thì chính biến mùa Thu 1945 là một cuộc cách mạng vì đã có cuộc nổi dậy "lật đổ chế độ quân chủ và thiết lập chế độ dân chủ". Cách nói này chỉ chú trọng vào những biến (sự) cố thực tế xảy ra trong một thời điểm nhất định, không cần lưu ý tới những kết quả tương lai của những biến cố ấy. Nó không bao hàm hướng đi lên tổng quát hóa, trừu tượng hóa, khái niệm hóa để định nghĩa. Cho nên cách gọi tên thông thường này không giúp ích gì cho việc tìm hiểu về giá đích thực của chính biến mùa Thu 1945.

Cũng còn có thể gọi chính biến ấy là một cuộc cách mạng nếu người ta nhìn nó dưới góc cạnh cộng sản. Quả thật những người cộng sản Việt Nam thông qua Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức cuộc nổi dậy tháng Tám để cướp chính quyền rồi từ đó họ, thiết lập theo từng giai đoạn, nền chuyên chính vô sản đi lên cộng sản. Nếu cách nhìn thông thường của dân chúng quá ngắn thì cách nhìn của người cộng sản lại quá dài, phải nói là dài một cách vô tận. Bước đầu đã phải mất 30 năm nghĩa là đến năm 1975, mới đặt được những nền móng đầu tiên của nền chuyên chính vô sản để bắt đầu đi vào Con đường Cách mạng tháng Mười. Rủi cho họ là hơn

mười năm sau thì con đường cách mạng ấy đưa tới ngõ cụt và Tổ quốc xã hội chủ nghĩa vì thế vỡ tan tành ở Đông Âu, ở Liên Xô cũ, ba giòng thác cách mạng cạn khô, lực lượng vô địch quốc tế vô sản đã biến khỏi vũ đài chính trị thế giới. Ngay chính ở Việt Nam, những người cộng sản đang cầm quyền, như ông Tổng bí thư Lê Khả Phiêu mới làm, cũng chỉ "lai rai" và "lấp nháp" nói tới cách mạng, chẳng ai hiểu là loại cách mạng gì, có thực sự còn theo mô thức cách mạng mác xít nữa hay không. Bởi vậy cứ khẳng định theo những người cộng sản rằng chính biến mùa Thu 1945 là Cuộc Cách mạng tháng Tám là chỉ để nói một cuộc cách mạng họ đang muốn tiến tới nhưng lịch sử lại chứng tỏ "đã thất bại". Hoặc là để chỉ một cuộc cách mạng chưa thành tựu mà cũng không ai nhìn thấy được diện mạo nó ra sao. Không ai muốn cãi rằng người cộng sản đã "thành công" ở trong chính biến mùa Thu 1945, và thành công lớn, vì họ đã cướp được toàn bộ chính quyền cho Đảng của họ. Điểm này không thể, dù là lịch sử, phủ nhận được. Nhưng chính do đó mà chính biến mùa Thu 1945 chỉ là một vụ cướp chính quyền.

Bàn về phần "không cách mạng" của chính biến mùa Thu 1945 là duyệt xét quan điểm không cộng sản về chính biến này. Quan điểm này xây dựng trên hai loại yếu tố: chủ quan và khách quan. Đúng về mặt chủ quan mà nói, phe không cộng sản không chấp nhận tính cách mạng của cái gọi là "cách mạng tháng Tám" vì lý do ý hệ. Sự kiện các tổ chức tranh đấu phân chia thành hai phái hệ "dân tộc" (quốc gia) và "quốc tế" (cộng sản) đưa tới hậu quả là bên này coi bên kia là "phản cách mạng" và bất hợp tác với nhau. Mặt khác, các chính khách, nhân sĩ, trí thức trước chính biến mùa Thu 1945 đã có thái độ rất thụ động, không tán thành chủ trương, hành động của cộng sản nhưng cũng không có ý chí tích cực chống lại cộng sản. Phản ứng hoàn toàn tiêu cực của chính phủ Trần Trọng Kim, việc vua Bảo Đại trao quyền một cách rất cẩu thả cho đảng cộng sản không lộ mặt là những nét đậm không thể xóa bỏ của chính biến mùa Thu 1945.

Vì ít được bàn tới nên các yếu tố

khách quan cần được kiểm điểm. Vào thời điểm mùa Thu 1945, toàn dân lúc đó chỉ có một ước ao là làm sao có thể đổi đời, chấm dứt cuộc sống cùng khổ, tủi nhục để mỗi người Việt Nam trở thành công dân một nước tự do dân chủ, đối ngoại không còn phải làm nô lệ cho ngoại bang, đối nội không bị bộ máy cầm quyền chuyên chế khinh miệt, áp bức. Nói chung người Việt Nam vào thời điểm mùa thu 45 chưa trưởng thành về ý thức cách mạng hiểu theo nghĩa một ý thức chính trị cao độ bao gồm mọi chủ trương rõ rệt về kế hoạch phá hoại cũng như về dự án kiến thiết xã hội.

Lại nữa, nếu hiểu cách mạng theo nghĩa cộng sản thì về mặt khách quan, xã hội Việt Nam vào thời điểm chính biến mùa Thu 1945 không ở vào tình trạng chín muồi đóng vai bà mẹ cho một cuộc cách mạng cộng sản tức là một "cuộc tranh đấu của giai cấp bị áp bức đứng lên lật đổ nền thống trị của giai cấp áp bức, phá vỡ quan hệ sản xuất cũ, xây dựng một chế độ tiến bộ". Ngoại trừ một thiểu số tuyệt đối đảng viên cộng sản, ít người có ý thức đấu tranh giai cấp như vậy, nhất là nông dân, vốn còn nặng đầu óc tư hữu ở quy mô nhỏ. Ngoài ra cũng chẳng ai có quan điểm "nhân dân" của Mao Trạch Đông mà cộng sản Việt Nam đã sao chép. Tư tưởng phổ biến trong dân chúng vào lúc đó là tư tưởng "quốc dân" hay "dân", như câu "dân vi quý" của Mạnh Tử mà vua Bảo Đại đã lập lại. Và cũng ngoại trừ những người cộng sản, trong bối cảnh năm 45, ai cũng đề xướng đoàn kết cá nhân, đoàn kết đảng phái, đoàn kết giai cấp để giành độc lập cho xứ sở. Nhưng Đảng Cộng sản đã mau lẹ cướp chính quyền để tạo điều kiện ngấm ngàm áp đặt một cuộc cách mạng theo ý hệ riêng của họ, một cuộc cách mạng mà nếu đem ra trưng cầu dân ý thì nhất định bị bác bỏ.

Tai họa cho dân tộc Việt Nam là cuộc cách mạng bị áp đặt ấy đã đưa dân tộc này vào con đường tụt hậu trong nghèo túng so với những nước bị trị cũ cùng một cảnh ngộ ở trong vùng. Đà suy thoái này trước mắt vẫn chưa thấy có triển vọng được kịp thời chặn đứng. Lẽ ra từ lâu đã phải dứt khoát đặt vấn đề thanh toán hết những tàn dư của cuộc

cách mạng bị áp đặt ấy. Nhưng một thiểu số người cộng sản có ưu thế, trong cơn say quyền lực, vì đặc quyền đặc lợi riêng, kết bè kết đảng ra sức cản trở việc thay đổi vận mệnh đất nước. Thiết tưởng không có lý do gì người Việt Nam cứ yên bề chịu đựng tình trạng bị người cộng sản huỷ hoại bằng ngôn từ xảo trá và bạo lực khủng bố. Đặt vấn đề làm lại "cách mạng tháng Tám" là điều mà tình thế đòi hỏi.

Đặt lại để bài bỏ độc quyền cách mạng mà tập đoàn cầm quyền cộng sản vẫn đang nắm giữ ngõ hầu trả lại chính quyền và nhân quyền cho người dân. Sự thật làm công việc này chẳng qua cũng chỉ là thực hiện những điều người cộng sản Việt Nam đã long trọng cam kết khi họ vừa cướp được chính quyền: đoàn kết rộng rãi toàn dân, không phân biệt chính kiến, tôn giáo, giai cấp, giàu nghèo, sang hèn, bảo đảm các quyền tự do dân chủ. Bề ngoài, lãnh tụ cộng sản, cụ Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 9 năm 1945 đọc bản Tuyên ngôn Độc lập mà ngay trong đoạn mở đầu đã nhìn nhận cho người dân có đầy đủ nhân quyền, giống như cách mạng Mỹ "*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*" và giống như cách mạng Pháp "*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*". Nhưng bề trong thì là cả một cuộc lường gạt có hệ thống và quy mô lớn để dùng chính quyền mới chiếm được làm công cụ cướp đoạt nhân quyền của người dân.

Hành động cướp đoạt nhân quyền này là một nhu cầu nằm trong bản chất của tư tưởng Mác-Lê, thánh kinh của những người cộng sản: cướp nhân quyền của người dân để thiết lập độc tài đảng trị, cướp hết tất cả những nhân quyền ấy để độc tài đảng trị đi tới mức độc tài toàn trị. Cướp làm nhiều giai đoạn và dưới nhiều hình thức khác nhau, tùy tình hình thế giới và tình hình trong nước. Cướp bằng luật pháp và khủng bố, qua một tiến trình bốn giai đoạn.

Năm 1946, đặt ra Hiến pháp dân chủ cộng hòa, nói đại đoàn kết toàn dân nhưng thực ra là phát động giai cấp đấu tranh, tổ chức đấu tố, giết hại hàng trăm ngàn dân lành. Năm 1959, sửa đổi hiến pháp, đối ngoại, chính thức biến miền Bắc Việt Nam thành một nước chư hầu của đế quốc đỏ Liên Xô và thực tế lệ thuộc bá quyền đỏ Trung Quốc. Đối nội, một mặt mở rộng hơn nữa việc cướp đoạt nhân quyền bắt đầu bằng việc triệt bỏ quyền tư hữu trong phạm vi miền Bắc. Mặt khác, võ trang xâm nhập miền Nam gây nội chiến trong ý đồ áp đặt chủ nghĩa cộng sản trong phạm vi cả nước. Đầu thập niên 70, vì thủ đô Hà Nội bị trực tiếp oanh kích, thành phố Hải Phòng bị phong tỏa, chính quyền cộng sản phải ký Hiệp định Paris 1973, cam kết công nhận quyền tự quyết của "nhân dân miền Nam". Nhưng hai năm sau, lại xua quân cưỡng chiếm miền Nam và công khai ra mặt chính thức tự nhận là cộng sản. Năm 1980, ban hành Hiến pháp mới, thiết lập "chuyên chính vô sản", tịch thu toàn bộ nhân quyền của người dân, dùng bầu cử sắp xếp trước, lập ra một Nhà nước bù nhìn, tập trung tất cả mọi quyền hành vào tay Đảng Cộng sản Việt Nam dưới danh nghĩa hiền lành "Đảng lãnh đạo". Cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90, cả hệ thống chính quyền cộng sản ở Đông Âu và Liên Xô cũ tan vỡ. Mất chỗ dựa, cộng sản Việt Nam phải cho ra đời bản Hiến pháp thứ tư, Hiến pháp 1992, trên giấy tờ không còn dám đề xướng "chuyên chính vô sản" nhưng trong thực tế, nấp sau bình phong "đổi mới", vẫn đi theo đường cũ là cưỡng đoạt nhân quyền.

Mọi người Việt Nam, cộng sản hay không cộng sản, phải cương quyết tự giải thoát mình ra khỏi vòng kim kẹp gian dối và gian ác cộng sản. Từ năm 1945 dân chúng Việt Nam đã khao khát cách mạng. Và nói cách mạng, như các bài học Đông, Tây, kim, cổ đã chỉ dạy, không phải thay đổi để thay đổi mà là giải phóng con người, cơ bản nhất là mở rộng và phát huy nhân quyền không riêng gì cho tập thể mà cho cả cá thể. Tập đoàn cầm quyền hiện nay kế thừa một di sản của những người cầm quyền từ mùa thu năm 1945 là những người đã sang đoạt (détourner) công lao của dân

chúng góp phần xây dựng giải phóng người dân. Trước lịch sử, cuộc bố trí sang đoạt này không thể có tên gọi nào khác là một cuộc phản cách mạng.

Cho nên trở về khởi điểm 1945 là sự thể hiện chính đáng của công lý, sự cưỡng bức của luật pháp quốc tế. Đảng cộng sản Việt Nam, sau hơn nửa thế kỷ sang đoạt chính quyền, cưỡng đoạt nhân quyền, sau năm 1982 đã tham gia các Công ước quốc tế về nhân quyền, nay phải trả lại cho toàn dân "quyền được sống, quyền tự do và quyền được mưu cầu hạnh phúc", như họ đã long trọng tuyên cáo trước quốc dân từ năm 1945 và đã ký cam kết với cộng đồng quốc tế từ gần hai thập niên. Để cuộc Cách mạng tháng Tám được làm lại, lần này, trên cơ sở đại đoàn kết đa nguyên, đa đảng và thực thi dân chủ tự do đúng với tiêu chuẩn của nhân loại văn minh, ở đây và ngay bây giờ, không cần có hiện tại đối lấy một ngày mai ca hát không tưởng và không bao giờ tới./.

Trần Thanh Hiệp

(*) Trong tập hồi ký viết bằng tiếng Pháp, vua Bảo Đại cho biết là Trần Huy Liệu sau khi đọc Chiếu thoái vị và tham khảo ý kiến của Cù Huy Cận, đã trả lời như sau: "Sire, au nom du peuple vietnamien nous acceptons ce document sans aucune réserve". Không hiểu vì lý do gì mà người dịch của Nguyễn Phước Tộc lại dịch ra tiếng Việt thành: "Thưa Hoàng thượng, nhân danh dân tộc Việt Nam, chúng tôi nhận bản văn này rất nhẹ nhàng, không câu nệ". Chẳng những đã dịch sai nguyên văn mà còn sai cả ý nghĩa pháp lý của câu nói. Nguyên văn câu nói của Trần Huy Liệu đã được ghi lại trong quyển *Le Dragon d'Annam* thì Trần Huy Liệu đã tuyên bố chấp nhận không có một dè dặt nào tức là toàn bộ các điều kiện thoái vị của vua Bảo Đại, chứ không phải chỉ muốn nhận định rằng đó là một bản văn "rất nhẹ nhàng, không câu nệ". Người dịch có ẩn ý gì mà cố tình dịch sai, dịch bớt như vậy?

Truyện ngắn

BIỂN

Người đàn bà theo cô y tá vào phòng. Trên giường, một người đàn ông nằm nhìn thẳng lên trần nhà, mắt mở to thao láo. Ánh đèn lạnh nhạt rọi xuống khuôn mặt bạc nhược vô hồn. Cô y tá lay nhẹ vai anh, nói bằng tiếng Pháp:
- Ông Nguyễn, ông Nguyễn, đoán xem ai đây? ... Nhìn kỹ đi, vợ ông tới thăm ông nè.

Người đàn bà đưa tay ra muốn nói gì đó thì vừa lúc người đàn ông hướng ánh mắt về phía chị. Anh kêu lên thều thào nhưng hờn hờ:
- Em! Trời ơi!

Anh loạng quạng chìa bàn tay khẳng khiu ra, chị như ngần ngại một giây rồi nắm lấy, cầm nhẹ nhàng trong hai tay mình. Anh mỉm nụ cười héo hon:
- Lạnh không? Bám chặt vào!

Chị khẽ khàng đặt tay lên ngực anh. Rồi bỗng bạo dạn hơn, chị choàng qua, siết vòng tay lại. Nụ cười ngây ngô trên môi anh kéo dài như vô cùng:
- Con đâu, em?
- Con đang ngủ. Anh cũng ráng ngủ một chút đi cho khoẻ.

Giọng anh bỗng kêu thất thanh:
- Sát lại. Bám chặt anh. Khéo tuột.

Chị áp sát vào tấm thân gầy gò run rẩy, bần bịu. Anh gật gật đầu. Tóc thưa thưa cứ như muốn dựng ngược lên từng sợi. Chị dịu dàng vuốt nh"ng sợi tóc mùa thu của anh, âu yếm như một người mẹ. Mắt chị buồn thiu, xa vắng.

- Em nè, vợ chồng, có, những lúc, cơm không, lành, canh không, ngọt, anh có, lơ, giận la em, cái gì, em bỏ, qua, cho anh, nghe, đừng, giận, bỏ anh, tội, nghiệp, cái chính, là, biết, anh thương, em vô, cùng, nghe em, đời anh, chỉ, có em, và, con ...

Chị khóc:
- Anh đừng nghĩ quẩn quanh nữa. Em không giận anh đâu. Em cũng... thương anh lắm!

Chị kéo chăn cho anh ngay ngắn. Hai bàn tay hiền dịu vẫn ve vuốt anh. Ngoài đêm, trời hối hả rải tuyết...

Sáng sớm hai người y tá vào phòng. Ông y tá đen to lớn dềnh dàng phủ lên người anh tấm ra trắng muốt. Cô y tá đỏ chỉ đứng lên và lặng lẽ mở ngăn kéo lôi ra các thứ giấy tờ bọc trong bao ny lông:
- Ông nhà đi như vậy đỡ khổ cho ông hơn, nhất là có bà bên cạnh. Bao nhiêu lần rồi bệnh viện cố tìm bà mà không ra.

Chị hỏi, hơi tàn ngắn:

- Lần cuối ông ấy vào đây là lúc nào?
- Thứ sáu tuần rồi. Bà coi, trời như vậy mà lại trần trường đứng mùa ở vườn Luxembourg!

- Lần này sao bệnh viện lại tìm ra tôi?
Cô y tá cười:

- Cái khó là cạy răng để ông cho biết địa chỉ của bà. Khi ông ta nói "biển" thì giản dị thôi, cứ bấm minitel ra lục lại các vùng có biển là tìm ra bà ngay!

Chị cũng cười:

- Phải, giản dị thật!

Hai người y tá đẩy băng ca đi. Ngang qua cửa sổ, tấm ra pha lẫn vào vùng tuyết ngoài kia. Căn phòng trống trơn. Chị ra hành lang, lặng lẽ mở bao ny lông ra và đọc. Những tia nắng đầu ngày đông ảm đạm rọi lên các thứ giấy tờ và một số thư từ cũ nhàu. Chị vừa đọc vừa khóc. Xong chị xếp lại vào bao, thở dài. Chị quàng lại khăn, kéo cao cổ áo măng-tô lên. Trời rất lạnh.

Bước vào ca-bin, chị để cạt vào máy điện thoại và bấm số.

- Anh hả? Em đây... Trẻ nhỏ dậy hết chưa?... Xà va anh à. Một người đồng bào... (chị thở dài) Không, dĩ nhiên là không bà con gì với mình cả. Khi em tới thì tới rồi và coi bộ ông ta lẫn lộn hết cả, tưởng em là vợ... Ở thì anh coi, cứ Nguyễn Thị Ngọc gì gì có vãn "ương" theo sau mà chả là em. Mình đã nhận bao nhiêu thứ rồi... Có, cô y tá đưa hết giấy má thư từ của ông ấy cho em... Em đọc rồi, vợ con đều chết biển khi vượt biên, chỉ còn ông ta sống sót với mấy người thôi... (chị khóc)... Xong rồi anh ạ... Vâng, lúc năm giờ sáng, trong tay em...

MIÈNG
Paris, 23-9-1994

Đọc truyện MIÊNG (*)

Cuối tháng bảy vừa qua, trước khi ra phi trường Los Angeles để trở về Pháp, tôi được người bạn đến đưa cho một cuốn sách còn rung mùi mực mới in xong. Vừa nhìn qua bìa truyện, mấy đường cong màu cam ửng sáng trên nền xám đậm nhạt hài hòa, lũng lơ một vành tròn như con trăng, tôi đã nghĩ, sao giản dị thế, thứ giản dị dường như chỉ có thể toát ra từ một sự điềm đạm không kém phần tự tin lẫn chút gì cao ngạo. Và khi mở trang lại khuôn mặt, nhớ lại tiếng cười và những chuyện trò đối đáp tự nhiên dạn dĩ của người viết trong những lần họp mặt bạn bè, tôi chợt nhận ra: đúng, ngay cả cái bìa cũng phản ánh phần nào tác giả. Nếu không biết trước, người đọc sẽ tự hỏi chữ MIÊNG đọc nhất trên bìa sách là tựa hay sao? và Miêng có nghĩa gì?

Tôi đã có dịp đọc văn Miêng trong nhiều tạp chí văn học hải ngoại, nhưng không ngờ được điều đã đến với mình trong chuyến bay băng đại dương, khi tôi đem tập truyện Miêng ra đọc trong lúc chờ giấc ngủ. Ngay từ truyện đầu tôi bị lôi ngay đi cùng những nhân vật và thân phận, với bao suy tư dấn vật chen lẫn những nụ cười hóm hỉnh, ở trong Miêng. Chiếc boeing quả thật đang bay từ Hoa Kỳ sang Pháp, nhưng tôi đã rơi hẫng xuống mảnh đất quê nhà cùng cuốn sách màu xám ấy trên tay. Nỗi xúc động của "quê nhà" đến từ văn chương Miêng, đối với tôi, không vũ bão, mà nó luồn, ngấm, da diết như những cơn mưa dầm. Nhưng trong những cơn mưa ấy, rất nhiều lần bất chợt ửng lên ánh nắng rưng rưng, tựa như niềm tin trong vạt của một bà mẹ quê mùa có con đi lính, khi được món tiền tử của con, bà chẳng hiểu gì, cứ tưởng đó là tiền con được thưởng nên khoe với bố con người hàng xóm. Thật ra một câu chuyện, một cảnh đời như thế chẳng xa lạ gì với người Việt, nhưng trong văn Miêng nó quá ngậm ngùi: "Bố con bé hàng xóm gặt đầu mỗi câu bà cụ hoan hỉ khen con. Mắt anh nhìn bà dịu dàng bao bọc như cái nhìn người mẹ. Khi đọc xong giấy tờ, anh xếp để vào quyển vở trên bàn thờ, cẩn thận ngăn nắp như sắp một linh hồn". Từ nỗi ngậm ngùi "sắp xếp linh hồn" đó, đọc tiếp sang truyện khác, bỗng thấy rùng mình ớn lạnh sau lưng khi nghe đây tiếng tru lạnh lạnh của con chó mực, hơi thở ngắt đi với thằng Cu Bọm đang đứng sững trong

con nắng trưa. Tiếng tru quái đản của con Mực giữa ban ngày, lưỡi dao chảy ròng máu đỏ trên tay con khỉ Chi Chi đang nhon nhon thích thú, cùng đôi mắt ngây thơ chết câm, khô cứng của đứa bé bặm chuối cho heo ăn trong truyện ngắn "Cu Bọm", chỉ dài vài trang giấy nhưng đã bày ra cho người đọc nhìn thấy và cùng chịu đựng một thảm kịch. Trong thảm kịch đó, lòng ganh ghét và thù hận không chỉ là một tình cảm cơ bản tàn hại con người mà còn đưa đến sự nổi loạn của súc vật nữa.

Tuy thế, trong 21 truyện ngắn của Miêng, viết từ 1992 đến 1999, không chỉ có nỗi buồn và thảm cảnh. Đọc xong một truyện ngắn này với suy tư trần trụi, thì khi mở sang một truyện khác, độc giả có thể rời ngay không khí trùng thấp của vùng thung lũng ngột ngạt vừa mới đó để bước vào một mảnh vườn xanh mát mà nở nụ cười cùng với câu chuyện lẫn văn phong ranh mãnh, trêu ngươi nhưng ý nhị của tác giả. Những nụ cười này thường ẩn hiện trong giọng văn hoặc những lời đối thoại khi ồm ở lúc hồn nhiên. Và như Nguyễn Nam Trân đã viết trong lời tựa, thỉnh thoảng người đọc sẽ thấy tên tò vì chợt nhận ra đã bị tác giả đưa vào trong, với những kết luận đột ngột, khác với điều mình dự tưởng. Với lời văn lúc mượt mà khi bình dị, Miêng đã viết về những cảnh đời, những nỗi niềm vui lẫn buồn của người Việt trong quê hương và ở nước ngoài. Và dù mộc mạc, gọn ghè nhưng không kém phần miêu tả. Chỉ một vài câu văn ngắn: "Trời hắt nước ào ạt xuống trạm xe đò Pleiku. Bầu trời như sụp thấp xuống gần mặt đất. Từng cơn gió dạt dào rên rĩ trên mái tôn mấy sạp hàng bày lều tều vài món bánh trái rẻ tiền. Bà già ngơ ngác ôm chặt giỏ quà bánh che cho khỏi ướt. Đất đỏ cao nguyên nhầy nhụa bám vào đôi chân thương nhớ tìm con", đã vẽ ra rõ ràng một hình ảnh, một cảnh tượng đầy đủ như một cliché cinéma có thể thu hình vào trong ống kính.

Từ nhiều rung cảm khác biệt như thế, đọc Miêng, tôi tưởng mình đang ở trong một khu vườn giữa mùa thay lá.

Mai Ninh

(tháng 11 năm 99)

(*) Giá bán sách kể cả cước phí là 90 FF. Quý độc giả muốn đặt mua xin liên lạc với bà Nguyễn, điện thoại: 01 48 27 13 45, sau 20 giờ.

Viện trợ nhân đạo và công tác cứu trợ tại Việt Nam

Nguyễn Văn Huy

Từ sau 1975, người Việt Nam không còn xa lạ gì với sự giúp đỡ nhân đạo của các tổ chức dân sự quốc tế. Đây là những tổ chức được thành lập từ các quốc gia phương Tây, một số có tính cách liên quốc, một số trực thuộc Liên Hiệp Quốc, số còn là những đoàn thể tư nhân (đơn quốc hay liên quốc) và những cá nhân. Lĩnh vực công tác của các tổ chức này rất đa dạng, từ y tế, văn hóa, giáo dục, truyền thông đến cứu trợ nhân đạo, bảo vệ nhân quyền, xây dựng hạ tầng cơ sở, bảo vệ môi sinh, lập quỹ tương trợ, phát triển kinh tế, v.v... Địa bàn hoạt động cũng rất rộng lớn, từ các đô thị đông đúc, những khu dân cư nghèo khổ đến các vùng thôn quê hẻo lánh, duyên hải nghèo nàn và núi non hiểm trở. Tất cả đều có mục đích giúp đỡ hay cứu trợ chính quyền và dân chúng Việt Nam vượt qua nỗi khổ.

Trước khi đi sâu vào công tác cứu trợ trong nước, tưởng cũng nên tìm hiểu sơ qua tầm vóc và hoạt động của các tổ chức nhân đạo quốc tế.

Các tổ chức nhân đạo quốc tế có mặt tại Việt Nam

Có ba loại tổ chức nhân đạo quốc tế: các tổ chức liên quốc độc lập hay trực thuộc Liên Hiệp Quốc, các tổ chức thiện nguyện quốc tế, thường gọi là các tổ chức phi chính phủ, và các cá nhân. Tầm vóc hoạt động và mức độ quan hệ của các tổ chức này đối với chính quyền Việt Nam không giống nhau.

Trước hết là các tổ chức liên quốc và các cơ quan trực thuộc Liên Hiệp Quốc, đây là những pháp nhân quốc tế được chính quyền Việt Nam mời đến giúp đỡ Việt Nam xây dựng các chương trình nhân đạo. Tất cả đều có văn phòng chính thức đặt tại Hà Nội và Sài Gòn nhưng không có quan hệ sâu sát với quần chúng, các khoảng viện trợ nhân đạo đều do chính quyền cộng sản Việt Nam chi tiêu và phân phối.

- Các tổ chức liên quốc đứng ra đỡ đầu trực tiếp hay gián tiếp các công trình xây dựng nhân đạo tại Việt Nam

gồm có Ngân Hàng Thế Giới (WB), Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), Ngân Hàng Phát Triển Châu Á (ADB). Các tổ chức này bản chất không phải là những cơ quan nhân đạo nhưng gián tiếp thực hiện những công tác nhân đạo như cho vay nhẹ lãi các dự án xây dựng có tính nhân đạo trong nước như trường học, bệnh viện, đường xá, hệ thống điện nước, v.v...

- Các cơ quan trực thuộc Liên Hiệp Quốc tham gia trực tiếp các chương trình nhân đạo tại Việt Nam gồm có Tổ Chức Lương Nông (FAO), Tổ Chức Giáo Dục Khoa Học và Văn Hóa (UNESCO), Quỹ Cứu Trợ Trẻ Em Quốc Tế (UNICEF), Tổ Chức Y Tế Thế Giới (WHO), Cao Ủy Tị Nạn (HCR), Ủy Ban Giáo Dục và Phát Triển (UNCED), v.v...

- Ngoài ra còn có nhiều tổ chức thuộc Liên Hiệp Quốc tham gia đột xuất hay gián tiếp các chương trình nhân đạo như Chương Trình Lương Thực Thế Giới (WAP), Chương Trình Phát Triển (UNDP), Chương Trình Môi Sinh (UNEP), Chương Trình Phát Triển Sông Mekong, v.v...

- Cũng phải kể đến các chương trình nhân đạo do chính phủ các quốc gia phát triển trực tiếp tài trợ, với những số tiền rất lớn, như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Đức, Thụy Điển, Đan Mạch, Anh, Hòa Lan, Bỉ, Luxembourg, Ý, Tây Ban Nha, Đài Loan, Đại Hàn, Singapore, v.v... Những chương trình này có mục đích đánh dấu sự có mặt tại Việt Nam, phần lớn do chính các quốc gia phát triển đề nghị. Ngoài ra còn có các chương trình kết nghĩa bảo trợ giữa các chính quyền địa phương tại các quốc gia phát triển với các chính quyền địa phương sở tại, sự giúp đỡ này tuy không nhiều nhưng đều đặn nhằm thắt chặt tình thân hữu giữa dân chúng tại hai nơi.

Tổng số tiền viện trợ từ các định chế quốc tế này rất lớn, khoảng một vài tỷ USD mỗi năm. Phần lớn các khoảng viện trợ nhân đạo quốc tế này không

giao bằng tiền mà bằng hàng hóa, tặng phẩm, vật liệu hay dịch vụ. Mỗi công trình nhân đạo thường được khoán hoặc cho một hay nhiều tổ chức tư nhân quốc tế, hoặc cho một hay nhiều cơ quan trong nước thực hiện, sau đó các tổ chức và cơ quan này khoán lại cho các tổ chức chính quyền địa phương hay tư nhân trong nước thực hiện. Tham nhũng, nếu có, thường xảy ra ở giai đoạn này bằng cách khuếch đại trị giá các dự án nhân đạo được các cấp thẩm quyền quốc tế và Việt Nam chấp thuận, sau khi thực hiện xong số tiền dôi ra sẽ được phân chia lẫn nhau. Giới quan sát quốc tế ước lượng khoảng 10 tỷ USD tiền viện trợ "dôi ra" đã chui vào túi các viên chức chính quyền và đảng cộng sản Việt Nam từ 1975 đến nay.

Thứ hai là các tổ chức phi chính phủ, còn gọi là ONG hay NGO (Organisations non-gouvernementales hay Non-government organisations). Được nhìn nhận phi chính phủ là những tổ chức có đầy đủ tư cách pháp nhân tại quốc gia thành lập (có đăng ký và được cấp giấy phép hoạt động) để sinh hoạt hợp pháp và đón nhận mọi ủng hộ (tài chánh, nhân sự, vật chất). Đặc điểm của các tổ chức này là có tính cách tư nhân và vô vị lợi, độc lập với các chính quyền. Thành viên sáng lập có thể là các công ty, hội đoàn tôn giáo và các cá nhân. Các tổ chức này có hai tầm vóc: liên quốc (transnational) và quốc gia (national); thành viên sáng lập có thể thuộc nhiều quốc gia hay chỉ trong một quốc gia. Quỹ điều hành phần lớn là do các thành viên đóng góp và sự quyên góp qua các chương trình gây quỹ cho những mục tiêu nhân đạo ngay tại quốc gia thành lập và trên toàn thế giới; tại một vài quốc gia phát triển, tổ chức phi chính phủ nào được nhìn nhận có công ích nhân đạo có thể được chính phủ tài trợ. Phương tiện hoạt động của các tổ chức phi chính phủ cũng rất đa dạng: bằng tiền, bằng người, bằng vật liệu và bằng dịch vụ cố vấn. Địa bàn hoạt động do chính ban điều hành của mỗi tổ chức

chọn lựa và tự họ tìm cách liên lạc với quốc gia gặp khó khăn để giúp đỡ. Quan hệ hợp tác của các tổ chức này cũng rất rộng: với các tổ chức liên quốc, Liên Hiệp Quốc, các chính phủ, các tổ chức phi chính phủ khác, các cơ quan truyền thông và những cá nhân. Các chương trình nhân đạo do các tổ chức phi chính phủ thực hiện rất hiệu quả vì đến trực tiếp người nhận chứ không qua trung gian các cấp chính quyền sở tại. Trị giá của mỗi dự án nhân đạo do các tổ chức này đỡ đầu từ vài ngàn USD đến vài triệu USD, tuy ít hơn trị giá các dự án do các cơ quan liên quốc và Liên Hiệp Quốc đỡ đầu, nhưng cộng chung lại cũng trên dưới một tỷ USD mỗi năm.

Cuối cùng là các cá nhân. Cá nhân có thể là người nước ngoài, Việt kiều hay người trong nước đứng ra bảo trợ hay tài trợ những dự án cứu trợ và giúp đỡ các gia đình hay những thành phần nghèo khó trong nước. Sự giúp đỡ này không chính thức, đều đặn hay đột xuất, và chỉ giới hạn trong một địa bàn nhất định (gia đình, bà con, thân hữu), do đó khó có thể thống kê. Tuy vậy người ta cũng có thể ước đoán số tiền viện trợ do các cá nhân này gởi về nước khoảng một tỷ USD mỗi năm.

Nếu cộng chung tất cả các khoản viện trợ nhân đạo đến từ nước ngoài, mỗi năm Việt Nam nhận trên 4 tỷ USD, hơn ngân sách quốc gia rất nhiều, một con số quá lớn để duy trì chế độ cộng sản tại Việt Nam trong một thời gian dài. Nhờ có một nguồn viện trợ miễn phí lớn như vậy, chính quyền cộng sản Việt Nam xác xược đặt ra nhiều thủ tục ngăn cản những tổ chức nhân đạo nào xét không có lợi cho vai trò lãnh đạo của họ.

Công tác cứu trợ nhân đạo tại Việt Nam

Tại Việt Nam hiện có vài trăm tổ chức phi chính phủ lớn nhỏ đang hoạt động nhân đạo trong nước. Sự hiện diện đông đảo của các tổ chức này ngay trong nước vừa là một khích lệ vừa là một đe dọa cho chính quyền cộng sản Việt Nam. Khích lệ là vì chính quyền cộng sản được dư luận quốc tế nhìn nhận như người đại diện chính thức của dân tộc Việt Nam. Đe dọa là vì tôn chỉ và cách thức sinh hoạt của các tổ chức này có thể gây những ảnh hưởng bất lợi

cho chế độ độc tài đảng trị, nhất là trong các lãnh vực nhân quyền và cách sử dụng tiền viện trợ. Do đó, muốn hoạt động tại Việt Nam, các tổ chức phi chính phủ, bất kể tầm vóc, tôn chỉ và mục tiêu hoạt động, phải đăng ký với cơ quan PACCOM (People's Aid Coordinating Committee - Ban Điều Phối Viện Trợ Nhân Dân) thuộc Liên Hiệp Các Tổ Chức Hữu Nghị Việt Nam, để được cấp giấy phép hoạt động. Mỗi giấy phép có hiệu lực ba năm và phải làm đơn xin gia hạn nếu muốn tiếp tục giúp đỡ Việt Nam.

PACCOM là một cơ quan trực thuộc đảng cộng sản Việt Nam, có quyền hành ngang một bộ trong chính phủ, được thành lập sau khi luật về điều phối viện trợ và hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc tế được ban hành ngày 24-5-1996. Trước đó, khi bộ luật về đầu tư nước ngoài được ban hành năm 1986, mọi hợp tác viện trợ thương mại và nhân đạo đều đặt dưới quyền quản trị của SCCI (Strategies Committee and Cooperation of Investment - Ban Kế Hoạch và Hợp Tác Đầu Tư). Với thời gian, ý thức được tầm quan trọng của các chương trình viện trợ nhân đạo quốc tế, năm 1996 Ủy Ban Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam thành lập cơ quan PACCOM và đặt dưới quyền quản trị trực tiếp. Mục đích của PACCOM là huy động những khoản viện trợ nhân đạo to lớn này nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng trong các chương trình y tế, văn hóa, xã hội mà họ đã bỏ rơi. Hoạt động chính của PACCOM là phân phối các khoản viện trợ nhân đạo nhận được theo những ưu tiên mà họ đã chọn và theo dõi các tổ chức thiện nguyện quốc tế. Cơ quan này là một rào đe đối với những tổ chức nhân đạo nào muốn lợi dụng các chương trình cứu trợ tại Việt Nam để chỉ trích chế độ hay quảng bá các tư tưởng tự do và dân chủ.

Từ 1996 đến nay có trên 50 tổ chức phi chính phủ được cấp giấy phép hoạt động, đa số là của các hội đoàn tôn giáo (Công Giáo và Tin Lành), các tổ chức y tế, giáo dục và kỹ thuật thân cộng trước kia, số còn lại phải hoạt động dưới danh nghĩa các hội đoàn nhân đạo (Hội Chủ Thập Đò, các hội đoàn tôn giáo, y tế, giáo dục và xã hội), các cấp chính quyền địa phương hay của một vài cá nhân

trong nước. Trên nguyên tắc, mọi giúp đỡ nhân đạo phải thông qua các cấp chính quyền mới được phân phối đến các đối tượng có nhu cầu, nhưng trong thực tế chỉ những đối tượng được chính quyền chỉ định mới nhận được viện trợ, số còn lại là những thành phần nghèo khó thôn quê, nạn nhân chiến cuộc và các sắc tộc ít người chỉ được giúp đỡ nhỏ giọt và lén lút. Tổ chức nào tự tìm đến giúp những thành phần không thuộc diện ưu tiên do chính quyền chỉ định đều bị ngăn cấm, đôi khi còn bị bỏ tù và phạt vạ. Sự khó khăn lằng lằng này đã làm nản chí rất nhiều tổ chức nhân đạo, phần lớn đã rời Việt Nam sang giúp các quốc gia nghèo khó khác khiêm nhường hơn.

Trong tháng 10 vừa qua, cơ quan PACCOM chỉ mới tái gia hạn giấy phép hoạt động cho 19 tổ chức phi chính phủ, đông nhất là của Hoa Kỳ và Pháp, và 2 tổ chức mới của Hòa Lan, số còn lại đang còn thương lượng. Như vậy, những tổ chức nào không được thương lượng để gia hạn thời gian lưu trú hoạt động nhân đạo tại Việt Nam phải cuốn gói ra đi (trong thực tế cũng không còn bao nhiêu). Nhưng đảng cộng sản gặp một lần cản lớn là nạn lụt lớn chưa từng thấy vừa xảy ra tại miền Trung, sự thiệt hại quá lớn để chế độ có thể đảm nhiệm một mình và các tổ chức phi chính phủ còn lại quá ít để có thể vừa tiếp tục tài trợ các chương trình nhân đạo trong nước vừa cứu trợ nạn nhân bão lụt. Để cứu vãn tình thế, nhiều phái đoàn PACCOM đã được gởi sang các quốc gia phát triển, nơi các tổ chức phi chính phủ đặt trụ sở, vận động cứu trợ nhân đạo nạn nhân bão lụt và hứa hẹn dễ dãi trong việc gia hạn giấy phép hoạt động. Những tổ chức có kinh nghiệm chua cay với chế độ cộng sản Việt Nam chỉ hứa cứu trợ nạn nhân bão lụt mà thôi, không ai muốn tiếp tục công tác dài hạn tại Việt Nam.

Làm công tác nhân đạo tại Việt Nam rất là nhiều khê, nhân-sự của các tổ chức thiện nguyện không những không được giúp đỡ mà còn bị làm phiền đủ thứ (nghĩ kỵ, phạt vạ, chờ đợi mất thì giờ). Chỉ những tổ chức tôn giáo mới đủ kiên nhẫn và chịu đựng để giúp những người cùng khổ. Dưới mắt các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức thiện nguyện quốc tế là những con bò sữa cần phải vắt cạn bầu. Khi thấy một tổ chức

nhân đạo nào đến địa phương mình xây dựng cơ sở nhân đạo giúp người nghèo khó, các cấp chính quyền địa phương liền cho đó là một cơ hội để kiếm tiền, "giúp đỡ nhân đạo" hay "đầu tư kinh doanh" đối với họ tất cả đều như nhau. Đã là người ngoại quốc thì phải có tiền mà có tiền thì phải biết "chi" cho đẹp, do đó các cấp chính quyền địa phương đặt ra đủ mọi thủ tục "đầu tiên" (ký nộp số tiền "đầu tư", tổ chức chiêu đãi, quà cáp, chi phí hành chánh...) để moi tiền. Cuối cùng không ai được hưởng gì hết, người nghèo cứ nghèo thêm, một số tổ chức phi chính phủ đã rời Việt Nam không hẹn ngày trở lại.

Đó là những gian truân của các tổ chức phi chính phủ quốc tế, còn những tổ chức thiện nguyện của cộng đồng người Việt như thế nào? Rất là tệ bạc, các tổ chức thiện nguyện của cộng đồng người Việt hải ngoại bị nghi kỵ và bị đối xử như những kẻ thù. Chế độ cộng sản không tin trên đời này con người có thể thương yêu đùm bọc lẫn nhau, có thể hoạt động nhân đạo vô vị lợi; đối với họ tất cả các tổ chức của cộng đồng người Việt hải ngoại đều có mục đích chính trị, do đó phải cấm đoán. Phải nhìn nhận là tại Việt Nam người Việt giúp người Việt rất là khó khăn. Không một tổ chức thiện nguyện nào của người Việt hải ngoại nào được cấp giấy phép hoạt động nhân đạo công khai trong nước, tất cả đều phải núp bóng một đoàn thể nhân đạo hay tôn giáo nào đó trong nước mới có thể giúp đỡ đồng bào bất hạnh của mình.

Chính quyền cộng sản có nhiều lý do để ngăn cản người Việt giúp người Việt. Người ngoại quốc nếu có đến Việt Nam giúp người nghèo khó, sau một thời gian rồi cũng ra đi, và đi xa. Ngược lại người Việt giúp người Việt, tiếng thơm còn mãi trong lòng người nhận, họ sợ một ngày nào đó thành phần nghèo khó nhận thấy sự bội bạc của chế độ, lúc đó sẽ nổi lên chống lại chế độ. Ngăn cản sự giao lưu giữa trong và ngoài nước chính vì vậy là một bắt buộc chiến lược. Nhưng trước những khó khăn xã hội không thể một mình giải quyết, chính quyền cộng sản dành ưu tiên cho người ngoại quốc, sau mới đến người Việt. Người Việt cũng có nhiều loại, thành phần ủng hộ chế độ thì được ưu tiên,

thành phần tình nghi chống đối chế độ phải bị ngăn cấm. Những tổ chức thiện nguyện thân chế độ cũng rất nhiều kẻ, phải kê khai rõ lý lịch của từng thành viên trong tổ chức mới được tự do đi lại; những tổ chức này phần lớn vừa làm công tác cứu trợ nhân đạo vừa kinh doanh riêng để hoàn lại vốn và tiền vé máy bay.

Các tổ chức tôn giáo làm công tác nhân đạo trong nước cũng vậy, phải biết nhường nhịn các quan chức chính quyền thì mới được yên thân, nghĩa là phải biết trích một phần ngân sách tài trợ cho các nhu cầu của các địa phương, nói chung là phải làm theo sự hướng dẫn hay phải hợp tác với chính quyền. Tại nhiều nơi, đặc biệt là trên vùng rừng núi cao nguyên miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long, các đoàn cứu trợ tôn giáo phải lén lút vận chuyển hàng hóa cứu trợ đến các gia đình đang bị đói khát và tật bệnh vào giữa khuya hay sáng sớm để tránh bị công an xét hỏi. Nếu bị phát hiện, hàng hóa không những bị tịch thu, đồng bào bất hạnh bị thiếu đói mà nhiều tu sĩ giàu lòng nhân ái còn bị câu lưu, một số bị giải tòa và bị kết án tù.

Cứu trợ nhân đạo do những cá nhân từ hải ngoại thực hiện trong nước không những không được khuyến khích mà còn bị cấm chỉ, chẳng hạn như chương trình cứu trợ thương phế binh miền Nam cũ, những đồng bào sắc tộc Thượng và những người bị phong cùi bị cô lập trên các vùng cao nguyên. Một thí dụ, khi quyền sách viết về thương phế binh vừa được xuất bản tại hải ngoại (*Những Mảnh Đời Rách Nát của Nguyễn Văn Huy và Phan Minh Hiền*), bộ nội vụ cộng sản liền tung ra chiến dịch khủng bố những anh em thương phế binh thuộc chế độ miền Nam cũ tại các trụ sở công an địa phương như buộc họ không được liên lạc hay nhận tiền của người nước ngoài gửi về giúp đỡ, ai tái phạm sẽ bị tước quyền tự do. Chính quyền cộng sản rất sợ những phế binh này nổi loạn (vì họ không còn gì để mất), phá rối trật tự an ninh, "lật đổ chính quyền". Những hành động này một lần nữa tố cáo dã tâm đàn áp những người tật nguyền, bịt miệng những người thấp cổ bé miệng để che mắt dư luận quốc tế.

Thấy gì qua các viện trợ nhân đạo ?

Các tổ chức đối lập dân chủ sẽ sai lầm nếu chỉ vận động các chính quyền dân chủ phương Tây làm áp lực buộc chính quyền cộng sản Việt Nam phải đối xử tử tế hơn với dân tộc họ. Trong thực tế hạnh phúc của dân tộc Việt Nam chưa bao giờ là một bận tâm đối với chính quyền cộng sản. Dân tộc Việt Nam càng đói khổ bao nhiêu chế độ càng ung dung bấy nhiêu, lý luận của chính quyền cộng sản rất giản dị nếu mọi người đồn hết thì giờ và tâm huyết vào việc kiếm ăn thì không còn ai nghĩ đến chuyện thay đổi chế độ. Chính vì vậy, trong suốt 25 năm qua, sau nhiều đập phá và biến thủ tài sản quốc gia chế độ cộng sản vẫn còn đó. Mặc cho cấm vận, mặc cho bị tẩy chay, chính quyền cộng sản biết vận động từ tâm của nhân loại một cách khôn khéo để củng cố vai trò lãnh đạo. Trên một bình diện nào đó, đảng cộng sản Việt Nam trở thành chuyên viên xin tiền quốc tế, không một quốc gia nào, không một tổ chức giàu lòng nhân đạo nào mà họ đã không một lần gõ cửa. Nắm vững tầm quan trọng của các viện trợ nhân đạo tại Việt Nam là điểm đúng từ huyết của chế độ. Mọi cố gắng thay đổi Việt Nam, nếu có thể, nên dồn vào lãnh vực này.

Thử làm một con tính nhẩm, tổng số tiền viện trợ nhân đạo cho Việt Nam từ 1975 đến nay to lớn khó có thể tưởng tượng. Viện trợ nhân đạo của các tổ chức liên quốc (WB, IMF, ADB) và các cơ quan trực thuộc Liên Hiệp Quốc, mỗi dự án trị giá tối thiểu từ vài triệu đến một vài trăm triệu USD. Tài trợ nhân đạo của các chính phủ, của các tổ chức phi chính phủ (NGO), của các chương trình kết nghĩa, trị giá tối thiểu của mỗi dự án cũng phải từ vài ngàn đến vài chục ngàn USD, có khi một vài chục triệu. Mỗi giúp đỡ cá nhân của cộng đồng người Việt về cho gia đình, thân nhân, bè bạn, từ một vài trăm đến vài chục ngàn USD. Cộng chung tất cả những khoảng viện trợ chính thức và không chính thức này lại trong suốt 25 năm qua, con số chắc chắn sẽ cao hơn những ước đoán lạc quan nhất. Tổng số tiền đầu tư ngoại quốc đổ vào Việt Nam từ 1986 đến nay sẽ không thấm vào đâu nếu so với tổng số tiền viện trợ nhân đạo đã đổ vào Việt Nam nhằm cứu vãn chế độ.

Nguyễn Văn Huy

UNICEF và Việt Nam

Le Văn Cẩm Phượng

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm Công Ước Quốc Tế về Quyền Trẻ Em (Convention des Droits de l'Enfant) được ký kết, tôi xin được nói đến tổ chức UNICEF, một hội mà nhiều năm qua tôi đã phục vụ theo tinh thần thiện nguyện với ước mong góp phần vào việc cứu trợ trẻ em trên thế giới nói chung và nhất là trẻ em Việt Nam nói riêng.

Công Ước về Quyền Trẻ Em do Ủy nhi đồng của UNICEF, một cơ quan trực thuộc Liên Hiệp Quốc, bảo trợ. Công ước này đã được hầu hết các quốc gia trên thế giới công nhận, trừ Hoa Kỳ (vì vẫn duy trì án tử hình dành cho trẻ em) và Somalia, và đã được long trọng ký ngày 20-11-1989.

Việt Nam là quốc gia đầu tiên của Châu Á và là quốc gia thứ nhì trên thế giới ký vào Công ước này.

Công Ước về Quyền Trẻ Em được vận động soạn thảo và cho ra đời với mục đích bảo vệ nhân phẩm và quyền sống của tất cả trẻ em trên thế giới.

UNICEF được thành lập năm 1941 sau thế chiến thứ hai để giúp đỡ các trẻ em Châu Âu bị nạn sau đại chiến. Ủy của UNICEF do các quốc gia trên thế giới tài trợ và được nhiều cá nhân như chúng ta ủng hộ, và chỉ ưu tiên tài trợ cho trẻ em và phụ nữ trên khắp thế giới trong các lãnh vực sức khỏe, nước uống, dinh dưỡng, vệ sinh và giáo dục.

Quốc gia nào muốn được UNICEF tài trợ, chính phủ quốc gia đó phải thiết lập một dự án cho toàn quốc và gửi đến trụ sở văn phòng UNICEF tại Liên Hiệp Quốc xét duyệt. Khi dự án được chấp nhận, UNICEF sẽ cùng chính phủ và dân chúng tại quốc gia đó thực hiện.

Tại Việt Nam, từ 1991 đến 1995, UNICEF đã tài trợ 44 triệu USD và từ liệu giúp thêm 91 triệu USD trong những năm 1996-2000. Những tài trợ của UNICEF chủ yếu tập trung vào việc ngăn chặn các bệnh truyền nhiễm do nước uống, các bệnh ngoài da do thiếu nguồn nước sạch. Cũng nên biết là hiện nay dân số trên thế giới đã lên 6 tỷ

người, trong đó chỉ 20,9% có nguồn nước sạch.

Tại miền Nam Việt Nam, dân chúng giặt giũ, tiểu tiện ngay trên sông, những nguyên do gây ô nhiễm trên mặt nước, rồi lại dùng chính nguồn nước đó cho các nhu cầu thường ngày như tắm rửa, ăn uống, tưới trồng. Trên các vùng đồng bằng miền Bắc, dân chúng tưới bón hoa màu bằng nguồn nước lấy từ các hố xí phân người, các loại hoa màu sau đó được mang ra bán ở các chợ. Hậu quả là 95% dân số miền Bắc và 40% dân số miền Nam đều mắc các chứng bệnh về đường ruột.

Các chương trình nhân đạo của UNICEF tại Việt Nam tập trung vào hai lãnh vực: cải thiện nguồn nước sạch và chăm sóc sức khỏe của các bà mẹ và trẻ em. Về việc cải thiện nguồn nước uống, UNICEF tài trợ tiền mua những trang thiết bị cần thiết để đào giếng, đặt ống dẫn nước uống, xây hồ chứa nước và nhà vệ sinh công cộng. Về chăm sóc sức khỏe các bà mẹ và trẻ em, UNICEF tài trợ các chương trình xây dựng bệnh viện, bệnh xá, mua trang thiết bị y khoa, để chính quyền Việt Nam có thể chữa bệnh và phát thuốc miễn phí cho đồng bào ở các khu lao động và thôn quê nghèo khó. UNICEF còn tổ chức nhiều chiến dịch chích ngừa phòng chống các bệnh nhiệt đới và lây lang như tê liệt, sung phổi, phong đòn gánh, đậu mùa, viêm gan, viêm ruột, dịch tả, dịch hạch, sốt xuất huyết, v.v... UNICEF cải thiện các nhà bảo sanh để bảo vệ sức khỏe các bà mẹ, tổ chức các buổi giáo dục ngừa thai và cách sinh đẻ tại gia. Ngoài ra UNICEF còn vận động cấp phát các loại thuốc thông dụng miễn phí như suyền, tiêu chảy, sốt rét, đồ hộ sinh, sữa bột; v.v... Quan tâm chính của UNICEF là các bà mẹ có đủ sức khỏe, hiểu biết nuôi con hợp vệ sinh và khỏe mạnh.

Một quan tâm khác của UNICEF là nạn suy dinh dưỡng của trẻ em. Việt Nam là một quốc gia xuất khẩu lúa gạo, có một bờ biển dài đủ khả năng cung cấp tôm cá cho dân chúng, có nhiều núi rừng

để phát triển chăn nuôi, nhưng dân tộc Việt Nam ăn không đủ no, gần 50% trẻ em Việt Nam bị suy dinh dưỡng, 45% trẻ em dưới 5 tuổi mắc bệnh chậm lớn. Đó là chưa kể 10 triệu người mắc bệnh "ngu" (arriéation mentale), mù mắt vì thiếu chất iốt, sinh tố A... trong cơ thể. UNICEF đã đỡ đầu nhiều lớp huấn luyện phụ nữ trong nước, từ thành thị đến thôn quê, cách chăm nuôi trẻ em khoa học: chọn lọc thức ăn có nhiều sinh tố và chất iốt, giữ gìn vệ sinh cơ thể, vệ sinh môi trường (nhà cửa, cống rãnh, nước uống...).

Tất cả những vấn nạn này đáng lẽ phải do chính quyền Việt Nam đảm nhận nhưng với thời gian không ai quan tâm tới, tình trạng suy đồi vệ sinh và y tế ngày càng gia tăng. UNICEF chính vì vậy đã vào Việt Nam tài trợ một số công tác vệ sinh và y tế công cộng nhằm giúp dân tộc Việt Nam thoát nạn chậm tiến.

Trẻ em Việt Nam rất hiếu học, cha mẹ nào cũng cố gắng lo cho con cái được học hành tới nơi tới chốn với hy vọng sau này chúng thoát cảnh nghèo khó và chăm sóc lại gia đình. Nhưng tại Việt Nam, vấn đề giáo dục trẻ em gần như không được quan tâm đúng mức: các trường lớp phần lớn đều bị hư hao, thiếu vệ sinh, trình độ giảng dạy kém, chương trình giáo khoa thấp, sách vở giáo khoa thiếu. Đó là chưa kể đời sống của tập thể giáo viên quá thấp so với mức trung bình, tại nhiều nơi giáo viên không được trả lương trong nhiều tháng, do đó không thể tập trung tinh thần giảng dạy một cách sốt sắng những mầm non của đất nước. Nạn mù chữ đang đe dọa tương lai dân tộc Việt Nam.

Y thức được nguy cơ này, UNICEF đã tài trợ nhiều chương trình huấn luyện đội ngũ giáo viên, mở thêm nhiều lớp học cho đủ mọi trình độ với những giờ lên lớp thích hợp, xây dựng nhiều lớp học ở những khu lao động, trong các chùa và nhà thờ, tại các làng xa xôi và trong các buôn làng người thiểu số.

Các bà mẹ có một vai trò chủ yếu, nếu không muốn nói là nòng cốt, trong việc giáo dục thiếu nhi mà đầu tiên là vấn đề dinh dưỡng con cái. Nhưng tại Việt Nam, 71% phụ nữ tuổi từ 13 trở lên

THỜI SỰ... TIỀN TỨC...

đều phải làm việc: ở thôn quê thì giúp cha mẹ giữ gìn nhà cửa, làm việc đồng áng, ở khu lao động bán hàng rong trong chợ và trên các đường phố. Đó là số những phụ nữ được cho là có may mắn, bất hạnh hơn là phải làm những nghề trộm cắp, mại dâm, buôn ma túy, bệnh Sida lây lan rất rộng trong giới này. Do thiếu trình độ học vấn và một căn bản sức khỏe tối thiểu, các bà mẹ ở những khu lao động và vùng thôn quê không đủ sức nuôi con, nạn sảy thai diễn ra thường xuyên.

Chìa sẻ tình cảnh hẩm hiu này, UNICEF đã tổ chức những buổi hội thảo, các lớp huấn luyện phụ nữ cách thức nuôi con, chích ngừa để các bà mẹ miễn nhiễm một số bệnh tật có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con cái, Vận động các bà mẹ tham gia các hoạt động gây lợi tức (thành lập các cơ sở tiểu thủ công nghiệp) và hướng dẫn cách thức ngừa thai.

Tình trạng văn hóa và sức khỏe của trẻ em Việt Nam rất đáng lo âu. Năm 1995, Ủy Ban Quyền Trẻ Em Thế Giới nhìn nhận bản phúc trình do ủy ban Việt Nam gửi đến là thẳng thắn và trung thực. Phía Việt Nam đã tự kiểm thảo và nhìn nhận những sai sót trong việc chăm sóc sức khỏe và giáo dục cho các trẻ em, chẳng hạn như không tiên đoán được những hậu quả bất lợi trong công cuộc đổi mới về kinh tế đối với phụ và trẻ em, ít quan tâm đến nạn suy dinh dưỡng đang hoành hành tại các vùng sắc tộc ít người. Ý thức được các vấn nạn này là một điều tốt nhưng phải tìm cách giải quyết chúng.

Tuổi thơ là kỳ vọng của đất nước, mọi quan tâm chánh đáng phải dành cho những mầm non này. Nhưng đó là chuyện tương lai, ngay trong lúc này chúng ta phải cố gắng bằng mọi phương cách giúp trẻ em Việt Nam ra khỏi cảnh lầm than, thiếu đói, tật bệnh, suy dinh dưỡng và giúp trẻ em tìm lại sự hồn nhiên. Người Việt Nam, chứ không ai khác, phải chuẩn bị ngày hôm nay cho ngày mai.

Tương lai của Việt Nam sẽ do những trẻ em ngày hôm nay đảm nhận, chúng ta hãy cùng nhau xây dựng tương lai chung đó để dân tộc Việt Nam không bị thua kém.

Lê Văn Cẩm Phương

Bắc Kinh phóng được phi thuyền không gian

Trung Quốc là nước thứ ba sau Liên Xô cũ và Hoa Kỳ vừa thành công cho phóng một phi thuyền lên không gian. Phi thuyền gia đầu tiên ông Youri Gagarine, người Nga, được phóng lên không gian trong năm 1961. Theo nhật báo Nhân Dân Bắc Kinh ngày 21.11, một phi thuyền thí nghiệm không người có trọng tải 10 tấn được vệ tinh "Trường Chinh 2F" phóng đi từ Tàu Tuyền (Jiu Quan) thuộc tỉnh Cam Túc (Gan Su) phía tây bắc ngày 20.11 và trở lại mặt đất sau 21 giờ trên không gian. Phi thuyền này được ông Giang Trạch Dân đặt tên là "Thần Châu" (Shen Zhou) có nghĩa là "thuyền thần". Ông Giang có lẽ là người ham chơi chữ vì Thần Châu là tên Trung Quốc theo truyền thuyết, chữ châu này có nghĩa lục địa.

Phi thuyền vừa phóng đi không có người nhưng được dự trù sẽ có người vào những chuyến tới. Lẽ ra, phi thuyền này phải được phóng đi vào đầu tháng 10 cùng lúc với ngày kỷ niệm 50 năm thành lập " Cộng Hoà Nhân dân Trung Hoa" nhưng bị "trục trặc" về kỹ thuật. Dù sao đây cũng là một bước tiến lớn về kỹ thuật sau khi một vệ tinh "Đông Phương hồng" được phóng đi ngày 24.4.1970 và sau nhiều lần thất bại trong việc phóng đi ba vệ tinh viễn thông do Mỹ cung cấp.

Như theo thông lệ, sự thành công về kỹ thuật là "nhờ" lý luận của Đảng Tiểu Bình và sự lãnh đạo của Đảng mà ông Giang là "hạch tâm" như trong thư chúc mừng của đại diện Ban chấp hành trung ương Đảng, Quốc Vụ Viện và ban Quân Ủy trung ương. Họ đã quên "tư tưởng" Mao Trạch Đông cũng đã làm xứ họ lụn bại và kiệt quệ trong ba thập niên!

Tổng tuyển cử quốc hội ở Mã Lai

Nhân dân Mã Lai (9,7 triệu trên 22) sẽ bầu lại quốc hội vào ngày 29.11 trước kỳ hạn vì ông Mahatir, người tôn sùng "giá trị Châu Á", đã giải tán quốc hội mà đảng liên minh cầm quyền "Mặt Trận quốc dân" của ông có đa số ghế. Lẽ ra, quốc hội mới sẽ bầu lại trong năm 2000 nhưng ông Mahatir gian lận sợ có thêm 680.000 cử tri trẻ mới sắp được ghi danh

tham dự bầu cử vào đầu năm tới và nhất là người "thừa kế" ông Anwar Ibrahim, cựu phó thủ tướng của ông Mahatir lại bị ông kết án 6 năm tù vì "hối lộ" đang xin kháng án mà kết quả còn chưa biết. Bốn đảng đối lập lần đầu tiên liên minh thành lập "Mặt Trận Thế Đại" cho người ra ứng cử khắp nơi chống lại các ứng cử viên của "Mặt Trận quốc dân" mặc dù đường lối không giống nhau. Điểm chung của họ là chống lại ông Mahatir, năm nay 73 tuổi, đã cầm quyền từ 18 năm qua. Đó là ba đảng chính sau: đảng Hồi giáo Mã Lai (P.A.S) có hậu thuẫn lớn ở nông thôn, đảng Dân chủ hành động (DAP) của ông Lâm Cát Tường (Lim Kit Siang), gốc người Hoa (25% dân số) và đảng "Công Chính quốc dân" do bà Wan Azizah Ismail, vợ của ông Anwar lãnh đạo. Các đảng đối lập không hy vọng thắng cử mà chỉ hy vọng chiếm một phần ba ghế trên 193 để có thể bắt buộc ông Mahatir tự nguyện rời khỏi chính quyền. Trong quá khứ, các đảng đối lập chiếm từ 40 đến 50% phiếu, ngoại trừ năm 1995 chỉ chiếm 35% nhưng chỉ có 25% ghế vì không đoàn kết. Ngoài ra, ông Mahatir còn phải đương đầu với đảng của ông là đảng "Tổ chức quốc dân thống nhất Mã Lai" mà ông đã khôn khéo cho dời đại hội vào năm tới trong trường hợp kết quả bầu cử không khả quan.

Bắc Kinh tiếp tục đàn áp các môn phái

Sau khi ra lệnh cấm chỉ môn pháp Pháp Luân Công trên toàn quốc hồi tháng 7 vừa, nhà cầm quyền Bắc Kinh bước thêm một bước mới: đàn áp các môn phái khí công khác.

Cuối tháng 10 vừa qua, Quốc Hội Trung Quốc chính thức đưa ra đạo luật cấm chỉ các môn phái trong đó, ngoài môn phái Pháp Luân Công đã bị cấm, có nhiều môn phái khác như Từ Bi Công (Xu Bei Gong), Quốc Công (Guo Gong), v.v... Những môn phái này thuộc về khí công.

Lập luận của Bắc Kinh là các môn phái tập luyện khí công đã muốn tổ chức thành những môn phái như Aum Shinrikyo (Thực Tế Siêu Việt) của Shoko Asahara ở Nhật, Miếu Thiêng Liêng Quần Chúng của Jones hay Miếu Thái

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Dương của Luc Jouret ở Âu Mỹ mà những hành động tác quái đã làm cả trăm người bị thiệt mạng. Riêng môn phái Pháp Luân Công, theo Bắc Kinh, đã làm hơn 1.400 người thiệt mạng (con số này cần phải kiểm chứng lại).

Theo Trung Tâm Thông Tin Nhân Quyền đặt tại Hương Cảng, hiện nay có cả ngàn người bị bắt giữ, trong đó có hơn 100 người bị đưa đi các trại cải tạo.

Ở Hải Khẩu, thủ phủ đảo Hải Nam, bốn người lãnh đạo môn phái Pháp Luân Công, các ông Trần Nguyên, Giang Thư Long, Lương Ngọc Lâm, Tống Nhạc Thắng, mỗi người bị kết án 12 năm tù ngày 12-11 vừa qua. Đây là lần đầu tiên các thủ lĩnh môn phái bị đưa ra xét xử ở tòa án và người ta cho rằng sẽ còn nhiều người khác cũng sẽ bị đưa ra tòa xét xử trong những ngày sắp tới. Một số người ngoại quốc (Mỹ, Thụy Điển, Úc) cũng bị cảnh sát bắt hỏi vì có liên hệ với môn phái Pháp Luân Công.

Thiệt hại Thành Nội Huế do lũ lụt

Quân đội và dân chúng Huế đã tham gia công tác vĩ đại là tẩy uế Thành Nội Huế bị ngập dưới gần nửa thước bùn.

Thành Nội Huế là địa điểm tham quan nổi tiếng của Việt Nam, thu hút mỗi năm khoảng 150.000 khách ngoại quốc và 500.000 du khách bản xứ. Tết Mậu Thân năm 1968, Thành Nội đã một lần bị tàn phá khi quân đội Mỹ phản kích đẩy bật quân đội Cộng sản ra khỏi những điểm chốt đóng tại Thành Nội. Trong 5 năm gần đây, Liên Hiệp Quốc đã chi hơn 4,3 triệu USD để bảo tồn những di tích khu vực Huế trong đó một nửa dành cho Thành Nội.

Những thiệt hại gây cho Thành Nội xem chừng cũng giới hạn vì đến nay, Thành Nội đã mở lại cho du khách mặc dù trong sân còn những vũng nước.

Phi Luật Tân phản đối Việt Nam

Quân đội Việt Nam đóng trên đảo Trường Sa đã nổ súng bắn một phi cơ OV-10 của Phi Luật Tân nhưng không gây một thiệt hại nào. Bộ Ngoại Giao Phi Luật Tân đã triệu đại sứ Việt Nam đến để trao văn thư phản đối. Phi Luật

Tân cũng phản đối việc Việt Nam mở rộng một tòa nhà hai tầng trên đảo Trường Sa thành ba tầng.

Phi Luật Tân cho rằng hành động của Việt Nam rất đáng tiếc vì các nước Asean đang nhóm họp tại Bangkok để soạn thảo một văn kiện chung có tính cách 'nội quy' nhằm hạn chế những nguy cơ đụng độ vô trang giữa các nước thành viên.

Theo ngoại trưởng Phi Luật Tân, chiếc phi cơ OV-10 chỉ có nhiệm vụ quan sát công trình xây cất nói trên của Việt Nam và bay ở độ cao khoảng 65 thước khi bị phòng không Việt Nam bắn. Đây là lần thứ hai quân đội Việt Nam tại đảo Trường Sa gây tranh chấp với Phi Luật Tân. Năm ngoái Việt Nam đã bắn vào những ngư phủ Phi Luật Tân ghé vào đảo Trường Sa để hái dưa chuột, gây thương tích cho một người.

Việt Nam tuyên bố rằng quân đội biên phòng của họ đã chỉ bắn cảnh cáo mà thôi.

Các điều kiện luật định về nhân quyền của Hoa Kỳ

Những Điều Khoản Nhân Quyền Trong Đạo Luật HR 3194, Đạo luật Ngân Sách Tổng Hợp (HR 3194) vừa được Hạ Viện Hoa Kỳ thông qua ngày 19 tháng 11 và Thượng Viện ngày 20 tháng 11. Vì đạo luật này được thông qua với đa số trên 2/3, nên dù Tổng Thống có ký hay không, đạo luật vẫn sẽ tự động được ban hành.

Đạo luật này tổng hợp 10 đạo luật riêng rẽ liên quan đến 7 bộ trong chính quyền, với ngân sách tổng cộng là 390 tỉ Mỹ kim. Đây là một đạo luật khổng lồ, dày hai ngàn trang.

Ngoài một số điều khoản liên quan đến các hồ sơ HO, rải rác trong số hai ngàn trang đó còn có một số điều khoản nhân quyền liên quan đến Việt Nam đã được gài vào, một phần do sự âm thầm vận động của một vài tổ chức trong cộng đồng Việt.

Sau đây là phần tóm tắt về những điều khoản này. (Đạo luật tổng hợp bao gồm mười đạo luật riêng rẽ được đánh số theo bộ phận (division). Bộ Phận G là bộ phận liên quan đến Đạo Luật Chuẩn Chi Ngân Sách Bộ Ngoại Giao.) Cải Thiện Chương Trình Trao Đổi Văn Hoá Và

Giáo Dục Điều khoản 402 Phần G ấn định rằng đối với các quốc gia thiếu nhân quyền và dân chủ, Bộ Ngoại Giao phải tạo phương tiện cho các thành phần lãnh đạo dân chủ và nhân quyền hoặc những người ủng hộ dân chủ và nhân quyền tham gia các chương trình trao đổi với Hoa Kỳ, gồm học bổng Fulbright và những chương trình tương tự. Các tổ chức nhận tài khoản để thực hiện chương trình trao đổi phải được tuyển chọn theo tiêu chuẩn là có khả năng đưa được những thành phần kể trên sang Hoa Kỳ hay không và phải chứng minh là không bị chi phối bởi chính quyền sở tại. Điều khoản này do DB Christopher Smith (Cộng Hoà, New Jersey) đưa vào để nói rộng một điều luật ban hành năm 1995. Điều luật nguyên thủy này không đặt điều kiện đối với các tổ chức lãnh ngân khoản để thực hiện chương trình trao đổi.

Năm 1998, Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển đã đưa cho Dân Biểu Smith danh sách của một số trường hợp xứng đáng nhưng đã bị nhà nước Việt Nam chặn không cho tham gia các chương trình trao đổi của Hoa Kỳ. Cơ Quan Thông Tin Hoa Kỳ, chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các chương trình trao đổi, đã hoàn toàn làm ngơ về tình trạng này.

Với điều luật nói rộng, Cơ Quan Thông Tin Hoa Kỳ sẽ khó làm ngơ vì nay đã có luật làm ngơ là cố tình vi phạm điều luật này.

Chương Trình Fulbright cho Việt Nam

Điều khoản 104 Phần G ấn định 4 triệu Mỹ kim mỗi năm, cho hai năm 2000 và 2001, để cấp học bổng cho sinh viên và học giả Việt Nam sang Hoa Kỳ tu nghiệp. (Trong hai năm 1998 và 1999, số tiền là 3 triệu Mỹ kim mỗi năm.) Trên nguyên tắc các học bổng này phải được cấp cho những thành phần xứng đáng với mục đích khi về nước sẽ góp phần xây dựng một xã hội tự do và cởi mở.

Tuy nhiên trong thực tế thì phần lớn chỉ có thành phần con ông cháu cha hay thành phần có tiền chạy chọt thì mới có điều kiện tham gia. Trong ngôn ngữ quản lý (managers' language) đi kèm với đạo luật, Quốc Hội yêu cầu Bộ Ngoại Giao bảo đảm là mọi thành phần

THỜI SỰ... TUYÊN TỨC... THỜI SỰ...

xúng đáng phải có cơ hội tham gia và phải tuân hành theo điều khoản 402 kể trên, nghĩa là phải tạo phương tiện cho các thành phần yêu chuộng tự do và dân chủ tham gia chương trình Fulbright thay vì chỉ có cán bộ nhà nước, con cháu của họ, và những kẻ có tiền chạy chọt là được tham gia mà thôi. Ngôn ngữ cho biết là một số uỷ ban trong Quốc Hội sẽ theo dõi vấn đề thực thi điều khoản này của Bộ Ngoại Giao.

Ngôn ngữ quản lý không phải là luật nhưng có giá trị của một chỉ thị từ các vị dân cử chịu trách nhiệm quản lý các bộ phận ngân sách quốc gia. Hành pháp luôn luôn tuân hành theo các chỉ thị này trừ khi có những lý do đặc biệt.

Báo Cáo Về Tình Trạng Nhân Quyền ở Việt Nam

Điều khoản 209 Phần G ấn định là Bộ Ngoại Giao trong năm 2000 và 2001 cứ mỗi 6 tháng phải báo cáo cho Quốc Hội về việc tìm người Mỹ mất tích và về các vấn đề nhân quyền sau đây: Việt Nam trả tự do cho tất cả các tù chính trị và tôn giáo, Việt Nam hoàn toàn hợp tác trong việc để các cá nhân trong danh sách của Hoa Kỳ tham gia chương trình HO và ROVR, và Việt Nam phải có những biện pháp mạnh mẽ để diệt trừ nạn tham nhũng trong vấn đề xuất cảnh. Ngoài ra Bộ Ngoại Giao phải báo cáo về những cố gắng từ phía Hoa Kỳ nhằm giải quyết các hồ sơ HO, ROVR và U11.

Những báo cáo này sẽ được dùng bởi Quốc Hội trong việc cứu xét việc gia hạn hay không gia hạn đặc miễn điều kiện Jackson-Vanik cho Việt Nam.

Báo Cáo Về Tự Do Tôn Giáo ở Việt Nam

Ngôn ngữ quản lý đi kèm với đạo luật đòi hỏi Bộ Ngoại Giao nội trong vòng 6 tháng kể từ ngày ban hành đạo luật, phải báo cáo với các Uỷ Ban Ngân Sách của Hạ Viện và của Thượng Viện về sự hợp tác của Việt Nam trong việc để cho các giáo hội độc lập tự do hoạt động, trong việc hoàn trả các tài sản bị tịch thu từ năm 1975 lại cho các giáo hội độc lập, trong việc để một phái đoàn tôn giáo và bác sĩ từ Hoa Kỳ thăm viếng Đại Lão Hoà Thượng Thích Huyền Quang, và trong việc để các người tranh đấu cho

dân chủ và nhân quyền ở Việt Nam tham gia các chương trình trao đổi với Hoa Kỳ.

Ngôn ngữ này được Dân Biểu Frank Wolf (Cộng Hoà, Virginia) đưa vào trong ngôn ngữ quản lý của đạo luật thể theo lời yêu cầu của Uỷ Ban Tự Do Tôn Giáo Cho Việt Nam. Mùa hè vừa qua một phái đoàn của UBTDG/VN đã tiếp xúc trực tiếp với DB Wolf để trình bày về tình cảnh hiện nay của các giáo hội ở trong nước. DB Wolf là tác giả của Đạo Luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế được ban hành năm ngoái.

Điểm cuối cùng trong ngôn ngữ kể trên đòi hỏi Bộ Ngoại Giao không những phải bảo đảm rằng những thành phần yêu chuộng tự do và dân chủ ở Việt Nam được mời tham gia các chương trình trao đổi với Hoa Kỳ, mà còn phải báo cáo về những gì Bộ Ngoại Giao đã làm và sự hợp tác hay thiếu hợp tác của phía Việt Nam.

Cải Tổ Chương Trình Tị Nạn

Điều Khoản 253 trong đạo luật HR 3194 ấn định là Bộ Ngoại Giao không được tuyển dụng những người liên quan đến chế độ đàn áp để làm việc trong các chương trình tị nạn của Hoa Kỳ, dù chỉ là thông dịch cho những người xin tị nạn.

Điều khoản này là kết quả của cuộc vận động cho các hồ sơ HO bị từ chối một cách oan uổng. Trước đây rất nhiều người xin tị nạn đã không dám khai báo gì tại bàn phỏng vấn vì có sự hiện diện của thông dịch viên do Bộ Nội Vụ Việt Nam cung cấp. Kết quả là họ bị bác đơn tị nạn một cách oan ức.

Đầu năm nay, khi văn phòng ODP chuyển từ Bangkok về Sài Gòn thì vị trưởng văn phòng đã tuyển dụng ngay bốn cựu thông dịch viên của Bộ Nội Vụ, không những chỉ để thông dịch, mà còn để xử lý hồ sơ. Trước tình trạng ngày càng tệ hại này, một số hội đoàn Hoa Kỳ và Uỷ Ban Cứu Người Vượt Biển đã báo động với Quốc Hội. Sau nhiều cuộc thương thảo, Bộ Ngoại Giao cuối cùng đồng ý tuyển dụng nhân viên người Việt từ hải ngoại, như đã trình bày trong bài giải thích về điều khoản liên quan đến các hồ sơ HO (xin xem bài Cuộc Vận Động Cho HO Đã Thành Công Phần Lớn, ngày 20 tháng 11, 1999).

Điều Khoản 253 áp dụng nguyên tắc này cho tất cả chương trình tị nạn của Hoa Kỳ trên thế giới, không riêng gì đối với người Việt. Xem như thế thì kinh nghiệm đau thương của những trường hợp HO bị đánh rớt một cách oan uổng đã là một bài học góp phần cải thiện chương trình tị nạn nói chung của chính phủ Hoa Kỳ trên toàn thế giới.

Điều Khoản Xoa Nợ Cho Các Nước Cực Nghèo

Gần đây, Tổng Thống Clinton ráo riết vận động cho việc xoá nợ cho những nước cực nghèo, trong đó có Việt Nam. Trong chương trình xoá nợ này, các quốc gia chủ nợ sẽ xí xoá tất cả các khoản nợ tích lũy từ trước đến giờ. Điều khoản 501 thuộc phần Các Khoản Ngân Sách Phụ Trợ ấn định điều kiện xoá nợ nhằm ngăn ngừa tình trạng sau vài năm thì quốc gia được xoá nợ lại rơi vào nợ nần như cũ vì nền kinh tế thiếu hữu hiệu hay vì nạn tham nhũng quá trầm trọng. Sau đây là số điều kiện liên quan đến vấn đề tự do dân chủ.

1. Các quốc gia có ngân sách quốc phòng quá cao so với tổng sản lượng quốc gia sẽ không được xoá nợ.
2. Các quốc gia vi phạm nhân quyền một cách trầm trọng không được xoá nợ.
3. Các quốc gia muốn được xoá nợ thì phải chấp nhận cải tổ kinh tế và xã hội để bảo đảm sự trong suốt trong chính quyền, trong vấn đề làm chính sách, và trong tiến trình lập ngân sách quốc gia; phải khuyến khích sự tham gia của dân chúng và các tổ chức ngoài chính phủ vào việc quyết định chính sách kinh tế; phải có một kế hoạch bài trừ nạn nghèo đói và bảo vệ môi sinh; phải phát triển và củng cố khu vực tư doanh; phải mở rộng kinh tế thị trường; và phải có chương trình cụ thể để chống nạn tham nhũng.

Nếu không có những điều kiện này thì việc xoá nợ nhiều khi sẽ phản tác dụng: vì đỡ nợ nần, các chính quyền sẽ không cảm thấy áp lực phải cải tổ định chế hành chánh, kinh tế, và xã hội, như là tình trạng ở Việt Nam trong 5 năm trở lại đây.

LTS: Tin trên đây trích từ bài viết ngày 24-11-99, do Mạng Lưới Nhân Quyền phổ biến, của ông Nguyễn Đình Thắng, Hoa Kỳ

Thư mời

Thưa quý vị và các bạn,

Thư này đến tay quý vị và các bạn lúc chúng ta sắp bước sang thiên niên kỷ thứ ba của Tây lịch. Các nước tiên tiến Âu-Mỹ đang tung bừng sửa soạn đón mừng sự kiện "ngàn năm một thừa" trong hoàn cảnh hết sức thuận lợi. Kinh tế ở trong chu kỳ phát triển liên tục với những thành quả vượt bậc cho năm nay và những dự đoán tốt đẹp hơn nữa cho năm dương lịch mới. De dọa của chiến tranh hạt nhân toàn cầu đã được đẩy lùi xa từ khi khối Liên Xô tan vỡ. Rất nhiều lễ kỷ niệm cùng các sinh hoạt văn hóa, khoa học, nghệ thuật... sẽ được tổ chức long trọng trong suốt năm 2000. Người dân tại các quốc gia dân chủ Tây phương lạc quan về tương lai và tin tưởng có thể làm chủ vận mệnh của mình trước các thách đố của xu hướng toàn cầu hóa trên mọi lãnh vực, từ tài chính, thương mại tới văn hóa, giáo dục.

Trong khi đó đại đa số đồng bào chúng ta tại quê nhà vẫn phải chịu đựng bất hạnh của nghèo đói, khổ cực. Kinh tế tụt hậu từ ba năm nay. Đầu tư ngoại quốc sút giảm trầm trọng. Số người thất nghiệp gia tăng. Xã hội tiếp tục băng hoại. Không một lãnh vực nào, một ngành nghề nào có triển vọng tốt đẹp cả. Thêm vào đó nạn lụt "thế kỷ" tại miền Trung đã làm gần cả triệu người lâm vào cảnh màn trời, chiếu đất. Nhưng thảm hại hơn cả thiếu thốn vật chất là cho đến cuối thế kỷ này, sau bao nhiêu hy sinh xương máu, người Việt Nam vẫn chưa có tự do, vẫn phải sống trong lo sợ vì áp bức thường xuyên của bộ máy quyền lực. Trí tuệ và nội lực của dân tộc vì vậy bị trói buộc, kìm hãm.

Nguyên do của tình trạng bi đát trên là chế độ độc tài, độc quyền của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Hay chính xác hơn là của băng đảng lãnh đạo thủ cựu, chỉ bo bo giữ lấy đặc quyền, đặc lợi, bất chấp quyền lợi của đất nước và dân tộc. Tất cả đường lối, chính sách của họ nhằm mục đích chính là bảo vệ quyền lực và quyền lợi của bè nhóm. Cõi đất nước là của riêng, họ xử xử như những ông vua, ông quan của thời đại phong kiến. Sự hoãn lại việc ký kết hiệp ước thương mại Việt-Mỹ là một chứng cứ gần nhất.

Trước đường lối phản dân, hại nước đó những chiến sĩ dân chủ trong nước đã tiếp tục dũng cảm nói lên tiếng nói của lương tâm, của trí tuệ Việt Nam, bất chấp những trấn áp và thủ đoạn mafia của bạo quyền. Những khuôn mặt lớn của đối lập dân chủ như Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu, Thích Quảng Độ, Thích Tuệ Sĩ, Trần Độ... đang bị công an bao vây, cô lập hóa. Thân nhân, bè bạn của họ bị đe dọa, những nhiều. Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái vẫn còn bị tù đầy.

Để chia sẻ nỗi ưu tư với đồng bào quốc nội về tương lai của đất nước và nhất là để chúng tôi tỏ sự khâm phục và ủng hộ đối với những người dân chủ trong nước, chúng tôi kính mời quý vị và các bạn tham dự, ngay vào đầu năm dương lịch mới:

Ngày ủng hộ những người dân chủ trong nước

**tổ chức vào chủ nhật 2-1-2000,
từ 14 giờ 30 đến 19 giờ,**

**tại Maison des Mines et des Ponts et Chaussées,
270, rue Saint Jacques - 75005 Paris.
RER B: Port Royal**

Kính thư,
Liên Minh Dân Chủ
Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ
Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam
Thông Luận

Mục lục

1. *Tình dân tộc nghĩa đồng bào*
Thông Luận
2. *Thiên niên kỷ Thiên Chúa hóa*
Châu Á
Huỳnh Hùng
3. *Châu chấu đá đổ xe, rồi gì nữa?*
Bùi Tín
5. *Dân chủ: con đường đổi mới duy nhất*
Tôn Thất Long
9. *Một thoáng suy tư về châu Phi*
Nguyễn Gia Kiểng
12. *Trung Quốc và Tổ Chức Mậu Dịch Quốc Tế*
Nguyễn Phi Phụng
14. *Thư khiếu nại của*
bà Nguyễn Thanh Giang
15. *Thương tiếc Hoàng Hữu Nhân*
Không có tên tác giả
17. *Thư bạn đọc*
18. *55 năm sau nhìn lại: cách mạng hay cướp chính quyền?*
(Phần II, tiếp theo và hết)
Trần Thanh Hiệp
23. *Biển* (Truyện ngắn)
Miêng
24. *Độc truyện Miêng*
Mai Ninh
25. *Viện trợ nhân đạo và công tác cứu trợ tại Việt Nam*
Nguyễn Văn Huy
28. *UNICEF và Việt Nam*
Lê Văn Cẩm Phượng
29. *Tin tức thời sự*
32. *Thư mời ngày dân chủ 2-1-2000*

Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam

ủng hộ tinh thần và vật chất các tù nhân chính trị và những người mắc nạn vì tự do dân chủ.

Hội viên tích cực : 200 FF/năm
Hội viên ân nhân : từ 500 FF/năm trở lên

Liên lạc:

Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam
Vietnam Libertés
11 Mail Le Corbusier
77185 Lognes - France